

Số 101

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

Tương lai
của nhân loại

Tr. 25

Viên Ngọc Như Ý

Tr. 16

*Đời sống
là nghệ thuật*

Tr. 07



TÔN HOA SEN



Mái ấm gia đình Việt

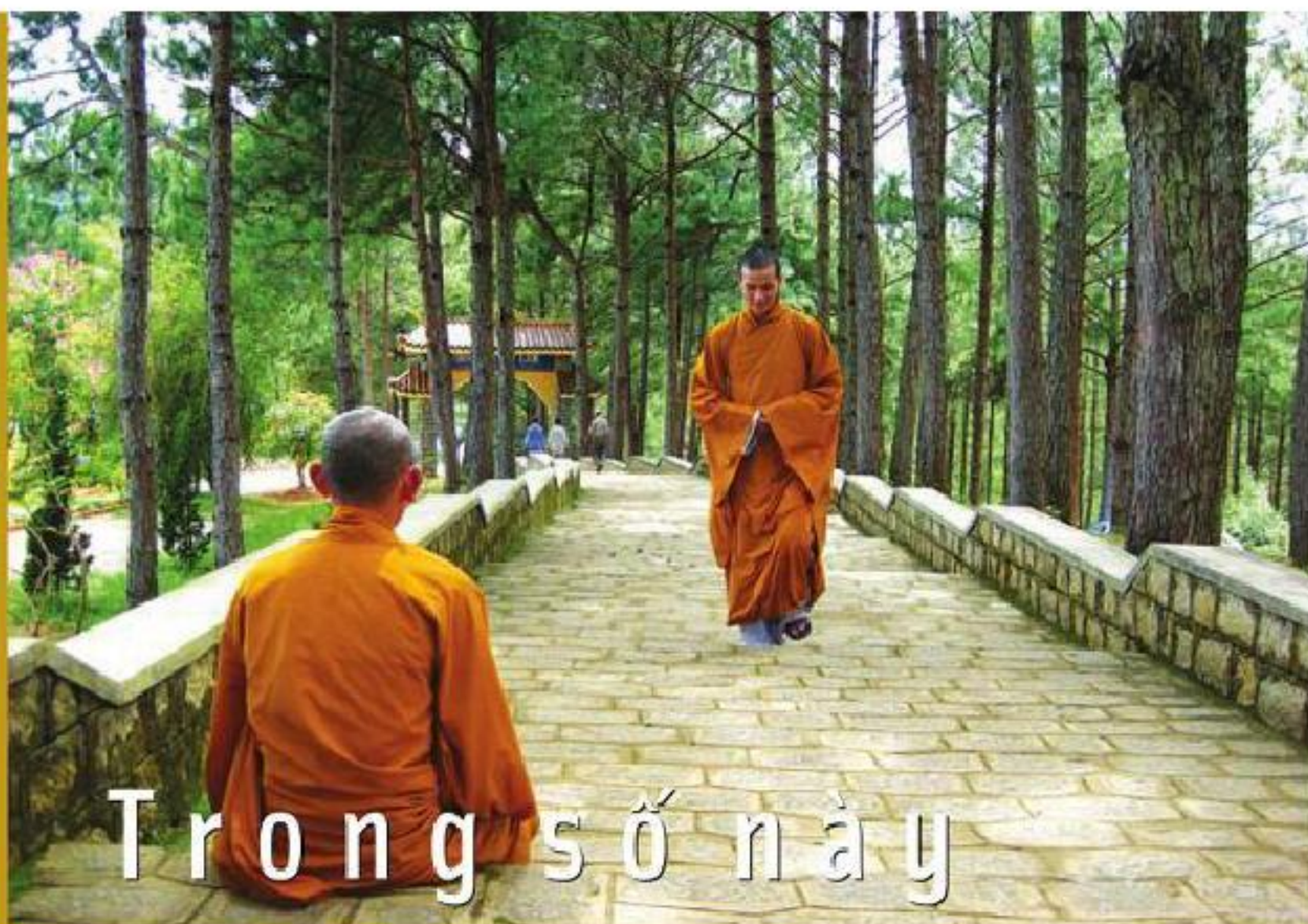
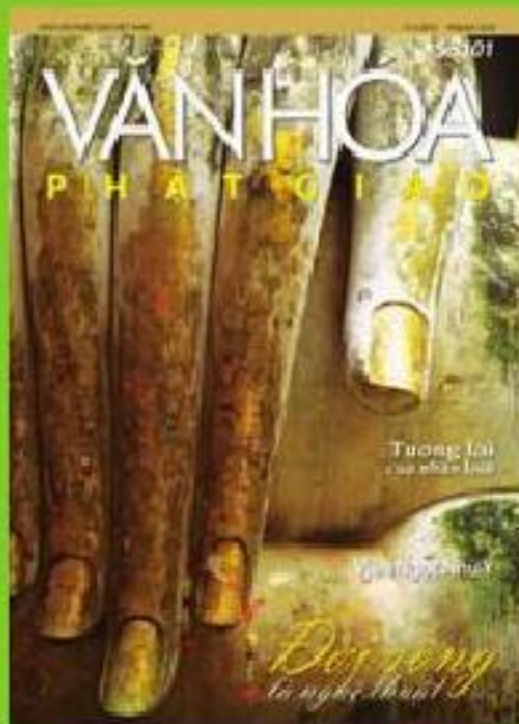
Số 9 Đại lộ Thống Nhất - KCN Sóng Thần 2 - Dĩ An, Bình Dương

Tel: 0650.3791.791 - Fax: 0650.3791.792

VPĐD: 215-217 Lý Tự Trọng, Q.1, Tp.HCM

Tel: 08.3910.6910 - Fax: 08.3910.6913

www.hoasengroup.vn



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỆN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Hồ Thị Phương Châu, DD: 0914 063 669

Quảng cáo
Cô Thu Suong, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Văn hóa - Thông tin
số 96/GP-BVHTT và 66/GP-SĐBS
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Văn hóa lễ hội và lễ hội phi văn hóa (Nguyễn Cần)	3
Sương mai	5
Cảm niệm về Anh (Nguyễn Việt Kế)	6
Đời sống là nghệ thuật (Nguyễn Thế Đăng)	7
Lợi sinh để hoằng pháp (Minh Mẫn)	9
Thân bệnh nhưng tâm không bệnh (Diệu Nhan)	12
Nấc thang đầu đời (Tâm Thức)	14
Viên ngọc như ý (Thị Giới dịch)	16
Ý nghĩa của sự giàu có trong Phật giáo (P.A. Payutto)	18
Chuyện chim diều hâu (Tấn Nghĩa)	20
Tuyệt vọng (Thích Minh Niệm)	22
Tương lai của nhân loại (Đại sư Tuyên Hóa)	25
Đi một ngày đàng... (Phó Đạo)	29
Erich Wulff (1926-2010), vài nét tiểu sử liên quan đến Việt Nam (Thái Kim Lan)	33
Về bài Cầm Sát của Lý Thương Ẩn và ảnh hưởng của bài thơ đối với Nguyễn Du trong Truyện Kiều (Vĩnh Sính)	36
Mùa xuân trong thơ Haiku Nhật Bản (Hoàng Xuân Vinh)	41
Cánh cò trên sông Hương (Cao Huy Hóa)	44
Gió trên đỉnh Bạch Mã (Hố Đăng Thanh Ngọc)	46
Đi tìm người "Bắt trẻ đồng xanh": Câu chuyện Holden Caulfield (Phạm Văn Nga)	48
Thơ	50
Những kẻ đánh cắp tuổi thơ: Truyện ngắn của Nguyễn Quân	52
15 ngày	55
Mùa xuân Tây Bắc trong tôi (Trần Văn Hạc)	56
Đầu xuân thường mai (Quách Giao)	58
Lời cảm ơn cuộc sống	60
Món chay: Mì Quảng (Hoàng Anh - Phú Xuân)	61

Bìa 1: Xúc địa.

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Bước vào năm hoạt động thứ sáu, Văn Hóa Phật Giáo có thể vui mừng bày tỏ trước toàn thể quý ân nhân, thân hữu và độc giả rằng tờ tạp chí của chúng ta đang có những bước phát triển chậm nhưng chắc.

Thật vậy, trong vòng hơn nửa năm qua, tạp chí đã có những cố gắng để kiểm soát chặt chẽ mọi hoạt động, đặc biệt là công tác phát hành và trị sự, nhờ đó khá nhiều điều yếu kém lúc trước đã được khắc phục. Trong cùng thời gian đó, với những cải cách liên tục về mặt biên tập và trình bày, tạp chí đã thường xuyên nhận được sự khích lệ từ rất nhiều độc giả cả trong nước lẫn ngoài nước. Điều đó đã được cụ thể hóa bằng việc số lượng báo phát hành trong nửa năm qua liên tục tăng lên một cách đều đặn. Những khó khăn của tạp chí về các mặt tài chánh và nhân sự đã bắt đầu giảm nhẹ.

Cũng nằm trong chương trình của năm hoạt động thứ sáu, VHPG đang chờ chuyển trụ sở. Sau khi dãy Đông lang của tòa Thiền viện Quảng Đức được xây dựng xong, dãy Tây lang nơi tạp chí VHPG đang đặt tòa soạn sẽ bị đập bỏ để tiến hành xây mới theo kế hoạch. Được biết Trung ương GHPGVN đã dành cho VHPG một nơi làm việc bên dãy Đông lang. Hy vọng rằng trước sự phát triển của tạp chí và để đáp ứng được nhu cầu hoạt động, VHPG sẽ được giao cho một diện tích rộng hơn 32 mét vuông của ba căn phòng nhỏ như hiện nay. Việc chuyển trụ sở tất nhiên sẽ tác động đến công việc biên tập của VHPG, nhưng những người chủ trương tạp chí xin hứa sẽ hết sức cố gắng để không làm ảnh hưởng đến phẩm chất và giá trị của tờ báo trong thời gian phải di chuyển.

Ngoài mục đích dùng con đường văn hóa để truyền bá đạo Phật, để bảo vệ và phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc góp phần xây dựng nếp sống hiền thiện trong xã hội, tạp chí còn chuyên chở những gợi ý về các giải pháp Phật giáo cho những vấn đề nhân sinh trong thời đại mới. Sự ủng hộ của độc giả cho thấy chủ trương của VHPG là đúng đắn và chủ trương đó sẽ luôn được giữ vững.

Sau cùng, VHPG xin gửi đến toàn thể ân nhân, thân hữu và quý độc giả lời cảm ơn chân thành về việc đã dành cho tạp chí sự ủng hộ nhiệt tình, khích lệ tạp chí tiếp tục phục vụ Đạo pháp và Dân tộc theo đúng tinh thần của Chánh pháp.

Xin kính chúc quý vị thân tâm thường lạc.

Văn Hóa Phật Giáo



Văn hóa lễ hội & Lễ hội phi văn hóa

NGUYỄN CÁN

Theo thống kê chưa đầy đủ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, mỗi năm cả nước có đến khoảng 8.000 lễ hội, địa phương nhiều nhất là Hà Nội với 1.095 lễ hội. Tháng Giêng là tháng của lễ hội vì "đi lễ quanh năm không bằng ngày rằm tháng Giêng". Khắp nơi, từ Nam chí Bắc, người người lũ lượt du xuân tham gia lễ hội. Nhưng đọc các trang báo hàng ngày, chúng ta không khỏi rùng mình khi người ta đang biến lễ hội thành những phiên chợ mua bán quyền linh và chưa bao giờ nếp sinh hoạt văn hóa lại trở nên dung tục phũ phàng đến thế!

Từ rác...

Ở chùa Thầy (thuộc xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, Hà Nội) thì "... rác lên đến tận các vách núi chợ Trời, rồi gió thổi thốc vào mặt du khách, rác trôi theo vách núi xuống các khu dân cư. Rác đọng thành kho trong các hẻm núi đá Đỉnh Trời, mỗi lúc gió lùa mủn vụn rác tống vào mặt du khách. Đường leo núi đá tai mèo trơn trượt và êm ru... toàn rác" trong khi tại chùa Tây Phương (thuộc xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, Hà Nội) tình trạng cũng thật bi

đát "... hàng quán bán tràn ngập các lối đi cả trăm bậc lên chùa... Rác xả ra nong nặc. Chiều về chùa khét lẹt, khói mù mịt bởi người ta đổ dầu vào đốt rác (báo Tuổi Trẻ số ra ngày 28-02-2010).

Cũng báo Tuổi Trẻ ghi nhận về tình trạng lễ hội ở chùa Hương (thuộc xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, Hà Nội) rằng: "... năm nay đông chưa từng thấy nên rác cũng nhiều hơn, vun thành đống giữa nơi khách nghỉ ngơi, ăn uống...".

Còn nhiều và nhiều nữa, nào là chùa Đậu thuộc thôn Gia Phúc, xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín hay đền Và thuộc thôn Vân Gia, xã Trung Hưng, thị xã Sơn Tây..., ở đâu cũng... rác!!

... đến mặc cả với quyền linh

Điều đáng nói là không chỉ xả rác, người ta còn đi lễ để tiến hành mặc cả với thánh thần, Trời Phật. Ở đền Đá Đen, nơi thờ thân mẫu của Đức Thánh Tản Viên dưới chân núi Ba Vì thuộc xã Tản Lĩnh, huyện Ba Vì, Hà Nội, người ta thấy... "họ ném tiền vung vãi, đội mâm lễ nặng trĩch trên đầu... rồi khấn Thánh vượt ve che chở, nằng thì Thánh che, mưa thì Thánh đẩy, xin xỏ tiền vào như nước

sông Đà, tiền ra nhỏ giọt như cà phê phin". Người thì tế lễ, kẻ thì đếm tiền từ những cái mâm đĩa...

Tại đền bà Chúa Kho thuộc thôn Cổ Mễ, xã Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh, người ta đưa nhau đi vay tiền, vay lộc hay đổ xô chen nhau đi xin "lương" ở đền Trần Thương thuộc xã Nhân Đạo, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam đến nỗi có người lẫn ra ngất xỉu.

Còn phải kể đến tình trạng bói toán đoán số mệnh tràn lan từ chùa đến đền...

Người ta mặc cả công đức với Trời Phật, thánh thần bằng cách nhét tiền vào tượng, mua bán lễ vật, khăn vái lung tung nhưng tựu trung cũng chỉ mong được 'giàu hơn năm cũ càng nhiều càng tốt, bất chấp thủ đoạn'.

Lễ hay Hội?

Xen giữa những trò mê tín là một sân khấu ngoài trời của cờ bạc đồ đen, xóc đĩa... Một nơi làm ăn cho những quan chức địa phương giữ xe với giá... cắt cổ, phó mặc bọn con buôn tha hồ tung hoành, bọn lưu manh chen chúc móc túi, lừa đảo...

Phóng viên báo Tuổi Trẻ Lăng Quân phải kết luận "Nhiều sự mê lú, tham lam, thiếu văn hóa và cả sự quản lý chưa thấu đáo đã đánh bật cả thánh thần trong di tích, đã cướp mất của chúng ta những cõi thanh tịnh".

Tóm lại, không là Lễ mà cũng chẳng phải Hội!

Đâu rồi phong tục ngày xưa?

Nếu nói lịch sử đi lên theo hình xoáy tròn ốc đơn hay kép đi nữa thì văn hóa của chúng ta hình như đang đi xuống theo đường thẳng đứng vì thiếu hẳn sự ngăn chặn của những cấp có thẩm quyền hay ngành chức năng trong việc tổ chức gìn giữ những nét đẹp ngày xưa. Chúng ta đã có một thời say mê bài thơ *Đi lễ chùa Hương* hay bài hát với những ca từ nhẹ nhàng "Trên đường đi lễ xuân đầu năm... mong một năm hạnh phúc an lành...". Người ta đi chùa với tín tâm, khẩn thiết gia trạch bình yên, thân tâm an lạc, đất nước thái hòa... Thế thôi, chứ không cụ thể đến... chan chất như vay bà Chúa Kho ngàn lượng vàng, hứa sang năm trả gấp đôi (?).

Theo TS. Nguyễn Xuân Diện, Phó Giám đốc Thư viện Hán Nôm thì "... trước tiên ngành văn hóa phải có trách nhiệm... thể hiện bằng việc ban hành những quy chế cụ thể về lễ hội... các lễ vật được phép và không được phép mang đến..., và phải tuyệt đối cấm các trò cờ bạc".

Người viết đã nghe một Sư cô tâm sự đầu năm: "Họ mang cả gà quay và chó thui vào cúng, mình không cho thì họ phá nát một góc chùa (Chùa Vĩnh Phúc, thôn Sen Hồ, Bắc Giang).

Chúng ta đi từ cực tả (chống tất cả hình thức nghi lễ) sang cực hữu (mê tín trầm trọng), mà vẫn chưa hay không xây dựng được "một nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc" như thường được đề ra trong các nghị quyết hay được đọc lên trong nhiều bài diễn văn. Có thể khẳng định, nền văn hóa như thế chỉ có thể có nếu xã hội được dẫn đạo bởi những nguyên lý đạo đức, mà

trong lịch sử chúng ta thì đó là **nguyên lý Phật giáo**.

Thật vậy, khả năng dung hòa rộng rãi và mạnh mẽ của đạo Phật là điều đã được lịch sử chứng minh. Nhờ vào sự dẫn đạo sáng suốt của thực chứng, của những nguyên lý Phật học, ngay từ thời Asoka, các nhà truyền bá Phật pháp đã biết thích nghi với xã hội, phong tục tập quán, chính trị, kinh tế và nhân tâm nơi các vị đó đến để Phật pháp có thể thâm nhập một cách ôn hòa vào lòng người. Ở Trung Hoa chẳng hạn, người ta có thể thấy ngoài việc thờ Phật trong các chùa vẫn duy trì những hình thức thờ cúng tổ tiên, thờ Ngọc hoàng Thượng đế, thờ Quan Văn Trường được tôn xưng là Quan Thánh đế quân, thờ bà Thiên Hậu... Tại Việt Nam cũng vậy, nhà chùa cũng còn là nơi thờ cúng các vị anh hùng dân tộc như Đức Trần Hưng Đạo, Đức Thánh Tản Viên... Không những thế, một số hoạt động như đoán xăm, giải mộng, cúng sao giải hạn, làm thuốc... vốn đã tồn tại trong dân gian cũng được đạo Phật chấp nhận. Việc thờ cúng tổ tiên hay thờ cúng các bậc tiên hiền, các anh hùng dân tộc ngoài ý nghĩa tỏ lòng tri ân tiền nhân còn giúp con người nâng cao tinh thần yêu quê hương xứ sở, yêu cộng đồng và xa hơn là yêu nước. Các hoạt động đoán xăm, giải mộng... là dựa vào lòng tin của con người mà khuyên người bỏ ác làm lành. Trong quá trình đến với đạo Phật qua các hình thức tín ngưỡng dân gian đó, lần lần người tin Phật được các nhà hoằng pháp khuyên nhủ bỏ lẩn các yếu tố mê tín, tăng cường chánh tín, hướng đến trí tuệ.

Vì thế mà những người quản lý hoạt động tự viện, chùa chiền cần phải nhớ hành trì trong tinh thần tu chứng, không chấp vào hình thức sự tướng vốn là nguyên nhân của suy đồi, sa đọa tinh thần. Đó là lý do người ta không thể nhân danh cúng dường Phật hay thờ Tổ mà sát sinh bừa bãi, ăn uống no say, cầu đảo mê tín, mua thần bán thánh, những biến tướng vốn bắt nguồn từ việc thiếu tinh thần dẫn đạo của tu chứng. Trong trường hợp đó, đạo Phật đã không dung hòa được thế gian pháp mà trái lại, còn bị thế gian pháp đồng hóa.

Người viết có đọc một bài viết của HT.Thích Trí Quang viết cách đây 59 năm khi đề cập đến vai trò của Hội Phật học (thành lập 1932): "Ai ra Hà Tĩnh cứ đến ngày chợ phiên tỉnh sẽ thấy và nghe các hàng bán vàng mã, gà vịt ế ẩm đi và khiển trách Hội Phật học. Vì từ ngày Hội Phật học được lập ở tỉnh ấy, dân chúng không còn mua gà vịt, vàng mã để Tết giỗ, cúng kính ngày mồng năm nữa... Cho dầu ngày nay còn một số người bám víu mê tín dị đoan nhưng thâm tâm họ cũng hiểu là sai lầm, điên đảo. Đó cũng là kết quả do Hội Phật học đem Chánh pháp truyền bá ra vậy".

Người xưa đã làm được như thế. Còn chúng ta hôm nay nghĩ gì khi đọc những dòng trên? Chúng ta tự hỏi vai trò của các cơ quan văn hóa và Giáo hội hiện nay đang ở đâu trong 8.000 lễ hội khi mà ý nghĩa văn hóa của lễ hội trở nên nhạt nhòa và chỉ còn là hoài niệm? ■

*Tất cả chúng sinh nghĩ tưởng khác nhau
nên tạo nghiệp khác nhau; do đó luân
chuyển trong các nẻo đường.
(Kinh Thập thiện nghiệp đạo)*

Cảm niệm về anh

NGUYỄN VIỆT KẾ

LTS: Ngày 29 tháng Giêng âm lịch là ngày giỗ vị cố Tổng Biên tập Tạp chí VHPG, cư sĩ Nguyễn Hùng VĨ ĐÌNH CƯỜNG. Ông cũng là một trong những người đóng góp nhiều công sức vào việc khai sáng và phát triển phong trào Gia đình Phật tử Việt Nam. Đầu tháng 3-2010, VHPG có nhận được một bài viết tưởng nhớ ông. Xin trân trọng giới thiệu những dòng cảm niệm chân thành của một huynh trưởng Gia đình Phật tử.



Trời mùa xuân cả tháng nay lạnh giá
Tưởng chừng như dự báo nỗi niềm đau
Tin Anh Cả ra đi làm xứ Huế âu sầu
Làm cây lá bổ để chùa Từ Đàm xao xác.
Gần 70 năm dù màu áo Lam đã bạc
Nhưng tuổi hơn 90, **"Ánh đạo vàng"** còn ngời sáng
trong tim

Nhớ về Anh **"Đầy gia đình"** còn tiếng vang ngân
Tưởng nhớ cội nguồn **"Suối từ"** thanh trong lưu viễn.
Anh Cả kính yêu ơi,
Nhớ thuở ngày xưa, quê Thạch Bình, Quảng Điền xứ Huế
Anh sinh ra trong truyền thống Phật giáo thuần thành
Từ những năm 40 Đoàn Thanh niên Phật học Đức
Dục ra đời

Đã có Anh, một đóa sen tỏa hương ngào ngạt
Tuổi thanh niên Anh dẫn thân theo con đường Đạo pháp
Cùng cố cư sĩ Tâm Minh, xây dựng Phật hóa phổ Gia đình
Rồi năm 1951, tất cả các Ngài kỳ vọng, đặt niềm tin
Anh trở thành Trưởng ban đầu tiên của Gia đình Phật tử.
Trong đại hội, Anh dâng lên **"Bó hoa thống nhất"**
Là bài ca của anh Lê Cao Phan: **"Phật giáo Việt Nam"**

Ca từ đạo vị; tiết tấu hào hùng nghiêm trang
Trong khoảnh khắc, bài ca **"Phật giáo Việt Nam"** đã
đi vào lịch sử

Suốt 60 năm, theo chiều dài trường thành Gia đình
Phật tử,

Anh đã **"Thử hòa điệu sống"** khắp **"Những ngã đường"**

Với **"Những cặp kính màu"**, Anh như **"Đường Tam Tạng thỉnh kinh"**

Anh xây dựng **"Đầy gia đình"** vượt qua bao cam go
thử thách

Những anh chị Trưởng như Anh Quyền, Anh Từ, Anh
Huỳnh, Chị Kim Cúc...

Với Anh, tất cả đều là ruột thịt tình Lam
Cả một đời Anh xuôi ngược Bắc Trung Nam
Đi đến đâu Anh cũng không quên cội bồ đề, Từ Đàm
quê hương thời thơ ấu

Vừa mới đây thôi, kỷ niệm 50 năm thành lập Gia
đình yêu dấu (2001)

Tuổi đã gần 85, Anh vẫn cố gắng về với Huế quê hương
Vẫn giọng nói nhu hòa, mềm mỏng, yêu thương
Anh trù mẩn nâng niu từng đàn em - trại sinh Vạn Hạnh
Anh xây Trại Trường, mở nhiều khóa huấn luyện
Đào tạo nhân tài cho biết bao thế hệ mái nhà Lam.
Quý trọng đàn em, từ Oanh vũ đến Thiếu nữ, Thiếu nam
Bốn bề một nhà trong đại gia đình thân ái
Và rồi, người Anh Cả đã ra đi mãi mãi...

Kính thưa Hương linh Anh Trưởng,
Vẫn biết quy luật vô thường đời người là như thế
Vẫn biết **"thân như điện ảnh hữu hoàn vô"**
Nhưng chúng em, vẫn đau đớn vô bờ
Khi thế giới Ta bà này không còn Anh nữa
Trong chúng em, dù rất nhiều người chưa sinh ra,
khi Anh là Anh Trưởng

Nhưng vẫn kính yêu Anh vì sự nghiệp màu Lam
Vẫn nhớ Anh, như nhớ cây bồ đề, bóng mát Từ Đàm
Vẫn nhớ Anh, nhớ từng tiếng cười giọng nói...
Trong giờ phút này, trầm hương nghi ngút khói
Chúng em nguyện tiếp tục con đường Anh đã vạch ra
Chăm lo xây dựng Gia đình Phật tử, sống trong lục hòa
Để mãi mãi tình Lam tỏa hương thơm Đạo pháp
Chúng em nguyện cầu Anh sớm về miền Cực lạc
Thên thưng nơi cõi tịnh Di Đà
Phò hộ cho Gia đình Phật tử Việt Nam chúng ta
Mãi trường tồn trong ánh hào quang chư Phật. ■



Đời sống là nghệ thuật

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

C hỉ nói riêng ở Nhật Bản, trà đạo hay trà thiền là do Thiền sư Vinh Tây (1141-1215) chế tác ra, sau khi 'du học' ở Trung Hoa và đem hạt giống về trồng. Biến việc uống trà thành nghệ thuật, biến khu vườn thành tác phẩm nghệ thuật, biến thi ca, hội họa, bắn cung, võ thuật, múa, cắm hoa... thành nghệ thuật đã trở thành một lối sống kể từ khi Thiền trở thành một sức sống văn hóa để kết hợp với văn hóa của từng nước vùng Đông Á. Do đó mà có trà đạo, hoa đạo, võ đạo, họa đạo...

Từ bước đầu của Thiền ở Trung Hoa, với câu nói "một ngày không làm thì một ngày không ăn" của Thiền sư Bá Trượng, ngay cả việc làm ruộng cũng được kết hợp với thiền định để cũng là một nghệ thuật, một công việc thiền.

Thật ra, Thiền chỉ làm cho lý tưởng "sống là một nghệ thuật" được hiện thực hóa và có cơ sở lý luận để phát triển thêm sâu rộng mà thôi. Loài người nói chung đều quan

niệm và mơ ước sống là một nghệ thuật, tất cả mọi lĩnh vực của đời sống đều có thể thăng hoa để thành nghệ thuật, thành Đạo. Vua Trần Nhân Tông nói, "Ở đời vui đạo hãy tùy duyên". Sống ở đời một cách nghệ thuật chính là vui Đạo. Ở đời mà vui Đạo được, đó là nghệ thuật. Nói một cách khác, Nghệ Thuật viết hoa chính là Đạo.

Trà đạo là một nghi lễ. Chúng ta thấy rằng giữa nghi lễ và nghệ thuật có mối tương quan rất khăng khít. Nghi lễ và nghệ thuật là phổ biến cho mọi nền văn hóa. Nghi lễ và nghệ thuật làm cho con người nối kết với toàn bộ đời sống, ở mặt có hình tướng lẫn mặt không có hình tướng. Nghệ thuật và nghi lễ - chẳng hạn trong trà đạo - nối kết con người với bề sâu của tâm thức mình. Do đó mà người Nhật đặt ra những khái niệm wabi (mộc mạc), sabi (tịch), hòa, kính, thanh, tịnh, như là nội dung của trà đạo. Đó cũng chính là những nội dung của tâm và cảnh, hay nội dung của thực tại, khuôn mặt thật của đời sống.

Một nhận xét rất quan trọng: Ở Đông phương, nghệ thuật và nghi lễ không xa lìa đời sống. Người làm nghệ thuật (chẳng hạn người thực hiện nghi lễ uống trà) cũng chính là người thường thức nghệ thuật. Một nghệ thuật phổ biến, bình đẳng, dân chủ; vì đó là cuộc sống bình thường, ai cũng thường thức được.

Ở Đông phương, cái gì cũng là nghệ thuật, cũng là nghi lễ, cũng là đạo. Ăn là nghệ thuật và nghi lễ. Thờ là nghệ thuật, nghi lễ. Ngồi yên lặng (ngồi thiền) là một nghệ thuật, nghi lễ. Tương quan bạn bè cũng là nghệ thuật, nghi lễ: đạo bằng hữu. Tương quan giữa vợ chồng cũng là nghệ thuật nghi lễ: đạo vợ chồng. Sống làm người giữa trời đất cũng là một nghệ thuật nghi lễ: đạo con người (nhân đạo). Ở đây chúng ta thấy có một sự tương đương rõ rệt giữa một bên là chữ Đạo của Đông Á và một bên là chữ Pháp (Dharma) của Ấn Độ. Một thí dụ nhỏ để thấy sự tương đồng này là đôi khi người ta thay chữ Đạo bằng chữ Pháp: thay vì nói 'thư đạo' thì người ta dùng chữ 'thư pháp'.

Đời sống là nghệ thuật. Chính vì người bình thường chúng ta không thấy được cái Đẹp, cái nghệ thuật của đời sống, nên Thiền mới chế tác ra những nghệ thuật, những 'pháp', những 'đạo' để đưa chúng ta dần dần cảm nghiệm được, thể nghiệm được ý nghĩa đích thực của đời sống. Và đời sống cũng là nghi lễ. Với người nào biết được, sống được đời sống như là nghi lễ thì đời sống sẽ trở thành lễ hội, hội hè.

Nếu đời sống đích thị là nghệ thuật, là cái đẹp, là sự hòa, thì tại sao chúng ta ít khi thấy ra, ít khi thường thức được? Khổng Tử nói: "Tâm chẳng tại, cho nên nhìn mà chẳng thấy, có tai mà chẳng nghe, ăn mà chẳng biết mùi vị" (Tâm bất tại yên, thị nhi bất kiến, thính nhi bất văn, thực nhi bất tri kỳ vị - *Đại Học*). Câu nói thì đơn giản, nhưng nó thách thức tất cả chúng ta. Tại sao chúng ta không thấy, không nghe, không biết mùi vị, không thường thức được bề rộng và bề sâu của đời sống? Và với một tâm thức sâu sắc hơn nữa, toàn diện hơn nữa, có phải tâm sẽ thấy nghe hay biết toàn bộ đời sống, sẽ cảm thọ toàn bộ đời sống? Nói theo Phật giáo, "tất cả do tâm tạo", lúc ấy, tâm ta chính là toàn bộ đời sống.

Đời sống hiện ra với rất nhiều người chúng ta là sự nhàm chán, khô khan, cạn cợt, lặp đi lặp lại, tầm thường, cũ kỹ. Chúng ta không nhìn thấy, không thường thức được đời sống, chính vì tâm chúng ta nhàm chán, khô khan, cạn cợt, lặp đi lặp lại, tầm thường, cũ kỹ. Đời sống thì luôn luôn mới, tỷ tỷ chiếc lá trên trái đất này không cái nào giống cái nào, tỷ tỷ hòn đá không hòn nào giống hòn nào, một đường phố không khoảnh khắc nào lặp lại khoảnh khắc cũ, không như một tấm ảnh chết cứng trong một khoảnh khắc mà mọi sự, mọi người ở đâu thì nguyên đó. Thời gian thì không lặp lại, dù một khoảnh khắc, đó phải chăng là niềm vui?

Đâu là một vũ trụ sáng tạo trong từng khoảnh khắc mà hài hòa như các nhà minh triết xưa của những nền

văn hóa đã nói? Vũ trụ ấy hiện diện ngay tại đây và bây giờ, nếu tâm chúng ta cũng hiện diện tại đây và bây giờ, với tất cả chiều rộng và chiều sâu của nó.

Khi không thường thức được, không sống được đời sống với những sự vật hiện diện tại đây và bây giờ, chúng ta luôn luôn nghĩ tới những gì đã qua không còn nữa và những gì giả định trong tương lai. Chúng ta sống nơi này, phút giây này, nhưng vẫn 'ly dị' với nơi này phút giây này; tâm cứ nghĩ đến nơi khác, phút giây khác, một đời sống không thực vì đã qua hoặc chưa tới.

Trong cuộc sống hiện đại, sự vật có cuộc đời quá ngắn ngủi. Phần lớn vì chúng ta mau chán. Chưa bao giờ con người có nhiều sự vật đến thế - đến độ chật cả trái đất - nhưng cũng chưa bao giờ sự không thỏa mãn lại lớn lao đến thế, sự mau chán lại nhanh chóng đến thế. Kể cả trong thế giới những tương quan giữa người với người: sự ly dị.

Bởi vì tâm cạn cợt, hạn hẹp, hỗn loạn nên chúng ta chỉ kinh nghiệm đời sống ở mức độ cạn cợt, hạn hẹp, hỗn loạn. Thi hào Nguyễn Du đã nói, "Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ". Tâm như thế nào, cảnh như thế đó. Cho nên để chữa lành căn bệnh của thời đại này, phải tìm thấy nguyên nhân căn bệnh nằm ở trong tâm thức của mỗi cá nhân.

Nguyên nhân của sự không hưởng thụ được đời sống là do 'tâm bất tại' theo Khổng Tử. Tâm bất tại là một phần của thiếu tỉnh giác chánh niệm, nói theo Phật giáo. Nhưng Phật giáo đâu chỉ có một 'chánh niệm', một 'tâm tại'? Mà trong Tám Chánh đạo ngoài chánh niệm còn có chánh kiến, chánh tư duy... cho đến chánh mạng, chánh định.

Nói thế nghĩa là Tám Chánh đạo là nghệ thuật bao trùm toàn bộ đời sống. Nó khiến chúng ta thấy được đời sống đích thực và sống được đời sống đích thực (chánh mạng), cho đến an trụ trong đời sống đích thực (chánh định).

Nghệ thuật uống trà, trà đạo, trà thiền mà chúng ta nói ở trên chỉ là sự ứng dụng của Tám Chánh đạo vào việc uống trà. Qua uống trà, chúng ta thấy biết, thường thức toàn bộ đời sống đích thực. Sự thấy biết, kinh nghiệm toàn bộ đời sống đích thực này được Đông phương gọi là Nghệ Thuật, là Đạo.

Nếu dùng chữ Đạo để chỉ Thực Tại, hay là đời sống đích thực, thì theo cái nhìn của Đại thừa, đời sống là sự biểu lộ của Đạo. Sơ tổ Vô Ngôn Thông của dòng Thiền thứ hai ở Việt Nam khi có nhà sư hỏi thế nào là Đạo, là thực tại tối hậu, đã trả lời: "Khắp tất cả chỗ", và, "Chẳng từng che giấu".

Nghệ thuật là sự nối kết chúng ta với Đạo. Khi sự nối kết ấy trở nên hoàn toàn, chúng ta là một với Đạo, hay Thực Tại, hay Nghệ Thuật viết hoa. Mục đích của cuộc đời mỗi chúng ta là biến cuộc sống của mình thành nghệ thuật, nghĩa là biến cuộc sống thành sự trải nghiệm niềm vui, tự do, hài hòa, cái đẹp, sự thiêng liêng, cái là Một đồng thời cũng là sự phong phú của tất cả... ■

Lợi sinh để Hoàng Pháp

MINH MẢN

Sau khi chứng ngộ đạo Vô thượng, Đức Phật thấy rõ tính bình đẳng trong mỗi chúng sanh, chỉ vì mê chấp mà chúng sanh có sai biệt nghiệp lực. Suốt 49 năm hoằng hóa, Ngài chỉ mong khai thị cho mọi người thấy được khả năng trí tuệ của chính họ để mọi người chủ động trong cuộc sống. Về sinh hoạt thường ngày của Tăng đoàn, ngoài giờ hóa duyên và thiền định, chư Tăng tỏa ra khắp nơi để hoằng truyền Chính pháp. Đức Thế Tôn từng bảo, *"vì lợi ích cho chúng sanh, quý thầy hãy đi khắp nơi, không đi hai người một chỗ"*.

Lợi sanh trong giai đoạn khởi phát truyền bá giáo pháp đạo Phật là như vậy. Đức Phật muốn nhân loại khôi phục tánh giác để thấy được giá trị cao quý của kiếp người. Ngài bảo: *"Không có giai cấp trong dòng máu cùng đỏ, nước mắt cùng mặn"*.

Thời bấy giờ ở Ấn Độ, giới Tăng lữ Bà-la-môn nắm địa vị tể lĩnh tin ngưỡng đã cấu kết với quan quyền, hoạch định ra giai cấp, chia xã hội làm nhiều thứ bậc ảo tưởng để dễ thống trị. Bốn giai cấp gồm: Lễ sư (các Bà-la-môn), vương tộc (Sát-đế-lợi), thứ dân (Tỳ-xá), và nô lệ (Thủ-đà-la). Người thuộc giai cấp này không được pha trộn vào giai cấp khác. Qua nhiều ngàn năm, người dân Ấn tin rằng vị thế trong xã hội của mình đã được an bài và họ an nhiên chấp nhận. Người Trung Hoa cũng chia xã hội làm bốn giai cấp, nhưng lại căn cứ vào những ngành nghề trong cuộc sống là *sĩ, nông, công, thương*. Khi kinh tế xã hội ổn định thì vị thế kẻ sĩ được đề cao, lúc khủng hoảng gạo cơm thì *nhất nông nhì sĩ* (nhất sĩ nhì nông, hết gạo chạy nông, nhất nông nhì sĩ). Giai cấp trong xã hội Trung Quốc không cố định khi mức sống và ngành nghề đổi thay.

Do phân định giai cấp mà con người bị đóng khung, an phận trong giai cấp của mình, không có óc cầu tiến, vượt thoát! Thật ra, trong xã hội mỗi thời đại đều phát sanh thêm những ngành nghề khác nhau, cho dù lao động chân tay hay lao động trí thức đều có giá trị như nhau, không thể đề cao giai cấp này, liệt hạng giai cấp khác để phân hóa xã hội, tạo hận thù tranh đấu như bây giờ bời mặt đá nhau.

Hoằng pháp vào thời Đức Phật còn tại thế đem lại lợi ích cho nhân sinh bằng cách khôi phục giá trị tuyệt

đối của con người để họ không lệ thuộc vào thần linh. Người Ấn Độ không có khuynh hướng hưởng thụ, họ xem cuộc sống là cõi tạm, chú hướng về tâm linh, nhưng lại chịu sự nô lệ trước tha lực. Đây là sự khác biệt giữa Phật giáo và các tôn giáo khác tại Ấn. Có người chưa nắm vững giáo lý đạo Phật, vội cho rằng Đức Phật có một tư tưởng của Bà-la-môn giáo. Tuy nhiên, xét kỹ, hai hệ tư tưởng hoàn toàn cách biệt. Đạo Bà-la-môn dựa trên tư tưởng Vệ đà, một học thuyết hình thành khá sớm do nền văn minh Aryans từ Trung Á truyền sang, chấp nhận có một đấng sáng tạo. Người thờ lửa thì tin thần lửa là chủ thể cuộc sống. Đất, nước, gió cũng vậy, đều là những vị thần chủ quản mà tín đồ tuyệt đối tin tưởng. Trong khi đó, Phật giáo không đề cập đến đấng hóa sinh, không chấp nhận các giai cấp mà những tôn giáo có trước đã phân định. Tính bình đẳng và tự giác của Phật giáo đã san bằng mọi bất công trong xã hội đương thời. Đây là nét độc đáo từ tinh thần cách mạng của Đức Phật. Chính vì sự quan trọng cần phải giải phóng sự nô lệ đức tin để đưa con người lên vị trí chủ thể, Phật giáo xem việc hoằng pháp đem lại lợi ích cho nhân sinh là điều tối cần. Đó chính là ý nghĩa của hoằng pháp lợi sinh.

Qua nhiều thế kỷ, Phật giáo truyền sang nhiều quốc gia, trong đó có những quốc gia nặng về vật chất, lấy lợi nhuận làm cứu cánh, lấy hưởng thụ làm hạnh phúc, dùng tiền nghi làm thước đo sung túc, xem danh lợi địa vị khoa bảng là thước đo thành đạt. Lối sống đó tiếp tục đẩy xa giá trị cơ bản của con người ra khỏi ý thức thăng hoa. Đặc biệt, các tôn giáo phương Tây đã liên kết vật chất song hành với đời sống tín ngưỡng. Một linh mục quản xứ được hưởng những quyền lợi như một cán bộ nhà nước, có cả chế độ hưu bổng do Giáo hội quy định. Tín đồ tha hồ làm giàu mà không mang mặc cảm tham đắm vật chất. Giáo hội Kito có ngân hàng và tích lũy tài sản. Thệ Phán giáo, sau khi tách khỏi Vatican, đã cải cách tín điều nhưng vẫn duy trì quan điểm liên kết vật chất với đời sống tâm linh. Mặc dù Anh quốc được xem như thủ phủ của Thệ Phán giáo, nhưng Mỹ mới là mảnh đất màu mỡ để trên 250 giáo phái Tin Lành song hành với quân đội phát triển đến các quốc gia tham chiến, như Vatican từng là bóng với hình bên quân đội viễn chinh Pháp tại Đông Dương. Và sau khi chiến tranh Việt Nam

chấm dứt, từ 1990, nhiều tổ chức tôn giáo mới ồ ạt xâm nhập một cách linh hoạt vào Việt Nam qua ngã lao động xuất khẩu, thuyền nhân và công nhân làm thuê các nước, những người đã được các tổ chức tôn giáo ấy giúp đỡ bước đầu, biến họ thành những người truyền giáo đắc lực sau khi hồi hương. Dĩ nhiên vật chất là phương tiện dễ dàng cho việc cấy hạt giống đức tin vào cộng đồng nghèo khổ. Ông bà thường bảo: *Đồng tiền đi trước là đồng tiền khôn*. Đối với công nhân trong nước, các tổ chức tôn giáo nói trên sẵn sàng hỗ trợ thêm một suất tiền lương đương lương mỗi tháng nếu chấp nhận gia nhập vào tổ chức của họ. Nơi miền cao, miền sâu và các khu phố nghèo thiếu, họ luôn có mặt giúp đỡ vật chất. Tại siêu thị Metro ở quận 12, TP. Hồ Chí Minh, một nhóm thanh niên công khai truyền bá đức tin giữa chợ, kèm theo những hứa hẹn về lợi dưỡng, họ ca ngợi Thượng đế một cách cuồng nhiệt. Họ có quyền quảng cáo tôn giáo của họ, cho dù quảng cáo theo cách mị ăn liến. Điều chúng ta muốn nói là họ rất thực dụng, vật chất và đức tin song hành, chứ không quá lý tưởng như Phật giáo, đem những giáo lý cao siêu nói với những người đang thiếu gạo cơm.

Như thế, các tôn giáo trong những quốc gia phát triển đã ý thức được tính thực dụng trong công cuộc truyền đạo, họ đã thành công khá dễ dàng trong các quốc gia nghèo và trình độ thấp. Một số quần chúng vốn là Phật tử cũng đã chấp nhận phương pháp này để giữ gìn niềm tin trong quyền lợi.

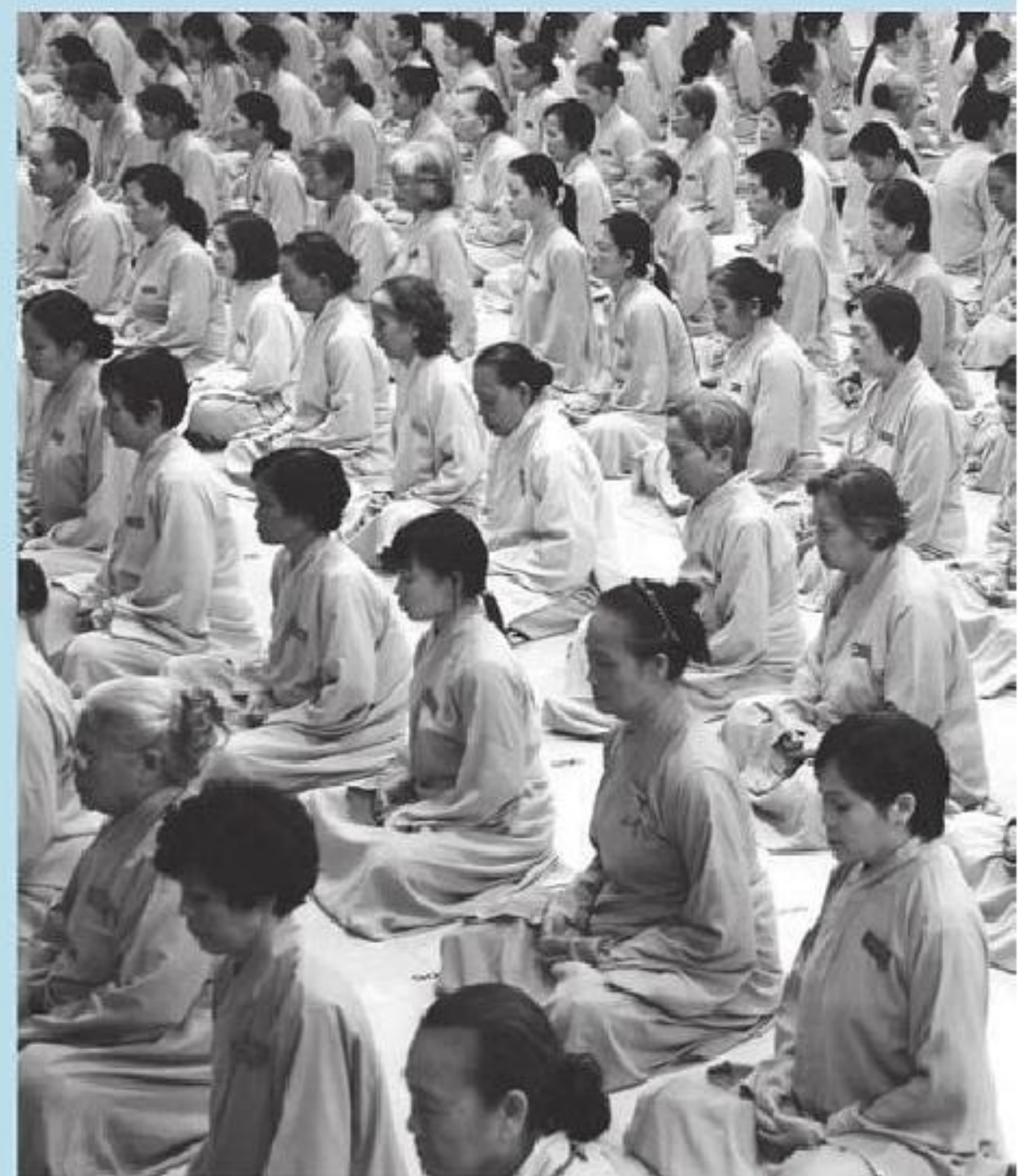
Sau năm 1975, số lượng tín đồ Phật giáo không phát triển bao nhiêu nếu không nói bị thất thoát. Phật giáo không có thống kê hàng năm về sự tăng giảm tín đồ, trong khi đó Thiên Chúa giáo tại Việt Nam tăng 5%, Tin Lành với 20 giáo phái đang có mặt tăng 15%. Nói chung, các tôn giáo độc thần đều phát triển dù mức độ có khác nhau. Trong khi đó, hoạt động hoằng pháp Phật giáo vẫn nặng về hình thức. Các khóa đào tạo và bồi dưỡng giảng sư chưa đào sâu phương thức, nghệ thuật, đối tượng và chỉ tiêu hoằng pháp. Vẫn những bài giảng chung chung giữa một đại chúng có quá nhiều trình độ khác nhau, chẳng khác nào vung vãi hạt giống trên thửa đất chưa cày ải có cả cỏ, đá, rác rến... không cần biết kết quả ra sao, để sau khi ra về, không ai còn nhớ được điều gì đã nghe.

Đã từ lâu, Phật giáo vẫn hoằng pháp theo kiểu truyền thống cầu may mà không nhằm đến hiệu quả cần phải đạt được. Người thực hiện việc hoằng pháp chỉ thuyết giảng nơi nào đã có Phật tử và đạo tràng nơi đó đã huy động Phật tử đến nghe. Với đối tượng này, lẽ ra phải có lớp bồi dưỡng giáo lý theo từng trình độ. Chỉ ở những cộng đồng dân cư chưa hiểu đạo mới cần công tác hoằng pháp của các giảng sư; Phật tử các chùa chỉ cần những khóa tu và giáo lý căn bản.

Về việc hoằng pháp đến cộng đồng dân cư, hay nói cách khác, việc đưa Phật giáo đi vào xã hội, không thể

không chú ý đến những nhu cầu cần thiết của người dân. Nói như thế, có thể những vị bảo thủ cho rằng Phật giáo không như các tôn giáo khác, không cần chiêu dụ. Vấn đề ở đây là cần giúp giải quyết những nhu cầu tối thiểu cho con người trước khi giảng giáo lý cho họ. Phật giáo cần đem đến cả vật chất lẫn tinh thần cho người nghe. Không ai có thể ngồi nghe pháp mà bụng đói và gia đình đang thiếu ăn.

Có vị lại hỏi, *"Phật giáo vốn nghèo, lấy đâu để giúp đỡ những kẻ thiếu ăn?"*. Ở đây, chúng ta giúp cần cầu chứ không cho con cá, nghĩa là, Phật giáo không chỉ đem lý thuyết đạo đức xuống đến cho người dân mà còn phải biết hòa nhập vào xã hội qua nhiều lĩnh vực cụ thể. Vệ sinh thường thức, kỹ thuật gieo trồng, kiến thức

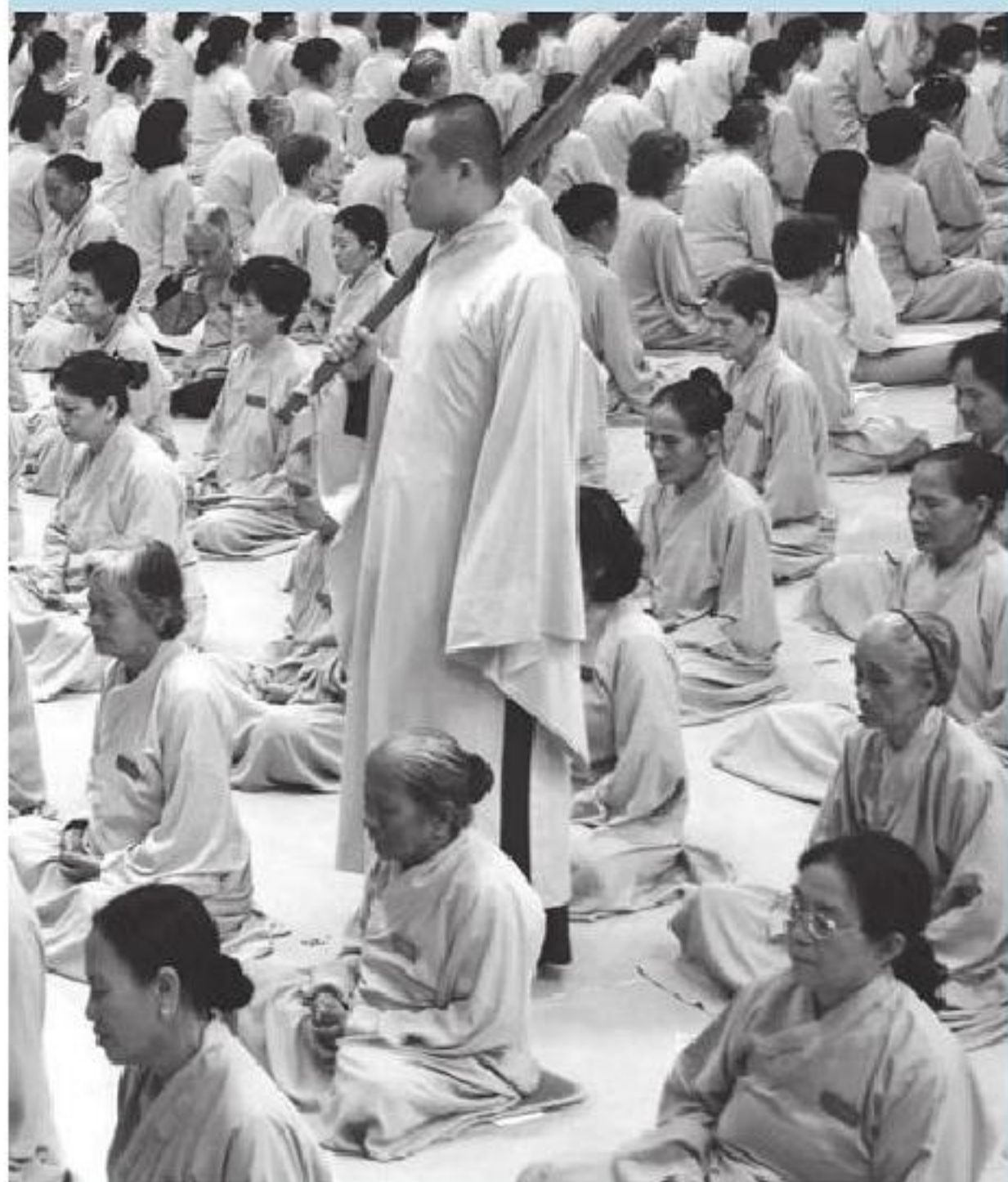


môi sinh, hạnh phúc hôn nhân, giáo dục trẻ con, kinh tế tài chánh, quản trị, tổ chức, huấn nghệ... Một quan niệm đã ăn sâu vào cộng đồng Phật giáo là người biết tu không cần làm giàu, không lo hưởng thụ, không thiết vật chất, vì vậy họ bảo an bản lạc đạo!

Chúng ta cần phân biệt rõ hai lãnh vực, một bộ phận chuyên tu, không bận tâm đến vật chất để tâm hồn thanh thoát chú tâm vào đạo lực. Một bộ phận hoằng pháp, còn phải giao tiếp với xã hội, còn phải cần đến những phương tiện sống và phương tiện truyền bá, vì thế, người của bộ phận này phải có kiến thức tổng quan đủ để hỗ trợ quần chúng giải quyết những nhu cầu của

họ. Chúng ta không đem của cải vật chất lót đường cho việc truyền bá đạo pháp mà có phương hướng xây dựng xã hội bên cạnh việc pháp thí.

Sinh hoạt xã hội cũng như để án kinh doanh trong một tổ chức của thế gian phải hướng đến mục đích, có chỉ tiêu và có thời hạn nhất định, để từ đó rút tĩa kinh nghiệm cho một chu kỳ mới, không thể làm có lệ, được chăng hay chớ. Xã hội ngày nay là xã hội cạnh tranh, kể cả tôn giáo; nếu thụ động là tự mình rút lui khỏi sân chơi, an phận là dẫm chân tại chỗ. An bản lạc đạo không có nghĩa mình phải nghèo mới sống vui với đạo. Đức Phật không cấm chúng ta làm giàu, chỉ cấm làm giàu bất chính thiếu đạo đức và cấm hưởng thụ quá mức nhu cầu, vì cần phải chia sẻ với đồng loại. Nếu an phận và



Ảnh: **Trần Thanh Vi**

nghèo thì lấy gì bố thí giúp đỡ kẻ khốn cùng hoạn nạn tai ương? Làm giàu không có nghĩa không an bản. Làm giàu để có điều kiện giúp đỡ xã hội, an bản là kiểm soát nhu cầu cá nhân.

Chính vì thế, ngoài việc trang bị kiến thức giáo lý, trình độ và nghệ thuật diễn giảng trên pháp tòa, người làm công tác hoằng pháp còn phải có nghệ thuật hòa nhập quần chúng, thích nghi với đối tượng, có nội dung giảng giải thích ứng với đối tượng và biết thăm dò lắng nghe nhu cầu cũng như tâm tư của đối tượng. Điều này đòi hỏi người hoằng pháp phải có lý tưởng xã hội, và khi nhập cuộc hành sự, phải có định mức và thời lượng để

đánh giá kết quả hầu rút kinh nghiệm cho việc làm tiếp theo, chứ không làm theo tùy hứng và vụ mùa.

Phật giáo ngày nay có khuynh hướng hoạt động từ thiện xã hội rất cao, nếu hoạt động hoằng pháp biết kết hợp với các hoạt động từ thiện như thế sẽ có kết quả tốt hơn. Các tôn giáo bạn cứu trợ thiên tai, bố thí chẩn bản, thường khoanh vùng, hạn chế trong giáo dân. Ngược lại, với tinh thần từ bi của Phật giáo, các đoàn từ thiện Phật giáo vào bất cứ nơi nào có nhu cầu, không phân biệt tôn giáo. Phật tử làm từ thiện một cách vô tư để hoàn thành hạnh nguyện Bồ-tát mà không cần biết kết quả thế nào. Dĩ nhiên cái nghèo cái đói là bệnh trăm kha, cứu trợ chỉ là giai đoạn nhất thời, công việc như thế chỉ là muối bỏ biển. Ích gì khi mỗi hộ được vài ký gạo và vài phẩm vật chi dụng trong ít hôm mà người nhận không cần biết họ nhận của ai và họ có lợi ích gì sau những phẩm vật đó. Tôn giáo bạn có lý khi dùng những món quà cứu trợ làm điều kiện để truyền bá tín ngưỡng. Phật giáo không lợi dụng vật chất để khống chế tâm linh người thọ nhận. Người làm từ thiện quên rằng nếu món quà ít ỏi đến với một người, biết kèm theo lời khuyên về đạo đức, lợi ích đó lớn hơn và công việc từ thiện sẽ giá trị hơn. Lâu nay các đoàn từ thiện của Phật giáo làm công tác vãi thực phẩm xuống biển mà không cần biết dưới nước có những gì và loại thủy tộc nào cần thứ gì!

Làm từ thiện phải biết mục đích và đối tượng, phải nắm được kết quả ít nhất trên 50%, không phải có lợi cho Phật giáo thêm được tín đồ mà có lợi cho người thọ nhận có thêm đạo đức, từ thiện như thế mới đủ ý nghĩa.

Ở Đài Loan và Nam Triều Tiên, tu sĩ đã thực hiện và áp dụng được *lợi sinh để hoằng pháp*. Phật giáo không chủ động đi tìm tín đồ nhưng khi đã trở thành tín đồ, ngoài lời khuyên từ bi, thương người, bố thí, nhẫn nhục... , người Phật tử cần được nghe giảng giải về những điều mấu chốt trong cuộc sống. Một cặp hôn nhân trẻ cần sự hướng dẫn về bảo vệ hạnh phúc gia đình, một doanh nhân thành công cần sự giáo dục về đạo đức nghiệp vụ; một thương gia cần sự cố vấn về tính trung thực; người làm kinh tế cần Phật giáo hỗ trợ về kiến thức, kế hoạch và sự tương trợ trong cộng đồng Phật tử... Nghĩa là lý tưởng xã hội phải có trong lý tưởng hoằng pháp, bởi vì, *Phật pháp tại thế gian, bất ly thế gian giác; Thế gian pháp tức là Phật pháp*. Vì thế, không thể bảo người tu không dính vào đời sống thế gian, chỉ biết thọ nhận mà không lăn xả hy sinh, chỉ thụ động mà không năng động. Thực ra, tinh thần Phật giáo là năng động.

Như vậy, **hoằng pháp lợi sinh** là lý tưởng của thời đại kinh tế còn đói đói, đất rộng người thưa, nhu cầu vật chất chưa cấp thiết. Ngày nay, mọi vấn đề trong cuộc sống đều đảo ngược thì **lợi sinh để hoằng pháp** cũng là việc cần xét đến, nhất là tại xã hội còn nghèo như Việt Nam chúng ta, một sân chơi đang có sự cạnh tranh mạnh mẽ của những tổ chức tôn giáo có sức mạnh toàn cầu vững chãi và rất linh hoạt. ■



Thân bệnh nhưng tâm không bệnh

DIÊU NHAN

“Thân bệnh nhưng tâm không bệnh” là câu nói phản ánh phong thái giải thoát, an nhiên tự tại của người con Phật trước dòng chảy vô thường sinh diệt của cuộc đời. Nó là trí kiến giác ngộ và là kết quả của một tâm thức tu tập đạt đến tự do, giải thoát. Trí kiến giác ngộ nghĩa là sự hiểu biết hay chứng nghiệm rõ ràng rằng có thân thì phải có bệnh, đó là quy luật muôn thuở, không ai tránh khỏi. Sự hiểu biết hay chứng nghiệm như vậy khiến con người trở nên tỉnh táo, kiên nghị, bình thản, an nhiên tự tại trong mọi tình huống hay hoàn cảnh. Tâm giải thoát nghĩa là một tâm thức được huấn luyện đúng pháp khiến phiền muộn khổ đau không có cơ hội xâm nhập, chi phối và ngự trị, được an ổn tự do trước mọi thực trạng chuyển biến bất an của tự thân và cuộc đời.

Thông thường, thân và tâm có mối liên hệ mật thiết với nhau nên điều gì xảy ra đối với thân thì tự nhiên ảnh hưởng đến tâm và ngược lại. Thân đau ốm thì tâm trở nên ủ ê, mệt mỏi. Trái lại, tâm phiền muộn bất an thì thân thể trở nên uể oải, suy nhược. Điều này càng trở nên dễ nhận biết hơn trong trường hợp một người có tâm lý quá thiên trọng bản thân hay có thói quen nuôi dưỡng các tư duy ngã chấp. Đã đành, thân thể ốm yếu

bất an khiến ảnh hưởng đến tâm lý, nhưng một người nặng về cái tôi và thường hay chấp ngã thì cái đau vật lý đôi khi chẳng đáng là bao nhưng cái đau tâm lý thì cứ âm ỉ kéo dài mãi. Một lời nói không thuận tai của người khác đã theo gió xa bay nhưng cái dư âm của lời nói ấy cứ ám ảnh hành hạ tâm thức ta mãi. Đó là dấu hiệu của tâm bệnh hơn là thân bệnh. Nói cách khác, một người có tâm lý “xem sắc, thọ, tưởng, hành, thức là của ta, là ta, là tự ngã của ta” thì thân bệnh tuy nhỏ nhặt nhưng tâm bệnh thì luôn luôn biến chứng thành ra to lớn và trầm trọng.

Đạo Phật hiểu rõ mối liên hệ tương tác mật thiết giữa thân và tâm nên chủ trương lối sống Trung đạo hay sự thực hành Bát chánh đạo, nghĩa là một nếp sống phát triển quân bình và hài hòa giữa cơ thể vật lý và năng lực tâm lý, không gò ép thân xác khiến tâm lý trở nên căng thẳng mệt mỏi, cũng không buông thả tâm thức khiến thân thể rơi vào tự do phóng dật. Một nếp sống phát triển hài hòa như vậy về thân tâm khiến con người luôn cảm thấy khỏe khoắn, thư thái, an lạc, thân ít tật bệnh, tâm ít phiền não. Đặc biệt, với tuệ giác thấy rõ sự thật duyên sinh của hiện hữu, đạo Phật chủ trương phát triển khả năng giải thoát, an nhiên tự tại của tâm thức trước mọi thực trạng chuyển

biến vô thường của cuộc đời. Khả năng ấy chính là tâm giải thoát, tâm giác ngộ, cái tâm lành mạnh, sáng suốt, không bệnh tật, nghĩa là cái tâm được đào luyện thoát khỏi mọi ảo tưởng về tự ngã hay "tôi", không còn bị ám ảnh bởi kỷ ức (quá khứ), không bị thôi thúc bởi vọng tưởng (tương lai), hoàn toàn tỉnh thức, vắng lặng, thấy rõ mọi sự đến và đi như nó vốn thể mà không khởi bất kỳ ý niệm nuối tiếc hay mong cầu. Chính cái tâm ấy là không bệnh tật. Nó không bệnh tật vì nó không bị ô nhiễm, không dính mắc, không vướng lụy, không chấp ngã. Nó không có tham, sân, si, sầu, bi, khổ, ưu, não. Nó hiện hữu cùng với cái thân ngũ uẩn vốn đau ốm và tàn hoại trong từng giây khắc nhưng chính nó thì lành mạnh, sáng suốt, không bệnh tật. Vì vậy nó có khả năng giúp cho con người sống nhẹ nhàng, thanh thản, an lạc, bớt đi cái tâm lý lo lắng chiếu chuộng đôi khi quá đáng đối với cái thân ngũ uẩn vô thường giả tạm này. Trong môi trường sống mà nguy cơ thân bệnh và tâm bệnh đang có chiếu hướng gia tăng như hiện nay, thiết tưởng cái diệu lý "thân có bệnh nhưng tâm không bệnh" được nói đến trong bài kinh Phật sau đây¹ có thể là phương thuốc hay cho nhiều người chúng ta:

"Rồi gia chủ Nakulapitā đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, gia chủ Nakulapitā bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con đã già, tuổi lớn, trường lão, cao niên, đã đạt đến tuổi thọ, thân bệnh hoạn, luôn luôn ốm đau. Bạch Thế Tôn, con không được thường thấy Thế Tôn và các vị Tỷ-kheo đáng kính. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn hãy giáo giới cho con! Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn hãy giảng dạy cho con! Nhờ vậy, con được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

– Thật sự là vậy, này Gia chủ. Thật sự là vậy, này Gia chủ. Thân của Gia chủ, này Gia chủ, là bệnh hoạn, ốm đau, bị nhiễm ô che đậy. Ai mang cái thân này, này Gia chủ, lại tự cho là không bệnh, dẫu chỉ trong một giây phút; người ấy phải là người ngu! Do vậy, này Gia chủ, Gia chủ cần phải học tập như sau: "Dẫu cho thân tôi có bệnh, tâm sẽ không bị bệnh". Như vậy, này Gia chủ, Gia chủ cần phải học tập.

Rồi gia chủ Nakulapitā sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, đi đến Tôn giả Sàriputta; sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Sàriputta rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Sàriputta nói với gia chủ Nakulapitā đang ngồi một bên:

– Này Gia chủ, tịch tịnh là các căn của Gia chủ; thanh tịnh và trong sáng là sắc diện của Gia chủ. Có phải hôm nay Gia chủ đối diện với Thế Tôn, được nghe pháp thoại?

– Làm sao không thể như vậy được, thưa Tôn giả? Hôm nay, thưa Tôn giả, con được rưới với nước bất tử, nhờ Thế Tôn giảng cho pháp thoại!...

– Nhưng này Gia chủ, Gia chủ có hỏi thêm Thế Tôn như sau: "Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là thân

bị bệnh và tâm cũng bị bệnh? Cho đến như thế nào là thân bị bệnh, nhưng tâm không bị bệnh?

– Thưa Tôn giả, con có thể đi thật xa để nghe tận mặt Tôn giả Sàriputta ý nghĩa của lời nói này. Lành thay, nếu được Tôn giả Sàriputta giải thích ý nghĩa của lời nói này!

– Vậy này Gia chủ, hãy lắng nghe và khéo suy nghiệm, ta sẽ nói.

– Thưa vâng, Tôn giả.

Gia chủ Nakulapitā vâng đáp Tôn giả Sàriputta. Tôn giả Sàriputta nói như sau:

– Thế nào, này Gia chủ, là thân bệnh và tâm bệnh?

Ở đây, này Gia chủ, có kẻ vô văn phạm phu không thân cận các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Vì ấy bị ám ảnh: "Sắc là ta, sắc là của ta". Do bị ám ảnh: "Sắc là ta, sắc là của ta" nên khi sắc biến hoại, đổi khác, vị ấy khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

Vị ấy quán thọ như là tự ngã... Vị ấy quán tưởng như là tự ngã... Vị ấy quán các hành như là tự ngã... Vị ấy quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Vì ấy bị ám ảnh: "Thức là ta, thức là của ta" nên khi thức biến hoại, đổi khác, vị ấy khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

Như vậy, này Gia chủ, là thân có bệnh và tâm có bệnh.

Thế nào, này Gia chủ, là thân có bệnh nhưng tâm không có bệnh?

Ở đây, này Gia chủ, vị đa văn Thánh đệ tử thân cận các bậc Thánh, thuần thực pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, hiểu rõ các bậc Chân nhân, thuần thực pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân, không quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Vì ấy không bị ám ảnh: "Sắc là ta, sắc là của ta". Do vị ấy không bị ám ảnh: "Sắc là ta, sắc là của ta" nên khi sắc biến hoại, đổi khác, không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

Vị ấy không quán thọ như là tự ngã... Vị ấy không quán tưởng như là tự ngã... Vị ấy không quán các hành như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Vì ấy không bị ám ảnh: "Thức là ta, thức là của ta". Do vị ấy không bị ám ảnh: "Thức là ta, thức là của ta" nên khi thức biến hoại, đổi khác, không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.

Như vậy, này Gia chủ, là thân có bệnh, nhưng tâm không có bệnh".

Chú thích:

1. Kinh Nakulapitā, Tương Ưng Bộ. ■

Nấc thang đầu đời

TÂM THỨC

Thời thơ ấu tôi không có cái hạnh phúc được bà hay mẹ cho lên chùa để có những ấn tượng trong trẻo thơ ngây về Đức Phật. Trong kỷ ức tuổi thơ tôi, ngay cả những ngày Tết, bố mẹ tôi vẫn phải lam lũ tất bật sau khi đã lo được cho anh em tôi một vài món thức ăn Tết để chúng tôi khỏi tủi thân.

Ba mẹ đã cố gắng làm "đầu tắt mặt tối" nhưng vẫn thiếu thốn. Thời gian không có để làm thêm các việc khác thì lấy đâu ra thời giờ



mà nghĩ đến chùa chiến và anh em tôi còn được đi học đã là một sự hy sinh lớn lao của bố mẹ rồi.

Thế nhưng như một nhân duyên, không những tôi đã được đến chùa mà lại còn được sống đời xuất gia. Để được như vậy, ngôi chùa Diệu Nghiêm nằm trên đường 21 tháng Tám thành phố Phan Rang đã là những nấc thang đầu đời của tôi. Khi vào học cấp hai, một người trong họ đã giới thiệu tôi đến chùa Diệu Nghiêm để nhận sự bảo trợ từ quỹ khuyến học của chùa. Từ đó, việc học của tôi không còn là một gánh nặng đối với gia đình. Hơn thế nữa, cũng chính từ ngôi chùa này mà tâm Bồ đề của tôi đã được tưới tẩm, ý định xuất gia nhen nhúm trong lòng.

Tôi vẫn nhớ ngày đầu tiên được gặp Ni trưởng, người sau này đã hướng dẫn tôi đi sâu vào Phật pháp. Cầm trong tay tờ giấy giới thiệu của một người chú họ xa, tôi một mình tìm đến chùa. Một Sư cô còn trẻ đưa tôi vào gặp Ni trưởng. Bấy lâu, tôi vẫn thấy các vị xuất gia dù Tăng hay Ni đều có vẻ xa lạ, thế nhưng ngay từ những lời thăm hỏi đầu tiên của Ni trưởng chùa Diệu Nghiêm, tôi đã tìm thấy sự ấm áp và tin tưởng. Ni trưởng đồng ý bảo trợ cho việc học của tôi, chỉ mong tôi học hành chăm chỉ để lớn lên có ích cho gia đình, cho xã hội, không cô phụ lòng tốt của những người hằng tâm hằng sản; người không dài dòng rao giảng đạo đức, đó chính là một trong những đặc điểm làm cho tôi lúc nào cũng an tâm khi tiếp xúc với Ni trưởng.

Từ đó, tôi thường xuyên đến chùa, khi thì để nhận học bổng, lúc thì để trao đổi việc học với các nhà bảo trợ. Hầu hết những lần đến chùa, tôi đều được gặp Ni trưởng. Những khi gặp tôi, Ni trưởng đều có những lời dặn dò chân tình mộc mạc, thể hiện việc người tin tưởng vào thái độ học tập của tôi.

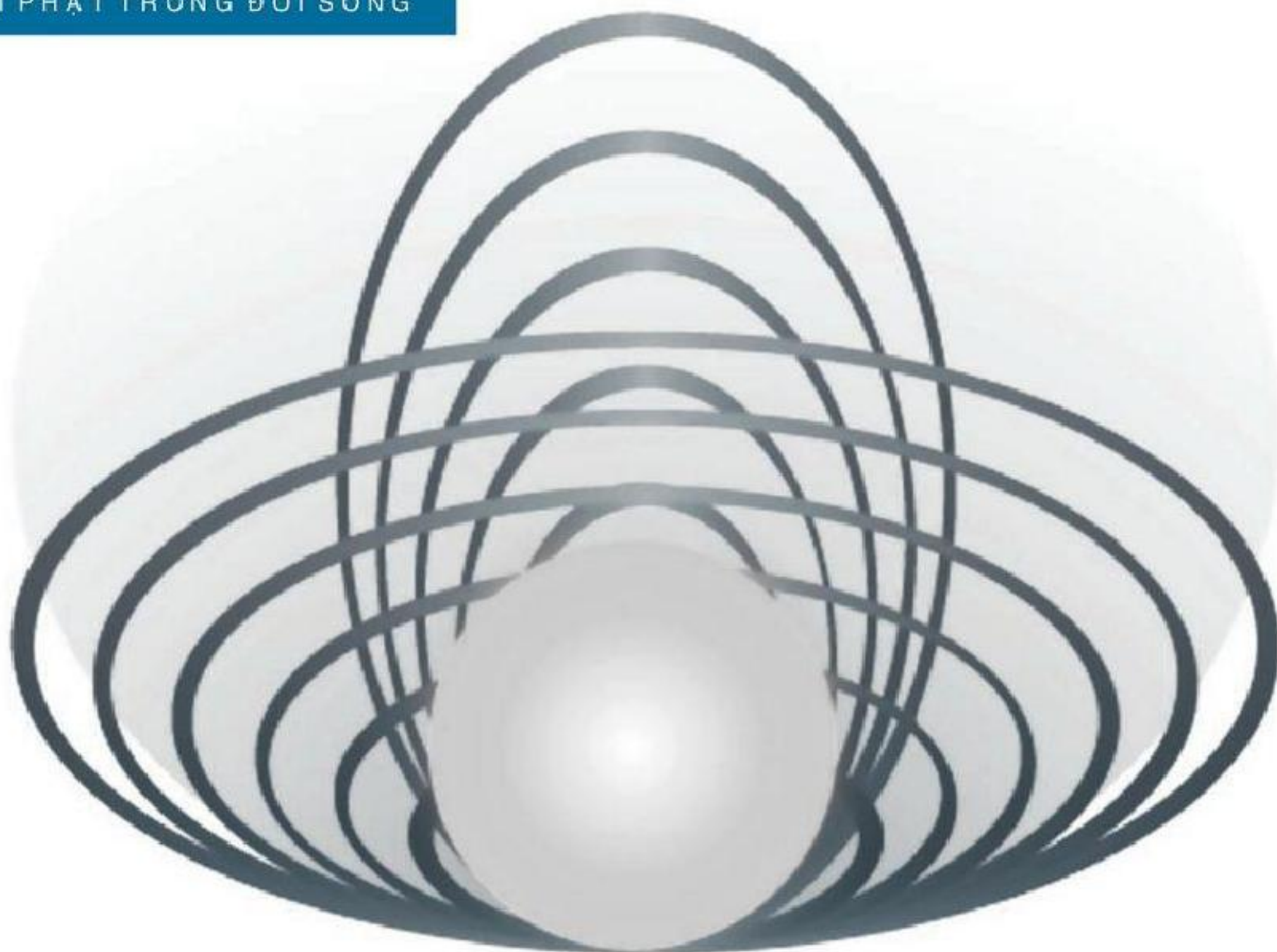
Chùa Diệu Nghiêm nằm ngay trên một trong những con đường chính dẫn đến trung tâm thành phố Phan Rang, nơi luôn có đông đúc xe cộ qua lại. Thế nhưng bước qua khỏi cổng tam quan, cảnh vật vắng lặng chẳng khác mấy so với những ngôi chùa ở chốn núi rừng thâm u. Ngay phía sau cổng chùa, hai bên là hai dãy phòng học của các em bé từ 3 đến 6 tuổi. Các Sư cô trong chùa, ngoài các thời công phu còn phân công với nhau để quản lý các lớp học mẫu giáo tiếp nhận con em của mọi giới lao động sống quanh chùa. Hàng ngày, không khí ngôi chùa chỉ rộn ràng trong những thời điểm giao đón trẻ em giữa lớp học và phụ huynh, sau đó lại rơi vào trong sự tịch tĩnh. Qua khỏi dãy phòng học của các bé là đến khuôn viên chính của chùa với tôn tượng Đức Bồ-tát Quán Thế Âm lộ thiên ngự trên mặt hồ sen. Chánh điện nằm phía sau hồ sen, bên phải là bảo tháp chứa nhục thân của vị cố trụ trì đã viên tịch, Ni trưởng Thích nữ Đàm Tuệ, còn bên trái là một khu vườn với nhiều cây trái tươi tốt. Phía sau chánh điện là các công trình phục vụ cho đời sống tu học của chư Ni như phòng khách,

giảng đường, trai đường, Ni xá... Ngôi chùa hầu như lúc nào cũng giữ được vẻ lặng lẽ trừ ra những ngày lễ lớn, cổng chùa mở rộng đón khách thập phương về lễ Phật.

Khi đã đến chùa thường xuyên hơn, tôi bắt đầu biết đến những nghi thức của các buổi lễ. Tôi cũng chú ý tìm hiểu thêm về Phật pháp với sự giúp đỡ của các Sư cô. Cuộc sống thanh tịnh của nhà chùa và giáo lý giải thoát vừa uyên thâm vừa thực tế của Đức Phật đã mở rộng tâm hồn tôi. Tôi xin được quy y, rồi đến một lúc, tôi bày tỏ nguyện vọng được xuất gia. Ni trưởng chùa Diệu Nghiêm đã cho tôi thời gian tập sống ở chùa, tập công quả và cũng để xem xét ý chí xuất gia của tôi trước khi giới thiệu tôi đến một người thầy khả kính để xuống tóc xuất gia. Từ đó, tôi đã ra khỏi bóng mát che chở của Ni trưởng chùa Diệu Nghiêm để rộng bước trên con đường tu học. Tuy nhiên, dù tôi đi tới đâu, Ni trưởng vẫn không ngừng dõi theo từng bước chân tôi. Biết được sự lo lắng của Ni trưởng, tôi cũng thường xuyên viết thư hoặc gọi điện thoại về vấn an Người. Năm nào tôi cũng tạo điều kiện về thăm chùa và thăm Ni trưởng. Mỗi lần gặp Ni trưởng, tôi cung kính xá chào trên tinh thần của một đứa trò nhỏ thể hiện lòng kính ngưỡng đối với người thầy đã dìu dắt cho tôi trong những bước đi đầu đời. Nhưng Ni trưởng cũng luôn luôn xá chào lại tôi theo đúng tinh thần của giới luật, một điều khiến tôi càng kính quý Người hơn nữa.

Năm nay tôi lại trở về thăm chùa cũ. Ngôi chùa trông vẫn như trước, nhưng tôi cũng nhận thấy màu thời gian đã phủ kín một góc cột cổng tam quan. Tòa Đại hùng bửu điện năm xưa vẫn trang nghiêm và uy nghi như dạo nào, nhưng hình như mái ngói đã rêu phong nhiều hơn. Khu vườn chùa cũng vẫn xum xuê, tòa bảo tháp vẫn cổ kính. Bức tượng Đức Quán Thế Âm lộ thiên vẫn hiền từ đón những người con Phật. Tôi vẫn tìm lại được sự ấm áp và tin tưởng như ngày đầu tiên tôi đến ngôi chùa này. Ni trưởng đi vắng, một số Sư cô quen biết cũng bận công việc. Tôi thả hồn tôi về những ngày đầu đến chùa.

Phan Rang vốn là một vùng đất chỉ có nắng và gió, một vùng đất khiến cho người ta có cảm tưởng lòng người nơi đây trở trọi như những đồi núi khô cằn với những trái tim cứng như sỏi đá. Nhưng không, Phan Rang vẫn là vùng đất giàu tình thương như những trái nho chín mọng, đậm nghĩa tình như muối mặn từ khơi xa. Cụ thể là những tấm lòng từ chùa Diệu Nghiêm đã góp phần xây dựng cuộc đời tu học của tôi. Diệu Nghiêm đối với tôi là cả một bến bờ ân nghĩa, là sự nhắc nhở để tôi luôn vững bước trên con đường tìm đến lý tưởng giải thoát, đến việc phụng sự chúng sinh. Tôi biết rằng chỉ có sống hết lòng, học hết sức mới có thể phần nào báo đáp những tấm lòng của Diệu Nghiêm. ■



Viên Ngọc Như Ý

SAKYONG MIPHAM

Một trong những bản văn Phật giáo mà tôi rất thích là bài dạy của một vị Lạt-ma cao cấp cho hoàng tử nước Dege, một vương quốc nằm phía Bắc Tây Tạng. Vị Lạt-ma nói với hoàng tử, người sắp sửa lên ngôi để lãnh đạo một vương quốc lớn, rằng: *"Để thành tựu trong thế giới này, cần có đủ ba điều kiện: trí tuệ, từ bi, và lòng can đảm. Ba điều này dẫn đến một đời sống thành công, hạnh phúc, và viên mãn"*.

Tính chất đầu tiên để thành tựu trong đời sống là trí tuệ. Trí tuệ là sự nhận biết điều gì sẽ đem đến hạnh phúc chân thật. Phần đông chúng ta sống trong sự điên rồ cho đến hết cuộc đời. Ở Tây Tạng, "người điên rồ" có nghĩa là người chỉ làm một việc giống nhau mà mỗi lúc lại mong cầu một kết quả khác nhau. Người điên rồ không biết hạnh phúc chân thật đến như thế nào, họ luôn chạy đuổi theo sau hạnh phúc, nghĩ rằng nó tùy thuộc vào người nào đó hay những sự việc bên ngoài như thức ăn, áo quần. Ngược lại, một người khôn ngoan là người biết tiến thẳng về phía trước, thay vì

chạy loanh quanh trong những vòng tròn. Người đó biết nguồn gốc chân thật của hạnh phúc: cái Tâm.

Trong một bài kệ rất đẹp, ngài Santideva (Tịch Thiên) so sánh bản chất chân thật của tâm với một viên kim cương lớn nằm trong một đồng rác mà chúng ta qua lại mỗi ngày. Đó là viên ngọc Bồ đề tâm – tánh chất từ bi và thương yêu của chúng ta. Nó được gọi là viên ngọc như ý vì nó đem đến hạnh phúc và thành tựu. Rác là ẩn dụ cho vọng tâm, tâm thức rong ruổi không biết dừng, thiếu vắng lòng tin vào nguồn gốc của hạnh phúc chân thật là từ bi.

Khi thoáng nhìn vào viên ngọc như ý này, chúng ta có thể không tin rằng nó luôn luôn đồng hành cùng chúng ta. Do đó, chúng ta làm những cuộc hành trình tìm kiếm nó. Một số người tưởng rằng họ có thể tìm thấy viên ngọc như ý đó chỉ bằng cách rút vào những khóa tịnh tu thâm mật. Có người nghĩ rằng họ có thể tìm thấy nó ở những nơi xa xôi như Ấn Độ hay Tây Tạng. Nhưng khi họ đi đến đó rồi, họ chợt tỉnh ra rằng họ có thể dễ dàng tìm thấy viên ngọc như ý đó ngay tại quê nhà.

Không cần phải du hành đến những xứ xa lạ nào đó để tìm kiếm cái Tâm chân thật của chúng ta. Ở bất cứ nơi nào chúng ta đang ở và trong bất cứ việc gì chúng ta đang làm, viên ngọc Tâm quý báu của chúng ta vẫn ở đó. Khi chúng ta nhận biết lòng từ bi nơi chúng ta, chúng ta có thể nương tựa vào nó để thành tựu trọn vẹn những ý nguyện của chúng ta. Và chúng ta có trí tuệ để nhớ về suối nguồn của niềm hạnh phúc chân thật và sống đời sống xứng đáng.

Từ bi là con đường tốt đẹp nhất để thực hiện trọn vẹn đời sống của chúng ta, không chỉ trọn vẹn trong ý nghĩa tâm linh, mà còn trọn vẹn trong ý nghĩa thế gian. Nhưng vẫn còn một số người nghĩ rằng chúng ta không thể thực hành từ bi từ thứ Hai đến thứ Sáu, hoặc nghĩ rằng thực hành từ bi không thích hợp với đời sống thực tế. Có thể chúng ta có nghĩ đến từ bi, nhưng chúng ta không sống được với những ý nghĩ đó. Do đó, một điều cần thiết khác là hùng lực hay lòng can đảm.

Can đảm là dám ghi nhớ trong lòng rằng chúng ta có khả năng thay đổi tâm thức của mình bằng một kỹ thuật đơn giản. Nếu dám dừng lại việc liên tục nghĩ đến bản thân, chúng ta sẽ có thể đến với người khác bằng những câu hỏi "Họ sống như thế nào?", "Họ có nhu cầu gì?".

Với lòng can đảm, chúng ta có thể nghĩ về những điều chúng ta muốn cho mà không cần tính toán sẽ nhận lại được bao nhiêu.

Điều chúng ta luôn luôn có thể cho là lòng từ bi. Tôi để ý thấy rằng khi lo lắng về điều gì, tôi có thể chuyển hướng sự lo lắng của tôi bằng cách phát khởi lòng từ bi, nghĩ đến người khác thay vì đầu hàng trước sự khó khăn của mình. Làm điều đó cũng là tỏ lòng từ bi đối với chính bản thân mình. Nghĩ về người khác làm cho tâm chúng ta thư giãn, mở cửa cho niềm hạnh phúc đi vào. Tâm trở nên nhẹ nhàng, không còn bị đè nặng do ý niệm về "tôi." Đó là lý do khi làm một việc gì tốt đẹp cho người khác, chúng ta thường có cảm giác hăng say, năng động. Tương tự, khi có người nào đối xử ân cần, tử tế với chúng ta, chúng nhớ rất lâu. Chúng ta nhận ra sự can đảm trong hành động từ bi khi chúng ta nhìn thấy nó.

Khi nghĩ về những cảm thọ nhẹ nhàng đến từ hành động từ bi, tôi thường liên tưởng đến những vị thầy của tôi. Càng lớn tuổi, các ngài càng tỏ ra vui vẻ hơn. Khi tôi hỏi lý do thì được các ngài trả lời rằng nó đến từ việc hướng tâm đến người khác. Cảm giác hạnh phúc là một phản ánh của sức mạnh từ bi. Nhưng có điều là ít người hoàn toàn tin rằng lòng từ bi vốn sẵn trong tâm tay của mỗi chúng ta. Chúng ta muốn nghĩ nhiều hơn về chúng ta trước khi có thể nghĩ đến người khác.

Hướng về người khác có thể như là một việc rất đa đoan. Nhưng thật ra hướng về bản thân đòi hỏi nhiều nỗ lực và năng lượng hơn. Khi chỉ nghĩ đến bản thân,

chúng ta trở nên nghiêm trọng, căng thẳng và nặng nề. Những thứ làm chúng ta vui trở nên ít hơn, những thứ đem đến hạnh phúc cho chúng ta trở nên bị giới hạn.

Khổ đau xuất hiện khi chúng ta tạo sự ngăn cách giữa chúng ta với những chúng sanh khác. Khi thiếu quán về từ bi, chúng ta nhận ra rằng chúng ta không có may mắn ngăn cách nào với những chúng sanh khác. Họ và chúng ta đều có cùng trải nghiệm. Tất cả chúng sanh đều muốn hạnh phúc và chúng ta mong muốn họ đạt được hạnh phúc. Đó là một sự tu tập hết sức đơn giản, nhưng đó cũng là một sự tu tập tạo nên sự chuyển hóa. Khi chúng ta tiếp tục thực hành việc tu tập này, lần ranh ngăn cách chỉ có trong khái niệm giữa "chúng ta" và "họ" sẽ dần tan biến. Điều đó đem đến cho chúng ta nhiều năng lượng hơn để nghĩ về những nhu cầu của những chúng sanh khác, phát huy những ý niệm và hướng vọng an lành, sống một đời sống đặt căn bản trên những nguyên lý đó.

Nghĩ về việc giúp đỡ kẻ khác là từ bi, biết cách thực hiện ý nghĩ đó là trí tuệ, và cố gắng thực hiện nó là can đảm. Bất kể chúng ta là ai – là những người tu tập hay không tu tập – tất cả chúng ta đều muốn hạnh phúc và toại nguyện. Và từ bi là nguyên nhân đưa đến hạnh phúc và toại nguyện. Từ bi là suối nguồn của niềm vui không dứt.

Khi hầu chuyện Đức Đạt-lai Lạt-ma về từ bi như là nền tảng của một đời sống có ý nghĩa, chúng tôi ngạc nhiên không hiểu vì sao có nhiều người nghĩ lầm rằng bạo lực là cách làm cho công việc đạt được thành quả trong một ý nghĩa quy ước. Vì sao chúng ta cứ cố gắng giải quyết những vấn đề bằng lòng sân giận, đố kỵ, và những phản ứng không thân thiện? Bạo lực không bao giờ ổn định, do đó nó tạo ra sự không ổn định. Bạo lực chỉ là một cách giải quyết ngắn hạn tạm thời, gây ra sự khó khăn và đau khổ cho người dùng bạo lực và những người khác. Khi cố gắng hoàn thành một việc gì đó bằng bạo lực, chúng ta bước vào con đường riêng của chúng ta.

Nhiều người cho rằng sống một đời sống từ bi là vấn đề thuộc tâm linh. Thật sự, sống từ bi là một cách sống có hiệu quả nhất để thành tựu trong bất cứ lãnh vực nào. Tu tập từ bi có thể tốn nhiều thời gian hơn là áp dụng bạo lực, nhưng những kết quả của từ bi thì ổn định và dài lâu hơn nhiều. Từ bi là cách giải quyết dài hạn cho những vấn đề. Cách giải quyết này tạo ảnh hưởng tích cực lên xã hội và nền kinh tế của chúng ta. Nó làm cho đời sống của chúng ta và đời sống của người khác được ổn định. Khi chúng ta có can đảm trong việc trau dồi trí tuệ và từ bi, những loại cỏ dại sân giận, đố kỵ, và ích kỷ có ít khoảng trống hơn để mọc.

Mang viên ngọc như ý vào đời sống là cách chúng ta khởi động nguồn hạnh phúc chân thật, nâng cao tâm hồn và làm giàu thêm năng lượng cho sức sống.

Thị Giới dịch (từ Shambala Sun) ■

Ý NGHĨA CỦA sự giàu có trong Phật giáo

P.A. PAYAUTTO

Mặc dù người ta thường cho rằng Phật giáo là tôn giáo khổ hạnh, thực ra sự khổ hạnh đã được Đức Phật thực hành rồi từ bỏ trước khi Ngài đạt tới giác ngộ. Trong phạm vi có liên quan đến Phật giáo, ý nghĩa của từ 'khổ hạnh' khá mơ hồ và không nên sử dụng mà không có sự dè dặt. Từ 'nghèo' cũng thường bị hiểu lầm. Đúng hơn, người Phật tử ít ham muốn và biết đủ. Sự nghèo khó không phải là điều được Phật giáo ca ngợi. Ví như Đức Phật đã nói, "Đối với những người chủ gia đình trong cuộc đời này, nghèo là một nỗi khổ". (Kinh bộ *Tăng chi*) và "Điều tối tệ trong cuộc sống là sự nghèo khó và nợ nần" (Kinh bộ *Tăng chi*).

Thực sự, một số người đạt được sự giàu có lớn còn thường được kinh điển nguyên thủy ca ngợi và khuyến khích, cho thấy sự giàu có là một điều được phép theo đuổi trong Phật giáo. Trong số những đệ tử thế tục của Đức Phật, những người thường được nhắc đến, những người có những đóng góp quan trọng cho giáo đoàn và những người thường được ca ngợi lại nằm trong số những người có của cải lớn, chẳng hạn ngài Anathapindika (Cấp Cổ Độc). Ngay cả đối với hàng Tăng sĩ, những người không được phép theo đuổi sự tích tụ của cải, thì người thường xuyên nhận được phẩm vật cúng dường cũng được coi là người có phẩm hạnh cao. Chẳng hạn, Tỳ-kheo Sivali đã từng được Đức Phật khen ngợi là bậc nhất trong số những người tiếp nhận nhiều phẩm vật cúng dường. Tuy nhiên, những nhận xét này cần phải được làm rõ nghĩa. Kinh điển cho thấy sự giàu có không phải là đối tượng của sự khen ngợi hay sự chê trách, mà chính cách làm giàu và cách sử dụng của cải của một người mới là điều chịu sự phê bình. Như vừa nêu trên, ngay cả đối với các Tỳ-kheo, việc nhận được tài sản đúng pháp không hề bị phê phán mà việc thiếu thốn cũng không phải là việc được khen ngợi. Những tính chất đáng bị chê trách là sự tham lợi, sự keo kiệt, sự mê đắm, sự vướng mắc và việc tích trữ của cải. Việc tiếp nhận của cải là điều được phép nếu điều đó có ích cho việc thực hành chánh đạo hoặc đem lại lợi ích cho các thành viên của Tăng già.

Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là các Tỳ-kheo được khuyến khích có tài sản riêng. Theo giới luật và môn quy, lợi dưỡng được coi là chính đáng nếu của cải ấy thuộc về Tăng chúng, nhưng khi một vị Tỳ-kheo lại có nhiều của cải riêng thì đó chính là bằng chứng về sự tham lam của vị ấy và vị ấy không thể được coi là người sống theo phạm hạnh. Việc thực hành đúng pháp đối với các vị Tỳ-kheo là không được quyền sở hữu bất cứ những gì khác hơn các vật cần dùng cho cuộc sống tu trì của họ. Ở đây, vấn đề không phải là một cá nhân nào giàu hay nghèo, mà ở chỗ các vị ấy ít phải lo lắng đến cá nhân mình, dễ dàng đi đến bất kỳ nơi nào, có tinh thần biết đủ và ít ham muốn, và vì cuộc sống của một vị Tỳ-kheo là phụ thuộc vào sự cúng dường của người khác, vị ấy phải làm cho mình trở thành người dễ được giúp đỡ. Trong tình trạng sẵn sàng chuyển chỗ ở và hầu như không phải lo lắng gì về cá nhân, các Tỳ-kheo có khả năng dành hết năng lực và thời gian của mình cho sự nghiệp tu hành của họ, cho dù đó là



để hoàn thiện bản thân, đạt tới thánh quả, hay là để đóng góp những điều tốt đẹp cho xã hội. “Tỳ-kheo hài lòng với ba y đủ để che thân và với thực phẩm xin được vừa đủ nuôi thân. Bất kỳ khi nào vị Tỳ-kheo ấy cần phải đi, vị ấy chỉ cần mang theo mình ba y một bát, hết như con chim được đỡ bằng đôi cánh, bất kỳ khi nào muốn bay, con chim chỉ bay với sức nặng của đôi cánh phải mang theo” (Kinh bộ Tăng chi).

Như vậy, chính là sự biết đủ và ít ham muốn cùng với nỗ lực phát triển thiện hạnh và giải trừ cấu uế là điều được ca ngợi. Ngay cả sự biết đủ và ít ham muốn cũng

phải được xác định rõ, nghĩa là những phẩm chất ấy phải đi kèm với tinh tấn và chuyên cần chứ không thể vì thế mà kiêu mạn và giải đãi. Vị Tỳ-kheo tự hài lòng với bất kỳ những gì mình có để vị ấy có thể dành nhiều thời gian và năng lực hơn cho việc phát triển bản thân cũng như đem lại lợi lạc cho người khác. Nói khác đi, việc một vị Tỳ-kheo có được nhiều của cải có thể là một điều tốt, nhưng vị Tỳ-kheo ấy không được phép giành lấy làm của riêng hoặc tích trữ cho riêng mình. Có thể tốt

hơn nữa là một vị Tỳ-kheo dành được nhiều lợi dưỡng hơn để rồi cho đi nhiều hơn. “Lại nữa, này các Tỳ-kheo, vị Tỳ-kheo ấy hài lòng với tất cả những gì cần thiết mà vị ấy có được, đó là ba y, thực phẩm xin được, chỗ trú ngụ và thuốc men. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, vị ấy liên tục tinh tấn trừ diệt mọi ác hạnh và liên tục tinh tấn trong việc thực hành thiện hạnh mà không bao giờ bỏ bê bốn phận của mình” (Kinh Trường bộ hoặc kinh bộ Tăng chi) và “Một con đường dẫn tới sự giàu có, con đường kia dẫn tới niết-bàn. Nếu một Tỳ-kheo, là một vị thánh đệ tử của Đức Phật, đã hiểu được điều ấy, vị này sẽ không khao khát sự kính trọng, mà sẽ sống ẩn cư” (Kinh Trường bộ).

Về phần các cư sĩ, như đã chỉ ra ở trên, không bao giờ sự nghèo khó lại được khuyến khích. Ngược lại, nhiều đoạn kinh vẫn còn cổ vũ người đệ tử thế tục của Đức Phật nên tìm kiếm và gom góp sự giàu thịnh theo đúng pháp. Trong số những quả báo thiện của các thiện hạnh, một điều quan trọng là được sinh trưởng trong sự giàu có. Điều bị chê trách là sự giàu có dính liền với những biện pháp bất chính.

Cũng đáng bị chê trách là những kẻ sau khi xây dựng được tài sản lại trở thành nô lệ của khối tài sản ấy và đau khổ vì sự giàu có của mình. Không kém tệ hại hơn

và cũng đáng bị chê trách như việc làm giàu bất chính là sự tích tụ của cải vật chất nhờ vào tính bủn xỉn keo kiệt, không dám tiêu pha cho lợi ích và hạnh phúc của chính mình và của những người phụ thuộc vào mình hoặc cho lợi ích và hạnh phúc của tha nhân. Cũng vậy, việc phung phí tài sản một cách rồ dại hay xa hoa, hoặc sử dụng sự giàu có của mình để gây đau khổ cho người khác cũng là điều bị chỉ trích: “Này các Tỳ-kheo, nếu người nào biết, như chính ta biết rõ, hoa trái của việc chia sẻ lợi dưỡng, người ấy sẽ không hưởng việc sử dụng những lợi dưỡng ấy mà không chia sẻ chúng, người ấy cũng không để sự đối bại của tính keo kiệt ám ảnh tâm mình. Ngay cả khi đó là một miếng ăn cuối cùng, một mẩu thực phẩm cuối cùng, người ấy cũng không hưởng việc sử dụng nó mà không chia sẻ với người khác nếu như có người nào khác để có thể chia sẻ” (Kinh Tiểu bộ).

Những người giàu có công chính và đáng khen là những người làm giàu bằng những cách thức chính đáng và sử dụng sự giàu có ấy cho sự tốt đẹp và hạnh phúc của mình cũng như của những người khác. Cho nên nhiều vị đệ tử thế tục của Đức Phật, là những người giàu có, đã sử dụng phần lớn nếu không nói là hầu hết tài sản của họ để giúp đỡ Tăng đoàn và giúp cho người khác bớt nghèo khó, bớt đau khổ. Chẳng hạn, trong các quyển Luận và trong kinh Pháp cú đều có nói đến việc cư sĩ Cấp Cô Độc đã dành phần lớn tài sản của mình để cúng dường Tăng đoàn và phát chẩn cho hàng trăm người nghèo mỗi ngày. Tất nhiên, trong một xã hội lý tưởng, dưới sự cai trị của các nhà cai trị có năng lực và công chính, hoặc dưới sự quản trị của một chính phủ công chính và có hiệu năng, sẽ không có người nghèo, vì ít nhất, mọi người đều có thể tự lo được cho bản thân mình, và các vị Tỳ-kheo là cộng đồng duy nhất tách biệt khỏi xã hội được cung dưỡng bởi tài sản thặng dư của những người thế tục.

Như vậy, hoàn toàn trái ngược với hình ảnh thông thường của Phật giáo như một tôn giáo khắc khổ, giáo pháp của Phật giáo vẫn công nhận ý nghĩa của tiện nghi vật chất trong việc tạo dựng hạnh phúc. Tuy nhiên, Phật giáo nhằm tới việc phát triển mọi tiềm năng của con người, và trong chiều hướng đó, sự giàu có về vật chất vẫn được coi là thứ yếu. Hoạt động kinh tế sinh lợi mà đem lại hạnh phúc thì có thể đóng góp cho sự phát triển của con người, nhưng việc tích tụ của cải chỉ để có nhiều của cải thì chẳng có ích gì cho xã hội.

Lâm Hạnh Nhiên dịch

Nguồn: Buddhist Economics,
A Middle Way for the Market Place

P.A. Payutto là một học giả Phật giáo nổi tiếng người Thái. Mới đây, Quốc vương Thái Lan đã phong ông là Tam tạng Pháp sư. Ông là một trong những người có công vạch kế hoạch dịch toàn bộ kinh điển Phật giáo từ tiếng Thái sang tiếng Anh. ■



Chuyện chim diều hâu

TẤN NGHĨA

Tại một cánh đồng rộng có một con chim cun cút sinh sống. Nó tìm mồi tại những mô đất do cây bừa để lại, hoặc một thóc ở những chỗ lúa vừa gặt hái. Một hôm chim cun cút ấy rời khỏi khu vực tìm mồi quen thuộc của mình để đi nơi khác, và nó đi đến một bìa rừng. Lập tức, một con diều hâu sà xuống chụp lấy con cun cút tha đi. Khi bị bắt, chim cun cút than:

- Ta thật đại bất hạnh! Ta thật là ít phước! Ta đã đi tìm mồi không phải chỗ, vào địa hạt của loài khác. Nếu nay ta đi tìm mồi trong khu vực của ông cha ta, trong địa hạt nhà của mình, thì con diều hâu này không đối địch với ta

được khi có đánh nhau.

Nghe vậy, diều hâu hỏi:

- Nay chim cút nhỏ bé kia, chỗ nào là chỗ tìm mồi trong địa hạt nhà của người?

- Tại chỗ này, chỗ những mô đất do cây bừa để lại.

Con diều hâu nổi lòng sức mạnh của mình và nói:

- Hãy đi, chim cun cút bé nhỏ kia, dù đi đến đâu người cũng không thoát khỏi ta đâu.

Con chim cun cút bay đến đấy, đậu trên một mô đất lớn và gọi:

- Nay diều hâu, ta cảm ơn người, nay người hãy đến đây.

Diều hâu tức giận, tập trung sức mạnh của mình, vận

dụng cả hai cánh lại, mau lẹ sà xuống chụp con cun cút. Chim cú biết “Con diều hâu này vỗ bắt ta với tất cả sức mạnh”, liền xoay lại tránh qua những kẻ đất của luống cày. Chim diều hâu không thể làm chủ được vận tốc, đập mạnh cánh vào mô đất, liền vỡ tim, lòi mắt và chết toi mạng.

* * *

Câu chuyện trên trích trong câu chuyện tiền thân Đức Phật số 168 (Tiền thân Sakunagghi) thuộc bộ Jataka, kinh Tiểu Bộ. Nội dung nhằm nhắc nhở chúng ta không nên đi không đúng chỗ và không nên đi đến địa hạt của người khác.

Khu vực tìm mối quen thuộc của mình ở đây có thể hiểu theo nghĩa địa lý là khu vực sinh sống an toàn. Khu vực của ông cha ta, trong địa hạt nhà của mình mang ý nghĩa sơ khởi là khu vực đã được thế hệ trước kinh nghiệm là an toàn, là khu vực được dành cho mình. Ra khỏi địa hạt nhà của mình có nghĩa là đi vào những nơi mình chưa hiểu rõ hoặc những nơi đã được thế hệ trước cảnh báo là không an toàn. Quan chức giao thiệp với giới xã hội đen, công an đến những nơi nhậu nhẹt truy lạc là đang ra khỏi địa hạt của mình. Các cô gái đến những nơi xa lạ dễ làm mối cho bọn buôn người.

Khu vực tìm mối quen thuộc của mình ở đây có thể hiểu sâu hơn, theo nghĩa là giới hạn phòng vệ của hành động, lời nói, suy nghĩ. Những nhà giáo dục ra khỏi địa hạt an toàn của mình nếu mắng chửi thô tục, hành vi thô lỗ. Quan chức nhà nước ra khỏi địa hạt an toàn nếu vòi vĩnh, tham nhũng. Công an giao thông ra khỏi địa hạt an toàn nếu nhận tiền của tài xế. Những hành vi đó nếu chẳng may bị phát hiện sẽ gây thiệt hại to lớn cho bản thân. Ngay cả xã hội đen cũng phải có địa hạt an toàn của mình. Đức Phật đã chỉ ra rằng một người ăn cướp muốn tồn tại lâu dài thì:

- Không được hành sự gần nhà.
- Không được hăm hiếp con gái nhà lành.
- Không được đụng đến nhân viên nhà nước.
- Không được đụng đến các vị chân tu.
- Không được đụng đến người lương thiện.

Quả thật nếu một người ăn cướp tuân thủ những điều này thì nếu bị kết tội cũng rất nhẹ.

Trong Phật học, khu vực của ông cha ta, trong địa hạt nhà của mình chính là chương trình phòng vệ (giới luật). Chương trình này do vị thầy chỉ đường là Đức Phật thiết lập. Đối với những người bình thường như chúng ta thì giới hạn phòng vệ đó bao gồm trong năm điều: không sát sanh, không lấy của không cho, không vi phạm cam kết tình cảm của người khác (không tà dâm), không nói dối, không sử dụng phương tiện gây nghiện. Nếu người Phật tử vi phạm những điều này thì sẽ bị hậu quả xấu trong tương lai theo luật nhân quả. Nếu không vi phạm những điều

này thì người đó được phòng vệ an toàn khỏi nhiều điều xấu trong tương lai.

Con chim cú khi bị bắt đã than: “Ta thật đại bất hạnh! Ta thật là ít phước!”. Nếu suy nghĩ theo cách thông thường thì ta dễ thấy rằng con chim này bị xui xẻo và đang than vãn. Mọi người khi gặp tai nạn gì thì thường đổ lỗi tại “trời hại ta, tại số mạng như vậy” hay tại “xã hội xô đẩy ta vào bất hạnh”. Nếu theo Phật học thì mọi sự đều có nguyên nhân khởi lên từ hành vi quá khứ của mình và con chim này đang phải nhận lãnh kết quả từ nhiều hành vi xấu trong quá khứ.

Theo ánh sáng nhân quả đó thì việc con chim thốt lên “Ta thật đại bất hạnh!” không phải là lời than thở về sự xui rủi của mình. Con chim cú ý thức được rằng mình đã gây tạo một (hay nhiều) điều xấu trong quá khứ và bây giờ chịu cái quả bị diều hâu tha. Điều xấu đó chính là các hành vi đánh đập, giết chóc, đe dọa mạng sống của các chúng sinh.

“Ta thật là ít phước!” có ý nghĩa rằng con chim cú nhận thức được rằng mình đã làm ít điều tốt trong quá khứ. Trong hiện tại, nó không có trí tuệ để nhận ra rằng không nên ra khỏi khu vực của ông cha. Nó không thấy việc ra khỏi địa hạt của nó là một điều nguy hiểm và nó không cảm thấy sợ hãi khi ra khỏi địa hạt của mình. Nguyên nhân của việc kém trí tuệ này là việc không coi trọng luật nhân quả, đến mức phủ nhận luật ấy, trong những đời trước (và có thể ngay cả trong đời hiện tại). Không ai cảnh báo cho nó điều đó, đó là hậu quả của việc ít lắng nghe trong quá khứ và việc không giao du thân cận với những người có hiểu biết về nhân quả. Nó chỉ nhận ra điều đó một cách muộn màng, khi bị con diều hâu tha. Và khi bị con diều hâu tha, nó cũng không có năng lực để trốn thoát. Tất cả đều do có ít phước, nghĩa là không tích lũy hành vi tốt một cách đúng đắn trong quá khứ.

Đoạn cuối của câu chuyện con chim cú thoát được nhờ các cố gắng của nó và do sự kiêu ngạo của con diều hâu. Điều này có ý nghĩa là nếu cố gắng hành động theo đúng luật nhân quả, thì sai lầm cũ cũng có thể sửa chữa được.

Đức Phật kết luận về câu chuyện này như sau:

Như vậy, này các vị rèn luyện, các loài sinh vật khi đi tìm mối không phải chỗ đã rơi vào tay kẻ thù. Nhưng khi chúng tìm mối trong địa hạt của mình, chúng đánh bại được kẻ thù. Do vậy, các ông chớ có đi không đúng chỗ, và chớ đến địa hạt của người khác. Khi ta rời địa hạt của mình, Ác-ma sẽ đợi cơ hội, Ác-ma sẽ được thuận duyên. Này các vị rèn luyện, chỗ nào là không đúng chỗ của các vị, là địa hạt của người khác? Đó chính là năm dục lạc. Thế nào là năm? Đó là dục lạc bao gồm trong các hình ảnh do mắt nhận thức, tiếng do tai nghe được, mùi do mũi ngửi được, vị do lưỡi nếm được, sự mềm mại do thân xúc chạm được. Này các vị rèn luyện, đấy không phải là chỗ của các vị, đấy là địa hạt của người khác. ■

tuyệt vọng

THÍCH MINH NIÊM

Sống trong đời sống thì phải có hy vọng, tin vào ngày mai tốt đẹp hơn là cách để cứu rỗi linh hồn ta qua cơn đau hụt hẫng trước thực tại phũ phàng hay còn nhiều điều bất như ý. Nhưng nếu ta đổ dồn hết niềm tin hy vọng về một phía, cũng như ta đem hết tài sản của mình ra để đánh một canh bạc sau cùng mà lỡ canh bạc ấy thất bại thì cuộc đời ta kể như không còn gì nữa. Ta không còn gì để sống. Không có gì lạc lõng cho bằng khi ta không còn biết tin tưởng vào đâu, hay nói đúng hơn là ta không còn năng lực để tin tưởng vào bất cứ điều gì nữa. Không thể bám vào sự sống thì chắc chắn ta sẽ héo tàn và lụn bại.

Trong giây phút tuyệt vọng nhiều người đã tìm tới cái chết, vì trái tim của họ không đủ lớn để chứa đựng nỗi sợ mất mát quá lớn lao. Trái tim chưa đủ lớn là tại vì trong quá khứ họ chưa có thói quen chịu đựng cảm xúc xấu khi thất bại, hay chưa bao giờ đón nhận một hoàn cảnh trái ngang nào có tầm vóc lớn lao đến như vậy. Nhưng đôi khi trên thực tế sự mất mát ấy cũng không quá lớn lao như tâm tưởng, không phải không có nó thì không sống được, chỉ tại tâm thức khi bị tổn thương nặng nề, cái tôi không còn chỗ bám, nên nó rơi vào một khoảng trống chơi vơi mà không định dạng được mọi thứ xung

quanh và phía trước. Chính vì vậy mà những kẻ tuyệt vọng luôn thấy tương lai mịt mờ tối.

Khi tuyệt vọng, tâm ta trở nên lu mờ hơn bao giờ hết, ta nhìn mọi thứ bằng con mắt bi quan chán chường và có cảm tưởng như mình không còn gì để sống. Sự thật là đất trời vẫn đang ôm ấp nuôi dưỡng ta, những người thân yêu vẫn luôn bảo bọc chở che ta, những điều kiện thuận lợi vẫn tồn tại yên ổn bên ta. Chỉ tại trong khi hy vọng vào đối tượng này, ta đã vô tình giới hạn hoặc chấm dứt niềm tin vào những đối tượng khác, ta bị năng lực khát khao quá lớn trong lòng thúc đẩy đi về phía ấy mà bất chấp tất cả. Ngay khi hy vọng ta đã tạo ra thế mất cân đối, không tự chủ được bản thân mình, thì đừng hỏi tại sao khi niềm hy vọng vỡ tan là ta không thể đứng vững. Đó là triệu chứng bỏ tâm chạy theo cảnh nên khi cảnh mất thì tâm không còn chỗ nương tựa, cái tôi dường như lạc mất.

Ta quên mất rằng ta là một hợp thể vô ngã, có tới hàng triệu điều kiện đang đang tay góp sức để tạo nên hình hài và tâm thức này, sự thất bại về tình yêu hay một lý tưởng cao đẹp cũng chỉ là một phần của đời sống. Nếu ta từng biết quan tâm chăm sóc nhiều mối quan hệ mật thiết chung quanh, biết phân cái tôi ra nhiều nơi, biết không đặt niềm tin tuyệt đối vào lý



tưởng thì ta sẽ không bao giờ rơi vào vực thẳm của tuyệt vọng. Lẽ dĩ nhiên có những hy vọng đã trở thành thất vọng, nhưng từ thất vọng đến tuyệt vọng là một khoảng cách rất lớn, nó tùy thuộc vào vốn liếng mà ta đã cất công đầu tư và thái độ của ta khi đặt xuống niềm hy vọng ấy. Cho nên không phải ai bị thất vọng cũng trở thành tuyệt vọng, mà không phải ai tuyệt vọng cũng chết chìm mãi trong khổ đau. Một người vững chãi thì chỉ xem sự thất bại là một bài học kinh nghiệm để góp phần đi tới sự thành công.

Họ tin rằng những gì họ đã khổ công gầy dựng thì không bao giờ mất hẳn, nó sẽ chuyển từ dạng này sang dạng khác hoặc đang bảo lưu ở dạng vô tướng để chờ đợi những điều kiện khác tới kết hợp. Họ có nội lực vững mạnh nên sẵn sàng đối diện và chấp nhận sự tổn thất nặng nề mà không than van hay bỏ cuộc, vì họ biết con người của mình vĩ đại hơn những gì chưa thể hiện được hay bị lấy đi. Nói đúng hơn là cái tôi của họ chưa từng bị lạc mất, họ chưa từng đem cuộc đời mình ra để rao bán hay đặt cược.

Tương lai đi về đâu?

Khi rơi vào vực thẳm khổ đau tuyệt vọng và muốn buông xuôi tất cả thì ta hãy tự hỏi mình: thật ra ai đã

khiến ta ra nông nổi này? Nếu câu trả lời là chính người ấy thì ta hãy hỏi thêm rằng: người ấy là ai mà sao ta lại dễ dàng phó thác cuộc đời mình cho họ thao túng như vậy? Họ chỉ có thể làm cho ta mất niềm tin nhưng họ không có quyền làm cho ta khổ. Bởi đời sống mà ta đang sở hữu không phải là đời sống của riêng ta, ta không có quyền coi thường hay hủy hoại nó. Nó là tác phẩm được tạo thành từ cha mẹ, anh chị em, bạn bè, những bậc ân nhân khác trong đời, và cả tổ tiên hay giống nòi nữa. Họ luôn có mặt trong ta, trong từng tế bào và hơi thở. Họ đang theo ta đi về tương lai, nếu ta ngã xuống thì họ sẽ ngã theo, tương lai ta ra sao thì một phần họ cũng trở thành như thế ấy.

Dẫu biết rằng chọn đến cái chết là ta đã chịu khổ đau đến mức cùng cực rồi, trái tim của ta như sắp tan vỡ vì không thể chứa nổi niềm đau quá lớn đang đè xuống. Nhưng suy cho cùng thì ta cũng đang làm một quyết định rất ích kỷ, ta chỉ muốn tìm cách trốn thoát cơn cảm xúc xấu đang bùng vỡ mà chính ta cũng có phần trách nhiệm trong đó. Ta cứ nghĩ mình là kẻ khổ đau nhất trên đời nên mọi người không có quyền trách giận cho cái quyết định của mình. Đúng là không ai nỡ trách giận một người đang đau khổ, nhưng ta không có quyền làm cho những người thân yêu của ta khổ, đâu phải người

kia làm ta khổ thì ta cố quyền làm cho người khác khổ. Và liệu ta có bình yên nơi thế giới xa lạ nào đó khi tâm hồn còn đầy dẫy khổ đau và ruột cứ quặn lên vì trách nhiệm làm người còn dang dở.

Không có cái tương lai nào tách lìa với hiện tại, hiện tại như thế nào thì tương lai cũng đồng tính chất như thế ấy. Khổ đau từ trái tim thì liệu pháp để bứng gốc rễ khổ đau cũng nằm trong trái tim. Ta đừng chạy đi tìm kẻ đã làm khổ mình để trừng phạt hay tìm một nơi mà mình cho là bình yên để trốn tránh. Dù ta có làm được chuyện đó thì vết thương trong ta cũng không thể nào lành lặn được, cái đó chỉ làm thỏa mãn cơn cảm xúc trong nhất thời, ta không bao giờ lấy lại những gì đã mất từ bên ngoài. Nhưng ta cũng cần thận, nhiều khi ta không muốn thoát khỏi vực thẳm khổ đau không phải vì ta không đủ sức. Có thể một phần ta muốn tự giam mình trong khổ đau để kích động vào lương tâm của người kia như một thái độ trừng phạt, một phần ta muốn chìm đắm trong cảm xúc quặn đau ấy như để thương hại bản thân mình.

Trong văn học hành động đó được gọi là “thú đau thương”. Khi rơi vào cảm xúc khổ đau quá lớn, một kẻ yếu đuối và chỉ biết nghĩ đến bản thân thì thường lấy đau thương để gặm nhấm rồi than thân trách phận chứ không tích cực đi tìm một lối thoát. Họ thích nằm co như con tôm để nghe những bản nhạc tình sầu đứt ruột, hoặc thích người khác tưới tẩm vào nỗi khổ niềm đau của mình bằng cách công nhận mình là kẻ khổ nhất trên đời và rất đáng tội nghiệp, chứ không chịu cho ai kéo mình ra khỏi vực thẳm tối đen ấy cả.

Đó là triệu chứng bệnh trầm cảm, thích giam cầm xúc mình ở cung bậc thấp để thỏa mãn mặc cảm thua sút người khác. Thật ra trong sâu thẳm thì đó cũng là cách để loan báo với mọi người về cái khổ đau mà mình đang gánh chịu, nhưng lại muốn được xót thương hơn là được cứu giúp. Bởi muốn được cứu giúp thì phải trả ta về đúng vị trí còn căng đầy niềm hy vọng như thuở ban đầu, còn không thì thả để ta như vậy. Ta không muốn thành kẻ trắng tay.

Rác cũng là hoa

Trong bài hát *Tôi ơi đừng tuyệt vọng*, Trịnh Công Sơn đã đưa ra giải pháp rất đúng “Em hồn nhiên rồi em sẽ bình minh”. Phải trải nghiệm, phải đứng lên từ khổ đau tuyệt vọng thì mới thấy được như vậy. Trước đó nhạc sĩ đã khẳng định “Em là tôi và tôi cũng là em”.

Em là tâm lý tuyệt vọng, là một biểu hiện nhất thời của cái tôi rộng lớn. Không thể nói tuyệt vọng là toàn bộ con người của ta, tính chất của nó là vô thường nên nó không thể chiếm cứ mãi vị thế điều khiển tâm thức. Nhưng điều kỳ diệu là chính cái tâm lý tuyệt vọng ấy cũng chứa đựng tính chất của sự hồi sinh. Tại vì nhờ có lần chịu đựng ấy mà tâm ta trở nên kiên định và rộng lớn hơn, ta bắt đầu hiểu rõ hơn guồng máy hoạt động

của cảm xúc và tâm ý của mình để lần sau nhạy bén hơn trong tình thức.

Cũng giống như đem rác chuyển hóa thành phân hữu cơ để nuôi hoa, góp phần làm ra hoa. Hoa trở thành rác mà rác cũng có thể biến thành hoa. Thành ra ranh giới giữa em tuyệt vọng và tôi chỉ cách nhau trong đường tơ sợi tóc. Khi lạc lòng thì em bé dễ hờn dễ khóc năm xưa trỗi dậy, nhưng chỉ cần sự tỉnh thức trở lại thì cái tôi vững chãi sẽ được nhật về. Vậy nên ta muốn có bình minh, muốn vượt thoát cơn khổ đau tuyệt vọng thì ta phải làm mới tâm hồn mình, thay vì đuổi theo kẻ khác để trừng phạt hay chìm đắm trong thú đau thương. Giải pháp hay nhất và duy nhất đó là phải “hồn nhiên”, phải sống được với con người chân thật của mình. Con người chân thật là con người chưa từng đón nhận những vai vế của cuộc đời nên không cần phải che đậy hay trình diễn, con người ấy nhìn đâu cũng bằng cặp mắt trong suốt của bé thơ chứ không mang theo những thành kiến.

Nghĩa là ta phải bỏ nỗi khổ niềm đau kia vào trong một ngăn của chiếc tủ tâm hồn rồi tạm khóa lại, mau chóng trở về chăm sóc những ngăn tủ cần thiết khác mà ta đã từng bỏ quên. Cảm nhận từng bước chân khi tiếp xúc với mặt đất, quan sát từng dòng hơi thở đang luân lưu, ngồi thật im để lắng nghe những tiếng động chung quanh và cả tiếng vô thanh, ngắm nhìn đóa nụ hoa đang rung mình nở nhụy trong sáng nay và làm tan vỡ những giọt sương lấp lánh. Ta hãy thu dọn bớt những công việc bề bộn có tính chất căng thẳng, mệt mỏi và phương hại đến phẩm chất trong tâm hồn. Ta nên tập chấp nhận thật nhiều những cảm xúc xấu thay vì trước nay hay kháng cự, và buông xả bớt những cảm xúc tốt thay vì trước nay hay tìm kiếm.

Cách đó sẽ làm cho tâm hồn mau chóng lành lặn và ngày càng trở nên vững mạnh, ta sẽ không còn khiếp sợ hay để cho hoàn cảnh thao túng nữa.

Nếu biết nhìn sâu sắc, ta sẽ cảm ơn những ai đã từng đem đến cho ta những khổ lụy, vì nhờ có như thế ta mới thấy rõ nội lực yếu kém của mình để kịp thời quay về nuôi dưỡng. Và chính nhờ chuyển trôi dạt đến tận cùng nỗi đau ấy mà năng lực sinh tồn tiềm tàng trong ta mới bùng dậy, ta mới ý thức sâu sắc về giá trị của cuộc đời mà quyết tâm thiết lập lại cách sống và cách đặt niềm tin của mình. Ta hãy tin vào vô thường, mọi thứ rồi cũng sẽ đổi thay, ta sẽ không còn tuyệt vọng và người kia sẽ không còn đại khờ mà làm cho ta khổ đau nữa. Bởi vì trong ta và người kia đều có chất liệu rất trần gian mà cũng đôi khi thấy yêu thương quá cuộc đời này!

*Tạ ơn đời mầu nhiệm
Tạo duyên có rồi không
Hết không rồi lại có
Cho ngày mới đơm bông. ■*

Tương lai của nhân loại

LTS: Tuyên Hóa Thượng Nhân là một vị thiền sư người Trung Hoa thuộc dòng Quy Ngưỡng. Ngài sinh năm 1918 và thị tịch tháng Sáu năm 1995. Ngài là một gương mặt nổi bật trong số những vị có công truyền bá Phật giáo sang phương Tây. Công trình được nhiều người biết đến của ngài là Vạn Phật Thành (The City of Ten Thousand Buddhas) ở Ukiah, California, một trong những thiền viện đầu tiên được xây dựng trên đất Mỹ. Dưới đây là bản dịch một bài nói chuyện của ngài trước các sinh viên thuộc University of British Columbia ở thành phố Vancouver, bang British Columbia, Canada vào năm 1985. Sau 25 năm, bài nói chuyện của ngài vẫn còn nguyên giá trị.

Đại sư TUYÊN HÓA

Trong kỷ nguyên hiện nay, khi công nghệ và chủ nghĩa sùng bái vật chất nảy nở, chúng ta muốn có một cái nhìn cận kề vào tư duy của thời đại và tự hỏi xem phải chăng giai đoạn này là một thời kỳ đáng sống. Khoa học đã mang lại những tiến bộ diệu kỳ về mặt công nghệ và chắc chắn điều đó được kể là tốt đẹp. Nhưng chúng ta cũng nên nhận thức sự thật qua phát biểu, “vật cực tắc phản”, nghĩa là khi sự vật tiến tới một cực độ thì nó sẽ biến thiên theo chiều ngược lại. Trong trường hợp của

những tiến bộ công nghệ, những điều tốt cũng báo hiệu sự bất hạnh. Chẳng hạn, chúng ta hãy tìm hiểu kỹ về máy vô tuyến truyền hình. Tôi biết nhiều người sẽ phản đối những phân tích của tôi về máy vô tuyến truyền hình, bảo rằng, “Thưa thầy, thầy là người muốn trở về thời đồ đá. Thầy là một kẻ lỗi thời. Thầy không đi cùng nhịp bước với thời đại.” Mặc dù vậy, theo quan điểm của tôi, máy vô tuyến truyền hình vẫn là một sự đe dọa đối với cuộc sống loài người. Máy vô tuyến truyền hình là một thứ *ăn-người*. Quý vị chưa biết được

điều đó à? Hãy nhìn đám trẻ con ngày nay. Thay vì làm bài tập về nhà, trẻ con chỉ biết ngồi trước máy vô tuyến truyền hình. Chúng bị dán chặt vào màn hình, và màn hình của máy đã hút hết sinh lực của chúng. Những đứa trẻ ấy có thể coi là không còn sinh khí vì chúng sẽ chẳng bao giờ học được những nguyên lý căn bản của một người hiền thiện. Chúng chỉ học được việc nhìn chăm chăm vào màn ảnh truyền hình.

Và máy vô tuyến truyền hình đã dạy chúng những gì? Bất kể hành vi quái đản kỳ lạ nào mà ta có thể tưởng tượng được. Chúng học được hết sức ít ỏi về giá trị. Trẻ con nhanh chóng học để diễn lại những bài học xấu xa và có hại mà chúng đã xem được. Chẳng bao lâu sau, chúng học được tất cả những điều tối tệ mà con người có thể làm.

Trước khi máy vô tuyến truyền hình có mặt trong thế giới loài người, thứ hàng hóa *ăn-người* chính là chiếc máy vô tuyến truyền thanh. Máy vô tuyến truyền thanh cũng đã hút kiệt sinh lực của loài người. Con người thường cắm một cái ống nghe vào tai và hoàn toàn quên sạch tất cả mọi điều khác. Máy vô tuyến truyền thanh đã từng làm cho chúng ta quên ăn quên ngủ và quên hầu như tất cả những sự kiện thông thường của cuộc đời. Ngày nay máy vô tuyến truyền hình đã làm cho chúng ta lúng túng đến mức không biết là chúng ta đang đến hay đang đi.

Máy điện toán đã tiếp bước ngay sau máy vô tuyến truyền hình. Trong ngôn ngữ Trung Quốc máy điện toán được hiểu một cách cụ thể như là bộ não điện tử. Trong tương lai, sẽ có cả những cặp mắt điện tử, cũng như những đôi tai điện tử,

những cái lưỡi điện tử, những lỗ mũi điện tử và những thân thể điện tử. Mỗi một con người với lục căn sẽ có những bộ phận tháo rời dùng một lần rồi bỏ, giống như những hộp đựng băng từ và sẽ có được sự tăng thế của nguồn điện. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý đều sẽ được điện toán hóa. Ngay cả ý thức cũng sẽ gắn chặt một cách hữu cơ với các "ngân hàng dữ liệu điện toán biết mọi thứ". Phải chăng đó là một thời kỳ thích hợp để là một con người? Chắc chắn là không thể được! Đây chính là một thời kỳ đen tối nhất trong lịch sử loài người.

Trong cái kỷ nguyên đen tối này, sự minh triết của loài người đã bị đánh cắp bởi vật chất. Chẳng ai còn có một sự minh triết nào để nói tới. Sự thông minh cố hữu của con người đã bị thay thế bởi các sản phẩm và đủ loại hàng hóa. Và một khi chúng ta đã mang vật chất thay thế cho sự minh triết, bấy giờ con người sẽ trở nên trống rỗng, giống như những thùng khờ. Sự khôn ngoan sẽ trở thành lỗi thời. Con người sẽ chẳng còn phụng sự cho bất kỳ một chức năng hữu dụng nào. Hãy ghi nhận những điều tôi nói: trong tương lai, con người sẽ trở nên thừa thãi. Quý vị có thấy rằng đó là một vấn đề nghiêm trọng không? Hãy xét kỹ! Con người đang bị làm cho trở nên vô dụng. Chẳng hạn, một số nhà khoa học vô đạo đức đang bận rộn trong việc sáng tạo những quái vật kỳ diệu. Quý vị cho rằng sản phẩm đó là có tính người ư? Chắc chắn nó không có tính người! Quý vị cho rằng nó có tính thú vật chăng? Sản phẩm ấy cũng chẳng là thú vật. Vì đám khoa học gia ấy cấy ghép những đơn vị di truyền của con người vào trong thân thể của loài thú và làm biến đổi các đơn vị di truyền ấy trong cơ thể những sinh vật thuần chủng của loài thú, sự biến đổi về di thể hổ tương như vậy sẽ tạo ra một giống lai tạp kỳ quái mang tính đột biến về tế bào không hề giống cả bố lẫn mẹ.

Bấy giờ con người có thể sinh ra với những cái sừng trên đầu hoặc với những cái vòi giống như vòi voi. Theo tôi, một người được sinh ra với cái vòi của loài hậu bì sẽ giống yêu tinh hơn là giống người. Những giống yêu tinh và quái vật như thế đang nằm trong phạm vi có thể có được của thời đại ngày nay.

Hơn nữa, tầm mức của công nghệ đã vượt ra ngoài sự kiểm soát. Chỉ trong vòng hai thế kỷ nữa mà thôi, điện thoại và các công cụ tương tự sẽ hoàn toàn trở nên lỗi thời. Máy vô tuyến truyền

hình và máy điện toán cũng sẽ hoàn toàn biến mất. Tầm thân vật chất của từng con người một sẽ chứa đựng sẵn những khả năng của các loại công cụ ấy. Chẳng một ai sẽ phải mất công quay số hay bấm phím điện thoại. Con người sẽ chỉ cần phải phát đi chuỗi số của người anh ta muốn gọi từ một hệ thống điện thoại được cài đặt sẵn trong cơ thể, với những cần ăng-ten được định vị trong cặp lông mày hay trong mái tóc chẳng hạn, trong khi kẻ được gọi cũng sẽ tiếp nhận cuộc gọi nhờ vào một thiết bị được cài đặt sẵn trong cơ thể. Đó là điều thật dễ dàng để thay cho một cuộc gọi bằng máy điện thoại.

Sẽ có người nghĩ rằng, “Thưa thầy, đó là câu chuyện kỳ cục nhất mà tôi từng được nghe”.

Được thôi, tôi yêu cầu quý vị hãy xem xét kỹ. Nếu như cách đây năm trăm năm, quý vị tiên đoán, “Trong vòng năm trăm năm nữa, sẽ có máy bay, máy vô tuyến truyền thanh và máy vô tuyến truyền hình”, lúc ấy có bao nhiêu người tin vào lời phát biểu của quý vị? Lúc ấy có lẽ mọi người đều cho rằng quý vị là kẻ mất trí. Thế mà tất cả những phát minh đó nay là chuyện hết sức thông thường.

Tại sao tôi đã phải nêu chủ đề này lên trước nhất? Vì chúng ta cần phải nhận thức rằng những tiến bộ về khoa học và về những lợi ích vật chất không nhất thiết là lúc nào cũng mang lại sự tốt đẹp cho nhân loại về lâu về dài. Chúng chỉ là những lợi ích không hoàn thiện, không trọn vẹn. Ngược lại, chính sự minh triết mới là lợi ích triệt để cho toàn thể thế giới. Tư duy và thái độ dẫn xuất từ luân lý và đức hạnh mới thật sự hoàn toàn tốt đẹp cho tất cả chúng ta. Tứ vô lượng tâm của Đức Phật bao gồm từ, bi, hỷ và xả hoàn toàn có lợi cho hết thảy chúng sinh. Khi chúng ta đặt tư tưởng của chúng ta trên nền tảng của Tứ vô lượng tâm, khi đó chúng ta có thể tiến tới và thúc đẩy để công nghệ phải phục vụ cho con người. Không hề có sự sợ hãi là chúng ta sẽ quên hẳn những khía cạnh nền tảng của tính nhân bản, chẳng hạn, thân thể của chính mình. Nếu thiếu từ bi hỷ xả, trong tương lai, con người sẽ quên hẳn rằng con người đã từng trông như thế nào. Chẳng phải là tôi đang quở trách quý vị đâu; lời tiên đoán trên chỉ là một sự thật lạnh lùng, khó chấp nhận.

Đó chính là cái cách để thế giới biến đổi. Điều tốt đẹp

khi tới cực độ sẽ chuyển thành điều tệ hại. Điều xấu ác, một khi đã đạt tới cực độ, cũng chuyển thành tốt đẹp. Một kẻ nghèo tới mức cùng cực của sự nghèo có thể bất ngờ phất lên, trong khi người giàu có thể mất đến đồng xu cuối cùng chỉ trong vòng một đêm. Một khi đã được sinh ra, chúng ta đều là những đứa trẻ yếu ớt nhỏ bé, nhưng chúng ta dần trưởng thành, trở nên già nua, bệnh hoạn rồi chết. Đó chính là chu kỳ sinh trụ dị diệt quay vòng trong cuộc đời. Đó chính là tiến trình tự nhiên của sự biến đổi tuần hoàn mang tính cách tiến bộ. Một tiến trình của sự biến đổi tuần hoàn có tính cách tiến bộ. Một tiến trình của sự chuyển hóa và biến chuyển. Nếu chúng ta nhận thức được trạng thái ấy, khi đó việc làm giàu không còn có sức mời gọi chúng ta nữa. Và nếu chúng ta bị mất mát tài sản, bấy giờ chúng ta sẽ thấy mọi sự hết như câu ngạn ngữ, “*quân tử cố cùng, tiểu nhân cùng tư lợi, kẻ tiểu nhân gặp lúc cùng cũng vẫn giữ trọn vẹn khí tiết của mình, kẻ tiểu nhân gặp lúc cùng thì bắt đầu nghĩ chuyện bội*”.

Cho nên điều quan trọng trong thời đại điên rồ này là đừng đam mê, và đừng quên điều gì đã làm thành một con người. Chúng ta phải giữ trong tâm những mục tiêu và diện mạo nguyên thủy của giống người. Khi nói về ý nghĩa của đời người, tôi có thể nói một cách thẳng thắn rằng những điều lợi ích lớn nhất mà tôi đã gặp được trong toàn thể đời mình chính là Sáu Nguyên Tắc của Vạn Phật Thành.

Nguyên tắc đầu tiên là “**đừng tranh đấu**”. Nguyên tắc này được áp dụng một cách đơn phương. Chẳng phải là tôi sẽ bằng lòng với tất

cả mọi người. Nhưng bất kể quý vị chỉ trích tôi điều gì, tôi cũng sẽ chấp nhận nó không chút ngần ngại. Quý vị có thể gán cho tôi bất kỳ thuộc tính nào. Bảo tôi là con mèo nhỏ ư? Vâng, thì là con mèo nhỏ. Gọi tôi là con chó à? Được thôi, tôi là con chó. Bất kể quý vị nhận thức về tôi như thế nào trong tâm của quý vị, thì tôi chính là như vậy đó. Có phải quý vị thấy tôi là một vị Phật không? Ừ thì tôi là Phật. Có phải quý vị thấy tôi là một vị Bồ-tát? Phải đấy, tôi là thế đấy. “Nhất thiết duy tâm tạo”. Tôi là bất kỳ thứ gì mà quý vị tưởng tượng về tôi.

Nhưng về phần tôi, tôi có những mục tiêu và những đích nhắm để là một con người. Những mục tiêu và những đích nhắm ấy là gì? Chỉ đơn giản là không tranh đấu với con người, bất kể người đó là ai. Quý vị có thể gọi tôi là gì tùy ý, và tôi sẽ mang theo cái nhãn ấy. Tôi sẽ chấp nhận cái nhãn ấy, cái nhãn ấy sẽ là cái tôi là. Nhưng tôi không đồng ý với quý vị.

Nguyên tắc thứ hai là **“đừng tham lam.”** Bất kỳ điều gì quý vị sở hữu, nó là của quý vị. Tôi không khao khát nó. Và bất kỳ thứ gì của tôi mà quý vị thích, tôi sẽ tặng quý vị. Tới mức tôi còn dâng hiến nữa là khác. Khi tôi trao tặng, điều đó không giống như một vị Sa môn tham lam ngày xưa, lúc nào cũng khuyên người khác, “Hãy bố thí, hãy bố thí, hãy bố thí”, và luôn mồm nói những lời vô vị rằng, “Kẻ xuất gia không cầu xin của cải, nhưng có càng nhiều càng tốt”. Bất kỳ người bạch y cư sĩ nào cũng hy vọng người ta sẽ bố thí cho vị sa môn ấy, nhưng chính vị sa môn ấy lại không nghĩ đến việc phải rộng lượng đối với người khác. Đó chính là một thái độ sai lầm mà chúng ta nên tránh.

Về nguyên tắc **“đừng mong cầu”**, thì nó có nghĩa là đừng tìm kiếm cơ hội để vớ bờ hoặc để có được một khoản lợi nhuận bất ngờ. Mọi người trong cuộc đời đều tranh đấu về lợi thế. Nếu chúng ta hiểu được nguyên tắc đừng mong cầu, và bằng lòng với điều mình có, khi ấy chúng ta sẽ chẳng phải tranh đấu với ai nữa làm gì. Một số người nắm vững điều này thực sự hiểu đúng Sáu Nguyên Tắc. Tại sao chúng ta không mong cầu? Bởi vì chúng ta không muốn trở thành kẻ ích kỷ. Lý do duy nhất buộc một người phải mong cầu vật chất là vì có tính ích kỷ. Khi đã không thấy có bản ngã, chẳng có lý do gì để phải mong cầu. Và khi được giải phóng khỏi lòng ích kỷ, con người sẽ không chạy theo những lợi ích cá nhân.

Có hai nguyên tắc liên quan với nhau; đó là **“đừng ích kỷ”** và **“đừng tự lợi”**. Không ích kỷ sẽ tạo điều kiện để không mong cầu những lợi thế cá nhân. Không tự lợi sẽ không chạy theo lợi ích của riêng mình mà bỏ qua lợi ích của người khác. Hai nguyên tắc này có vẻ giống nhau nhưng thực sự chúng có những ý nghĩa khác biệt rõ rệt.

Nguyên tắc cuối cùng là **“đừng dối trá”**. Lý do duy nhất khiến một người phải nói dối là vì sợ hãi; người ấy sợ đánh mất những lợi thế ích kỷ của mình. Sự sợ hãi đó thúc đẩy người ấy chỉ trích tất cả mọi người khác, luôn luôn nói rằng, “Tất cả các ông đều sai, chỉ có mình tôi

đúng”. Tại sao người ấy lại có cảm nghĩ như vậy? Vì anh ta sợ sẽ để mất những lợi ích của mình vào tay người khác. Những người không khao khát lợi ích cá nhân thường chẳng có lý do gì để dối trá. Cuối cùng, ta có thể hỏi thêm, dù sao đi nữa thì sự dối trá có giá trị gì?

Nếu có thể hiểu đúng Sáu Nguyên Tắc trên, khi đó quý vị sẽ biết là một con người thì có ý nghĩa gì.

Nếu quý vị không hiểu được Sáu Nguyên Tắc ấy, bấy giờ quý vị cứ bám theo sát gót với cuộc tranh đấu quyết liệt của thời đại điên rồ này. Bao lâu mà quý vị còn trôi lặn với trào lưu của sự mất trí này, quý vị cũng chỉ là một con người điên rồ nào đó, cũng đại dốt chẳng khác gì người kế cận.

Đó là thông điệp của tôi gửi đến tất cả quý vị hôm nay. Tôi hy vọng trong số quý vị, những người trẻ đã nghe tôi sẽ không mất trí. Trong số quý vị, những người lớn tuổi tiếp tục duy trì được sự tỉnh táo của mình. Ở đây, trẻ em cũng có thể học tập cùng với người trưởng thành. Hãy học tập để đừng trở nên mê đắm. Tôi vẫn thường nói, “Mọi chuyện đều tốt đẹp cả, chẳng có vấn đề gì”.

Ở đây có một vấn đề nhỏ cần nói thêm. Đừng hoảng hốt khi quý vị nghe tôi nói rằng máy vô tuyến truyền thanh, máy vô tuyến truyền hình và máy điện toán là những loại yêu tinh ăn thịt người. Không cần phải sợ hãi. Tôi hy vọng rằng quý vị sẽ nhận thức cụ thể về những công cụ ấy theo đúng thực chất của chúng. Một khi quý vị đã nhận biết chúng, bấy giờ những thứ dụng cụ điện tử ấy đã mất cái năng lực làm cho quý vị phải lúng túng. Biết như vậy là đủ rồi. Nhưng nếu quý vị còn bối rối về chúng, khi ấy chúng có thể nhai nuốt quý vị thật.

Cùng nguyên lý này cũng được áp dụng cho cái đẹp. Nếu hình ảnh của một gương mặt đẹp có năng lực gây bối rối cho quý vị, bấy giờ quý vị đã bị ăn tươi nuốt sống bởi một thứ ăn người. Nếu việc thấy đồng tiền làm cho quý vị bối rối, khi đó quý vị cũng đã bị nhai nuốt bởi một thứ ăn người. Nếu mục đích của quý vị là thiết lập một danh tiếng vĩ đại và sự nổi tiếng làm quý vị phải bối rối, quả thật quý vị đã bị nhai nuốt bởi con yêu tinh danh vọng. Nếu thức ăn làm quý vị quay quắt, mặc dù quý vị có cảm giác là mới thưởng thức một món ăn ngon, thực ra, thực phẩm đã nhai nuốt quý vị. Thực phẩm đã nhai nuốt tâm thức của quý vị, hay nói rõ hơn, Pháp thân của quý vị. Nó đã nuốt sạch trí tuệ của quý vị, và bỏ mặc cho quý vị ngốc nghếch đến mức nào có thể.

Nếu giấc ngủ có thể giữ quý vị trong trạng thái ngán ngơ suốt vài thế kỷ, và khi cuối cùng tỉnh giấc nhìn đồng hồ đeo tay quý vị nhận ra đã quá nửa đêm, và nếu bấy giờ quý vị cũng lại lặn qua một bên rồi ngủ tiếp, thì có nghĩa là quý vị vừa bị nhai nuốt bởi giấc ngủ. Có phải vậy không nào?

Trần Khiết Bách dịch

Nguồn: *Vajra Bodhi Sea: A Monthly Journal of Orthodox Buddhism*, July, 2000. ■



Tặng quà Tết ở Đồng Tháp

Đi một ngày đàng...

Ghi chép của PHỖ ĐẠO

Hôm đó đã là 17 tháng Chạp, tức chỉ chưa đầy hai tuần nữa là đến Tết Nguyên đán. May mắn cho Phỏ tôi, nhân đi dự khai trương một nhà hàng ăn chay bên quận 10, được bạn giới thiệu với một số anh chị trong một đoàn từ thiện đi Tiền Giang, Đồng Tháp, An Giang tặng quà Tết cho người nghèo thì tôi được “bám càng trực thăng” theo.

Thú thực, lúc đầu Phỏ tôi cũng hơi ngại vì mới gặp các anh có một lần nhưng qua cử chỉ, lời nói chân tình,

cởi mở của mọi người, cảm giác này đã nhanh chóng tan biến. Đoàn coi tôi như người quen thân từ lâu. Đoàn đi có anh Công, trưởng đoàn, chị Hạ, vợ anh Công, các anh Bắc, Hoàng, Nghĩa, Tú và một “cán bộ đường lối” - cách gọi vui các bác lái xe. Ngoài bốn thanh niên trong đó có một nữ tuổi “teen” là con gái anh Công, còn lại bốn người đều có tuổi, từng kinh qua những vị trí quan trọng trong bộ máy nhà nước hoặc doanh nghiệp, nay “gác kiếm” về với công việc từ thiện, lấy vị tha làm lẽ sống của mình.

Xuất phát tại chợ Sài Gòn lúc 8 giờ 30 sáng, sau ba tiếng đồng hồ hành trình, chiếc xe 12 chỗ đã đưa nhóm đến điểm tặng quà đầu tiên là ngôi thánh thất Cao Đài có cái tên mới nghe đã thấy vị nhân, thân thiện: *Khổ Hiên Trang*, thuộc địa phận xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Thoạt trông màu sơn còn mới với những hình trang trí sắc sảo vốn có, ngôi thánh thất này không có gì khác so với những thánh thất tương tự ở khắp nơi nhưng nghe nói, nó được chính Đức Hộ pháp Phạm Công Tắc mua đất lập ra từ năm 1927, tức chỉ một năm sau sự kiện khai đạo.

Tuy đã có điện lưới, giao thông đi lại khá thuận tiện cả đường bộ lẫn đường kinh nhưng lại trái đường, xa châu thành nên đời sống người dân ở đây còn nhiều khó khăn. Khi đoàn vào bên trong sân thánh thất thì thấy người dân đã tề tựu đầy đủ, trên tay cầm sẵn phiếu nhận quà do địa phương phát theo danh sách từ trước. Mọi người đều lãnh quà Tết trong niềm vui trước sự chứng kiến của các anh chị trong đoàn và đại diện địa phương. Thường trong các chuyến thập tụng các đoàn cứu trợ, bão lụt, Phó tôi có ý nghĩ mình rất muốn phụ giúp một vài công việc bất kể nặng nhọc như khâu đồ, chuyển các hàng cứu trợ, phát quà cho người dân... Trong chuyến này, mọi việc "từ A đến Z", các anh chị đã phối hợp cùng chính quyền, tổ chức và cá nhân sở tại lo đầu ra đầy rẫy. Đến giờ là có thể tiến hành phát quà ngay trong trật tự, không có cảnh chen lấn như một số nơi khác. Vì vậy, vì rảnh rỗi, Phó tôi thả sức tiếp cận, quan sát mọi người đang vui vẻ nhận quà. Mỗi phần quà có một bao gạo mười ký, một tấm vải hoặc một bộ quần áo trẻ con, một bịch mì gói lớn, một bó nhang. Những em nhỏ, những cụ già yếu không bưng được quà do bao gạo quá nặng thì được các anh còn trẻ khỏe trong đoàn đem giúp từ trong thánh thất ra tận ngoài ghe đậu dưới kinh. Thái độ của các anh thật vui vẻ hòa nhã, tận tụy, không hề có biểu hiện của người ban ơn đối với đồng bào còn nghèo khổ của mình như từng thấy trong một vài lần ở đoàn khác. Tôi thấy người ta tập trung ở đây đông nhất so với các điểm khác trong chuyến đi này nhưng không phải ai cũng có phiếu nhận quà. Có người chỉ đến chơi. Một số đến chầu chực để cầu may, mong xin được quà vào phút chót. Nhưng với số lượng chỉ có hạn từ ba bốn trăm phần mỗi điểm thì không thể thỏa mãn hết được.

Phía ngoài sân, một thiếu phụ mới chừng hai mươi hai mốt, bụng bầu vượt mặt, ba đứa con nhỏ nhếch nhác đang bám níu dưới chân, than phiền với một anh trong đoàn rằng chị ta nghèo quá, muốn có quà nhưng không có phiếu. Anh này đành rút ra một tờ năm mươi ngàn đưa cho chị ấy. Xong, anh khuyên chị ta nên hạn chế sinh đẻ để đỡ khó khăn. Mà đúng vậy, một gia đình dù thu nhập bao nhiêu cũng không đủ khi có quá nhiều "tàu há mồm". Suy rộng hơn, thì một

quốc gia có tăng trưởng bao nhiêu cũng vẫn nghèo khổ khi dân số quá đông. Nam Bộ vẫn nức tiếng là xứ đồng ruộng mệnh mông là thế, bờ xôi bãi mật là thế, trên trời đầy chim muông, dưới nước đầy tôm cá..., nay dù sống giữa bốn bề sông nước mà vẫn thiếu nước cũng chỉ tại số dân bây giờ đông gấp nhiều lần ngày xưa khiến đất ngày càng hẹp, nước ngày càng nhiễm bẩn, tài nguyên cạn kiệt do phát triển bằng mọi giá. Theo tìm hiểu thì xưa kia con kinh này hai bờ là rừng hoang, thỉnh thoảng mới có một vài mái lá của dân phát rẫy, đốn củi. Nay thì hai bờ san sát nhà xây, nhà lá, cơ sở sản xuất xả nước thải nước xuống vô tội vạ. Con kinh được chính các chức sắc *Khổ Hiên Trang* cho đào từ thập niên 1920, vừa làm thủy lộ vừa cung cấp nước ăn uống sinh hoạt cho dân trong vùng mà giờ đây đã ngấu đục, lại nhiễm phèn nặng đến nỗi không thể ăn được. Để trữ nước ăn, mỗi nhà dân phải có hàng chục cái chum sành lớn đựng nước mưa mà hồi đầu tôi tưởng để làm nước tắm như ở Phan Thiết, Phú Quốc, nhưng cũng chỉ đủ để ăn một cách dè sẻn vào mùa khô. Bất chợt tôi lại nghĩ đến miền Trung, miền Bắc xưa kia đất cũng mệnh mông, làm gì đến nỗi chật vì dân còn thưa, con người còn thưa chít vầy vùng. Nhưng chỉ tại cái chữ "phúc", coi việc sinh con đàn cháu đông là một mục đích trong "tam đa" nên tự hại mình. Sinh đẻ tràn lan, người quá đông thì đất mới chật mà chịu tiếng nghèo khó cho đến bây giờ. Nhưng nếu Nam Bộ không kiểm soát được đà tăng dân số và bảo vệ môi trường thì đến một ngày nào đó cũng chẳng còn là "miền đất hứa" mà cũng trở nên chật chội, cần cỗi như ở các tỉnh Trung, Bắc thôi...

Đang đứng trên bến đò nhìn xuống dòng kinh màu nước lèo miên man suy nghĩ thì bỗng có một ông mặc bộ bà ba ghi nhật, tóc búi củ hành hiện ra trước mặt tôi. Nhìn dáng vẻ nho nhã ung dung tự tại của ông, tôi biết người này không thuộc diện lãnh quà mà chỉ ra đây cho vui. Sau khi mời điếu thuốc, nói vài câu xã giao, tôi liền hỏi ông về ngôi thánh thất này thì ông giảng cho một hồi về những huyền thoại lập ngôi thảo trang như thế nào. Nhưng ấn tượng hơn cả là câu chuyện Đức Hộ pháp Phạm Công Tắc lúc sinh thời đã cùng một nhóm chức sắc, tín đồ xuất phát từ đây, truy tìm và lấy bằng được cây Long Tuyền kiếm chôn ở một gò đất cao cách khoảng mười cây số trong vùng, phá được thế "yếm" của ngoại bang vốn có ý đồ đen tối. Dù đây chỉ là một huyền thoại - mà không huyền thoại thì sao gọi là tôn giáo? Dù sao, câu chuyện đã chứng tỏ tấm lòng đối với giống nòi, đất nước của các vị tiên hiền Cao Đài ngày ấy và tôi chắc nó còn lưu truyền mãi cho những thế hệ đạo hữu sau này.

Rời *Khổ Hiên Trang*, xe đưa chúng tôi về Tân Châu, một thị xã sầm uất được bao bọc tứ phía bởi sông Hậu, sông Tiền và một chi lưu là sông Vàm Nao nơi đã có một thời biên mậu nhộn nhịp trên bến dưới thuyền,

dân cư làm ăn sung túc. Nay, cửa khẩu không còn hoạt động như xưa khiến đời sống một bộ phận cư dân ở đây có phần khó khăn hơn. Nghỉ một đêm tại nhà người em của chị Hạ, sang ngày hôm sau, đoàn đến phát quà tại trụ sở công an phường trong thị xã trong niềm hân hoan của những người nghèo. Rồi nơi đây, chiếc xe lại đi vào sâu trong nội đồng trên con đường hẹp gập ghềnh dọc theo bờ kinh của những xã vùng sâu thuộc một số xã thuộc huyện Tân Châu, An Giang và huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, là những vựa lúa lớn, đồng ruộng cò bay thẳng cánh nhưng còn có nhiều hộ nông dân nghèo cư trú. Ở đây, nhà cửa dân cư khá đông đúc nằm dọc theo hai bờ kinh lớn. Nhìn qua khoảng trống tôi thấy những cánh đồng lúa xanh ngắt đến tận những rặng cây xa mờ của một con kinh khác. Ở đây, đoàn cũng được các địa phương sở tại giúp tổ chức bốn điểm tặng quà đạt kết quả mỹ mãn.

Rời những cánh đồng lúa bát ngát, xe đưa đoàn đến một xã hầu hết là đồng bào Công giáo sinh sống trên một cù lao rộng lớn. Ở đây cơ sở hạ tầng khá tốt với một trục lộ trải nhựa phẳng lì hai bên nhà ở, nhà thờ, nhà nguyện, vườn cây, điện lưới không khác gì một thị trấn. Người dân đã tập trung ở trụ sở ủy ban xã chờ nhận quà. Nhìn những người dân khệ nệ ôm bao gạo và quà Tết miệng cười tươi tôi cũng vui lây. Mà ở điểm nào cũng thấy những nụ cười như vậy. Các anh trong đoàn đã đem đến nụ cười ngày xuân cho những người còn nghèo khổ. Những món quà tuy không nhiều về giá trị vật chất nhưng nó làm cho người ta tin rằng dù ở hoàn cảnh nào, tình đồng bào đồng loại vẫn còn.

Xe đi khỏi cù lao xứ đạo rồi mà tôi vẫn cứ miên man nghĩ. Suốt từ đầu thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XIX, nước ta lâm vào cảnh nội chiến liên miên, hết phân tranh Trịnh - Nguyễn, chiến tranh Tây Sơn - Nguyễn Ánh huynh đệ tương tàn đến giặc ngoại xâm phương Bắc giày xéo, dân ta chịu bao cảnh chết chóc, loạn lạc, ly tán, chỗ dựa tinh thần cũng không còn để bám víu. Giữa lúc các tập đoàn phong kiến cầm quyền bỏ mặc dân trong bản cùn, không lối thoát thì các giáo sĩ Dòng Tên đã đến với họ, vừa giúp lương thực, chữa bệnh, vừa rao giảng tình yêu đồng loại, người ta không theo mới là lạ. Nếu không vậy thì để gì một dân tộc ngàn năm tam giáo, lại thờ cúng tổ tiên cha mẹ bỗng một sớm một chiều vứt bỏ hết để đi theo mấy ông Tây mắt xanh mũi lõ ấy nhập đạo? Nhưng đó là chuyện của một quá khứ đau thương đen tối trong lịch sử dân tộc. Năm trăm năm phát triển, ngày nay gần sáu triệu tín đồ Ki-tô giáo đã là một bộ phận không thể tách rời trong đại gia đình dân tộc. Dù một câu nói, một bài viết có nội dung bài bác cũng chỉ làm tổn thương tình đoàn kết dân tộc, thêm dầu vào lửa...

Điểm phát quà cuối cùng đoàn đến là trụ sở Phòng chấn trị y học dân tộc thôn Tân Huế thuộc Hội Chữ thập đỏ của xã Tân Bình, huyện Thanh Bình, Đồng Tháp.



Nhận quà Tết tại Tiền Giang

Chính nơi này, hai vợ chồng người em họ tôi ngụ tại Đắc Nông đã nhiều lần đến xin thuốc Nam miễn phí cho đứa con gái mười ba tuổi bị suy tủy mà tôi nghe kể lại nhiều lần, hôm nay tôi mới được đến tận nơi. Tuy không cứu nổi cháu vì căn bệnh quá hiểm nghèo nhưng số thuốc Nam do cơ sở phát đã giúp cháu tôi sống thêm được ba năm với cha mẹ. Thuốc Nam ở đây được người dân đi kiếm trên núi, trong đồng hoang về chặt ra phơi khô góp công quả cho cơ sở để phát miễn phí cho người bệnh không phân biệt địa phương nào. Những Phật tử không có thời gian thì bỏ tiền mua thuốc góp cho cơ sở làm công quả. Tôi thấy đoạn đường gần cơ sở phơi đầy các loại dược thảo. Những thầy thuốc và các Phật tử ở đây đã thực hiện lời dạy của Đức Phật bằng những việc làm thực tế chữa bệnh cứu người thật đáng khâm phục. Duyên may cho tôi đã đến được nơi mà người thân của mình mang ơn, được nhìn thấy những thầy lang dân tộc bất vụ lợi, chỉ lo bốc thuốc chữa bệnh cứu người, không màng danh lợi, ngược hẳn với sự kiện buồn mà tôi sẽ ghi lại vào phần cuối của bài ghi chép này. Chúng tôi rời cơ sở chấn trị y học đến một gia đình nông dân thân quen với các anh chị trong đoàn. Bữa trưa, gia chủ đãi đoàn tại sân nhà trên cù lao Châu Ma bằng một bữa "buffet" đặc biệt toàn là bắp nướng tươi non hái ngay tại đồng bãi xanh ngắt xung quanh nhà. Có hai anh trong đoàn đang phải điều trị bằng "gạo lứt muối mè" cũng có thể ăn tham dự, bù lại bữa cá ngon tuyệt tối qua tại nhà người em của chị Hạ, hai anh phải kiêng không ăn được.

Trong chuyến đi này, đã có một sự kiện khiến Phở tôi không thể quên được. Đó là, sau bữa cơm chay ngon tuyệt mà anh chị em trong đoàn được các vị trong thánh thất *Khổ Hiên Trang* chiêu đãi thì đồng hồ đã chỉ

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2010

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2010, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

PT. Quỳnh Đình Nam	: 100 cuốn/kỳ
Một độc giả	: 81 cuốn/kỳ
Ô. Lâm Hoàng Lộc	
Nhà sách Trí Tuệ	: 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy	: 34 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ
Đại Đức Thiện Minh	: 20 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 20 cuốn/kỳ
PT. Chánh An & Chơn Hòa	: 12 cuốn/kỳ
Bà Phùng Kim Vy	: 11 cuốn/kỳ
Cô Nga	: 10 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA)	: 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền & Tâm Hoa	
(California - USA)	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh	: 9 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An	: 6 cuốn/kỳ
PT. Diệu Định	: 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q. BT	: 5 cuốn/kỳ
PT. Phạm Thị Mỹ Loan	: 5 cuốn/kỳ
Anh Dũng	: 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm	: 3 cuốn/kỳ
Bà Trương Thị Mai Anh	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Phương Thúy	: 3 cuốn/kỳ
Bà Đinh Thị Hoa Trâm	: 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q. 2	: 2 cuốn/kỳ
PT. Phạm Thị Kim Anh	: 2 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Toàn, Q. 7	: 1 cuốn/kỳ
PT. Bùi Quang Việt	: 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này: **465 cuốn**

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc:

Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335

Email: vanhoaphatgiaovnn.vn

Ban Biên tập



13 giờ. Mọi người vội xuống ghe qua bên kia bờ kinh để lên xe đi tiếp. Trên đường đến bến phà Chợ Vàm vượt sông Tiền để sang đất An Giang, anh trưởng đoàn cho xe tấp vô một quán nước ven đường để mọi người giải lao. Vừa kêu nước uống chưa được năm phút thì bỗng có một chiếc xe ôm dừng lại ngay quán. Người đàn ông cỡ tuổi ngũ thập ôm một đứa bé gái chừng mười tuổi bước vào quán. Sự mệt mỏi đầu đờn và lo lắng hiện rõ trên khuôn mặt đứa bé. Người đàn ông kêu một chai nước ngọt rồi nói đứa bé - chắc là con gái ông - bị hóc xương vịt ở cổ họng, cho nó uống nước để mong mẩu xương vịt có thể trôi xuống. Nhưng dù ráng nuốt, nước lại ọe lên miệng đứa bé. Rồi nó khóc, mặt nhăn nhó kêu đau. Mọi người trong đoàn đều dồn sự chú ý vào hai cha con người gặp nạn này. Anh Ca, trưởng đoàn liền hỏi thăm thì được người đàn ông cho biết đã đưa con lên bệnh viện ở Vĩnh Long nhưng sau khi chụp phim, các bác sĩ ra giá chi phí ca mổ là hai triệu đồng. Do còn thiếu năm trăm hai mươi ngàn đồng nên bệnh viện từ chối chữa cho đứa bé. Đường cùng, ông ta đành phải nói xe ôm đưa con quay về nhà mong bán chiếc xuồng nhỏ - công cụ sinh nhai quan trọng nhất của gia đình - để bù cho đủ tiền cứu con. Nếu không bán được xuồng thì đành phải đưa con đến một thầy lang ở địa phương "chữa mẹo", biết làm sao? Cẩm tấm phim chụp cổ họng đứa bé, anh Ca lắc đầu nói cái xương nằm trần ngang ngã ba đường thờ và đường tiêu hóa thì thấy bà nào chữa nổi? Trước tình cảnh người cha đang bối rối tuyệt vọng, anh Ca liền rút ra một xấp tiền loại một trăm ngàn đưa cho ông ta và nói hãy đưa ngay con quay trở lại bệnh viện để mổ gấp, chậm trễ có thể bị nhiễm trùng máu rất nguy hiểm. Người đàn ông tay run run cầm xấp tiền ngơ trong mơ... Sau khi chiếc xe ôm chở hai cha con người đàn ông đi rồi, chị Xuân vợ anh Ca là thành viên của đoàn mới hỏi chồng đã cho người đàn ông bao nhiêu tiền. Anh Ca nói cho sáu trăm ngàn đồng. Chị nhìn chồng với vẻ trách móc rồi nói sao không cho người ta một triệu phòng khi còn phải ở lại bệnh viện với đứa bé vài ba bữa? Anh Ca nhìn vợ với nét mặt như vẫn còn tiếc một điều gì. Tôi nghĩ, anh làm được như vậy đã là quá tốt. Tôi bỗng nhớ lại trường hợp con gái của một chủ doanh nghiệp giàu có tại TP. HCM, bị tai nạn giao thông dù được người dân đi đường tốt bụng đưa ngay vào bệnh viện nhưng không được cấp cứu kịp thời vì không có tiền trong túi do kẻ xấu đã lấy mất bóp và cả điện thoại di động nên khi gia đình tìm được đến nơi thì cô đã chết. Sinh mạng một con người thật quá rẻ mạt với cái kiểu làm ăn "tiến trao (thì) cháo (mới) múc" của không ít bệnh viện thời kinh tế thị trường thật không có từ nào đủ nghĩa để chê trách...

Một mai khi đứa bé lớn lên chắc chắn sẽ không bao giờ quên chuyện mình đã có cơ duyên một lần gặp Bồ-tát trong đời thực như thế nào... ■

Erich Wulff (1926-2010)

Vài nét tiểu sử liên quan đến Việt Nam

THÁI KIM LAN

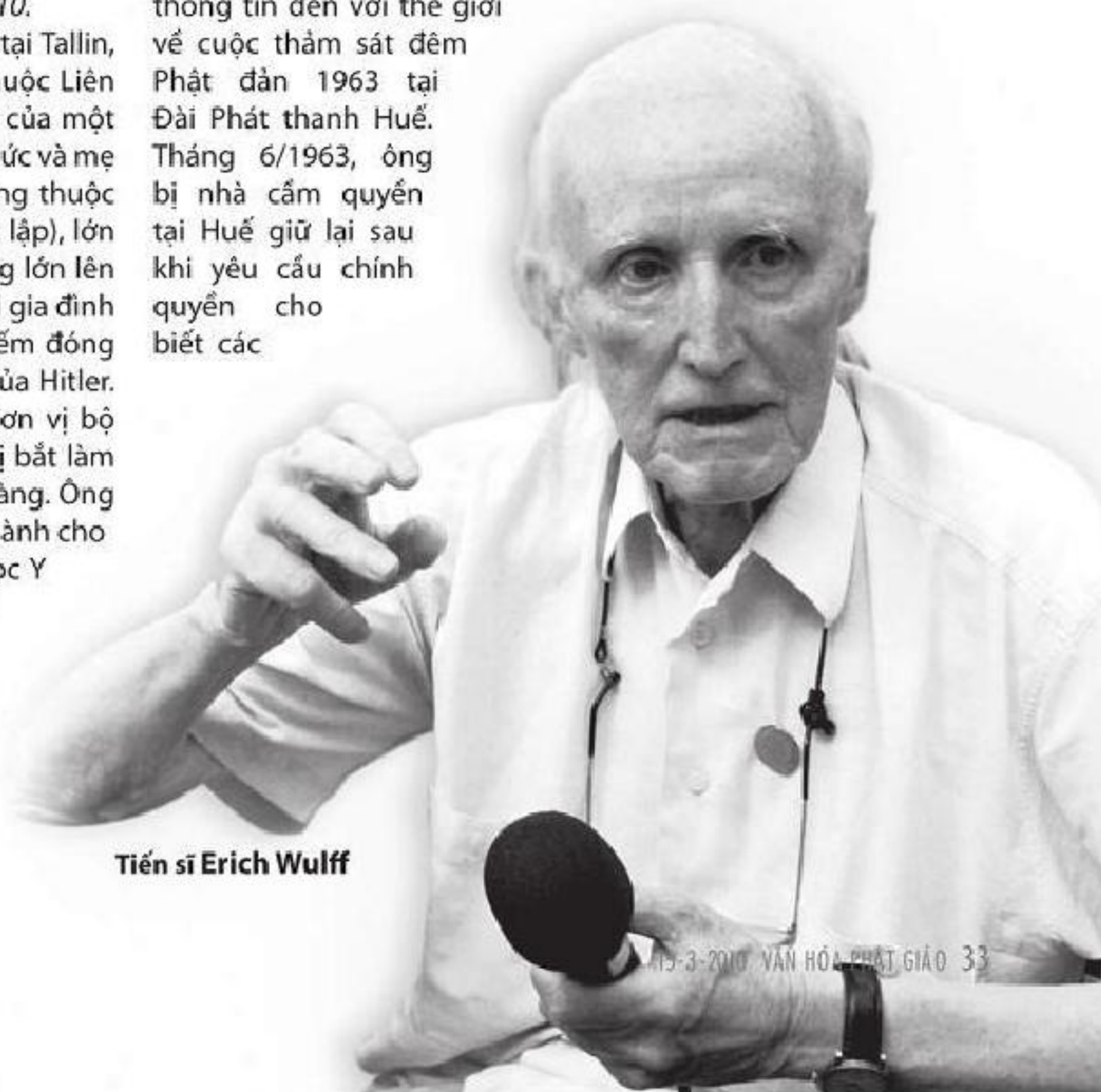
Trong những thập niên 60, 70, "ông Wulff", đã được Việt Nam hóa thành "ông VUN", là một khuôn mặt mà nhiều người biết đến, nhất là sinh viên Huế và phong trào Phật giáo. Sinh viên Y khoa Huế có nhiều cảm tình với ông vì cung cách làm việc siêng năng, nhạy cảm và chăm chú của ông. Sự tình cờ của lịch sử đã làm "ông VUN" trở nên một nhân vật gắn liền với một giai đoạn lịch sử của miền Nam Việt Nam. HT.Thích Trí Quang gọi ông là ân nhân của phong trào Phật giáo 1963. Sinh viên phản chiến tại Việt Nam hy vọng tiếng nói tương trợ của ông trên chính trường quốc tế. Chính quyền Ngô Đình Diệm rồi chính quyền Thiệu-Kỳ trục xuất ông. Đa số chuyên gia của lãnh vực khoa học Tâm lý và Tâm thần học kính trọng ông như một vị Pop (giáo chủ) thứ hai của nền Tâm thần xã hội học Âu châu. E. Wulff vừa từ trần ngày 31.01.2010.

E. Wulff sinh ngày 06 tháng 11 năm 1926 tại Tallin, thủ phủ của Estland (Esthonia - trước đây thuộc Liên Xô, nay trở lại là một quốc gia độc lập), con của một bác sĩ chuyên khoa phổi, thuộc thiểu số gốc Đức và mẹ là một người Let (Letthuania - trước đây cũng thuộc Liên Xô, nay cũng trở lại là một quốc gia độc lập), lớn lên với 3 thứ tiếng (Đức, Esthoni và Nga). Ông lớn lên tại Cộng hòa Estland. Năm 1939 ông cùng với gia đình bị di tản về Posen (Ba Lan) đang bị Đức chiếm đóng trong chiến dịch di tản người Đức thiểu số của Hitler. Ông có đi quân dịch, phục vụ trong một đơn vị bộ binh trú đóng tại miền Đông nước Phổ và bị bắt làm tù binh đến tháng 9/1945 sau khi Đức đầu hàng. Ông thi đậu bằng tú tài trong niên khóa 1946/47 dành cho các cựu chiến binh tại Lippstadt, rồi theo học Y khoa và Triết học tại Koeln (Cologne) từ năm 1947 đến 1953, tốt nghiệp bác sĩ năm 1953. Ông nhận được học bổng quốc gia Pháp theo học tại Paris niên khóa 1953/1954, sau đó làm giảng viên và học cao học ngành Tâm thần tại Marburg, Bayreuth và Freiburg từ năm 1955 đến

1961, và đậu bằng tiến sĩ y khoa năm 1960. Năm 1961, trong chương trình trao đổi hàn lâm giữa Đại học Y khoa Huế và Đại học Freiburg, ông nhận học bổng làm giảng sư tại Đại học Y khoa Huế, chuyên về Anatomie và thần kinh tâm lý học.

Trong buổi nói chuyện mới nhất vào tháng 5/2008 tại Huế sau gần 30 năm xa Việt Nam, Erich Wulff nhấn mạnh, khi ông đến Việt Nam, ông hoàn toàn không quan tâm chính trị và còn là một bác sĩ trẻ đang muốn học hỏi kinh nghiệm cho chuyên môn của ông. Tháng 5 năm 1963, tình cờ ông là nhân chứng cuộc thảm sát các Phật tử đêm Phật đàn tại địa điểm Đài Phát thanh Huế do chính quyền đương thời gây ra. Ông bắt đầu tìm cách giúp các thầy ở chùa Từ Đàm khi họ tuyệt thực và sau đó chuyển thông tin đến với thế giới về cuộc thảm sát đêm Phật đàn 1963 tại Đài Phát thanh Huế. Tháng 6/1963, ông bị nhà cầm quyền tại Huế giữ lại sau khi yêu cầu chính quyền cho biết các

Tiến sĩ Erich Wulff



yếu tố trong lựu đạn cay mà cảnh sát sử dụng chống các người đi biểu tình và tuyệt thực để có thể chữa trị hữu hiệu các nạn nhân. Sau đó ông và hai đồng nghiệp bị triệu vào Sài Gòn đợi lệnh của chính phủ. Cuối tháng 6/1963, E. Wulff và hai đồng nghiệp của ông bị chính quyền Ngô Đình Diệm trục xuất khỏi Việt Nam. E. Wulff trở lại Việt Nam đầu năm 1964 sau khi chính quyền Ngô Đình Diệm bị sụp đổ. Ông tiếp tục dạy học tại Huế cho đến năm 1967. Tại Huế, E. Wulff đã cải tiến khoa Tâm thần ở đây và xây dựng Bệnh viện Tâm thần tại Huế. Trong khoảng thời gian này, ông bắt đầu có nhận định chính trị khác với phong trào đòi hòa bình của Phật giáo. Trong thư viết năm 2003, ông cho biết, những người bạn Việt Nam của ông tại Huế đã thuyết phục ông ủng hộ cuộc chiến chống Mỹ. Ông thông cảm với họ và đứng trên chiến tuyến chống sự leo thang chiến tranh của Mỹ tại Việt Nam, ông cho rằng chính sách của Mỹ tại Việt Nam thay vì giúp miền Nam Việt Nam có nền dân chủ thật sự, đã đẩy thanh niên miền Nam trở lại chống Mỹ (E. W. điều trần trước Tòa án Russel về chiến tranh Việt Nam năm 1967).

Năm 1967 E. Wulff trở về Đức. Năm 1968 ông giữ chức vụ bác sĩ trưởng tại Bệnh viện Tâm thần của Đại học Giessen. 1969 ông trình luận án tiến sĩ quốc gia y khoa và làm giáo sư thỉnh giảng tại Đại học Vincennes Paris. Năm 1974, ông được Đại học Y khoa Hannover bổ nhiệm vào ghế giáo sư mới thành lập cho khoa Tâm thần xã hội học. Với sự bổ nhiệm E. Wulff, Đại học Y khoa Hannover đã tạo nên phẩm hàm giáo sư thứ hai cho khoa Tâm thần học và phân khoa từ lâu được hoạch định về môn Tâm thần xã hội học chính thức được định chế hóa. E. Wulff đã giữ chức vụ trưởng khoa này 20 năm cho đến khi về hưu năm 1994.

Từ năm 2003 ông sống với phu nhân là bà Edith Tubiana Wulff tại Paris. Các con của ông bà, Jonathan (1975), Manuel (1977), Noemi (1981), đã thành đạt và sống tại Đức.

Trong thời gian hoạt động chuyên môn của E. Wulff với tư cách khoa trưởng tại Đại học Y khoa Hannover (1974-1994) đã có nhiều quyết định có tính định hướng trên lãnh vực tâm thần học cho nền Tâm thần học tại Đức và Âu châu. Những quyết định này đã xác lập và làm thay đổi bộ mặt của khoa Tâm thần học trong suốt những thập niên kế tiếp. Dẫn thân của E. Wulff nằm ở sự cải tổ lại khoa Tâm thần học tại Đức và những nước Âu châu khác. Trước đó ông đã liên lạc với Franco Basaglia và một nhóm chuyên gia Tâm thần học chủ trương cải tổ khoa Tâm thần học. Đối với Wulff, khoa Tâm thần học mới này có mục đích ưu tiên nhằm đóng góp vào sự dân chủ hóa định chế thuộc lãnh vực tâm thần và bảo trợ phong trào thân nhân và nạn nhân của những người đã trải qua kinh nghiệm tâm thần học, ông là thành viên của phong trào cải cách ngành Tâm thần học và là thành viên của Ban Biên tập Tạp chí

Sozialpsychiatrische Informationen (Thông tin tâm thần xã hội học). Dẫn thân khác của E. Wulff thuộc lãnh vực khoa Tâm thần nhân chủng học. Trên lãnh vực này, ông xây dựng lý thuyết về sự tương quan có tính so sánh văn hóa đến từ sự hiểu biết nhân chủng học cho khoa Tâm thần học, nhất là để thấu lượm một khía cạnh liên văn hóa và cũng như tiếp thu khoảng cách họa đồ nhân chủng có ích trong việc thực hiện chẩn bệnh và trị bệnh. Tại Đức, uy tín quốc tế về chuyên môn của ông trên lãnh vực tâm thần học càng ngày càng gia tăng. E. W. đã dựa trên phương pháp duy vật biện chứng, như ông tuyên bố khi xây dựng để án khoa tâm thần xã hội học. Ông đã tạo được một uy thế quốc tế trên lãnh vực này cho Đại học Hannover, nhất là khoa Tâm thần nhân chủng và khoa Phân tích cơ cấu (*Strukturanalyse*) của bệnh điên, do George Devereux khởi xướng.

Song song với hành nghiệp chuyên môn, sau khi trở về Đức, E. Wulff tích cực hơn trong hoạt động chính trị. Ngay chính sau 1964, ông được thuyết phục về phía Mặt trận Giải phóng và không còn ủng hộ tích cực các phong trào hòa bình của Phật giáo tại miền Nam. Với bút danh G.W. Alsheimer, trong tác phẩm *Những năm dạy học tại Việt Nam* xuất bản tại Đức năm 1968, ông kể lại những kinh nghiệm tại Việt Nam. Từ đó E. Wulff tham gia các phong trào chống Mỹ và ủng hộ hòa bình cho Việt Nam, là thành viên Ban Biên tập tờ báo khuynh tả *Argument* (Lý luận) và là Chủ tịch của Hội Thân hữu Đức Việt một thời gian.

Sau gần 30 năm xa cách, E. Wulff trở về Việt Nam, lần này với gia đình kể cả ba người con đã trưởng thành, nhân Đại lễ Vesak 2008 do UNESCO chủ xướng được tổ chức tại Việt Nam tháng 5 năm 2008, qua lời mời của Ban Tổ chức cuộc lễ. Trong một thư riêng trước thư nhận lời tham dự, E. Wulff viết: "Es ist für mich mit meinen 81 Jahren und Altersgebrechen sicher die letzte Gelegenheit. Ausserdem schließt sich damit irgendwie der Kreis meines Engagements für Vietnam, das ja am 8. Mai 1963 begonnen hatte". (Tôi nghĩ chắc chắn đó là cơ hội cuối cùng với mớ tuổi 81 và sức già yếu hiện nay của tôi. Ngoài ra cũng có một chút duyên nào đó, mà với chuyến đi này vòng tròn dẫn thân của tôi cho Việt Nam, - đã bắt đầu vào dịp Phật đản ngày 8 tháng 5 năm 1963 - được đóng lại".

Cùng với gia đình, tháng 5 năm 2008, ông đến tham dự Đại lễ Phật đản tại Hà Nội, và sau đó đến Huế, mang trong lồng ngực chiếc máy trợ tim sau nhiều lần giải phẫu, yếu đuối nhưng thân thiết với mọi người. Tại Huế, hai địa điểm mà ông đòi đến thăm trước nhất là Bệnh viện Tâm thần do ông thành lập và Đài Phát thanh Huế nay là nơi có dựng đài kỷ niệm các Thánh tử đạo. Trở lại Paris ông hoàn tất hồi ký chuyến đi Việt Nam lần cuối, đã được xuất bản cuối năm 2009/2010. Bà Wulff cho biết ông đã làm một số bài thơ sau chuyến đi, có lẽ những bài thơ đầu tiên và cuối cùng của vị bác sĩ



Tiến sĩ Erich Wulff (Ảnh chụp năm 2008 tại Huế)

luôn “dành trái tim cho người bị áp bức” (pv E. Wulff). E. Wulff từ trần ngày 31.01.2010.

Các tác phẩm:

Dưới bút hiệu Georg W. Alsheimer

- *Vietnamesische Lehrjahre*. (Những năm dạy học tại Việt Nam) Nxb Suhrkamp, Frankfurt am Main 1968, 1968/72/79.

- um einen *Nachbericht von 1972* ergänzt: Nxb Suhrkamp (st 73), Frankfurt am Main 1972, được bổ túc với một tường thuật viết sau.

- *Eine Reise nach Vietnam*. Một chuyến đi Việt Nam, Nxb Suhrkamp (st 628), Frankfurt am Main 1979

Dưới tên Erich Wulff

- *Psychiatrie und Klassengesellschaft. Zur Begriffs- und Sozialkritik der Psychiatrie und Medizin*. Tâm thần học và Xã hội giai cấp. Phê phán khái niệm và phê phán xã hội trong Tâm thần học và Y khoa, Athenäum, Frankfurt am Main 1972

- *Der Arzt und das Geld*. (Ông bác sĩ và đồng tiền) trong *Argument* (SH 11; Nachdruck aus *Das Argument* 69/1971), Berlin 1978

- *Transkulturelle Psychiatrie*. Tâm thần học liên văn hóa, trong *Argument* (SH 23; Nachdruck aus *Das*

Argument 50/1969), Berlin 1979.

- *Psychiatrie und Herrschaft*. Tâm thần học và tính thống trị, *Argument* (SH 34; Nachdruck aus *Das Argument* 110,111/1978), Berlin 1979.

- *Psychisches Leiden und Politik. Ansichten der Psychiatrie*. Đau khổ tâm lý và chính trị. Quan điểm của Tâm thần học. Campus, Frankfurt am Main 1981.

- *Wahnsinnslogik. Von der Verstehbarkeitschizophrenen Erfahrung*. Luận lý của bệnh cuồng. Về khả thể hiểu biết kinh nghiệm phần tâm, Psychiatrie-Verlag (Edition das Narrenschiff), Bonn 1995.

- *Irrfahrten. Autobiographie eines Psychiaters*. Những chuyến đi lạc. Tự sự của một nhà tâm thần học, Psychiatrie-Verlag (Edition das Narrenschiff), Bonn 2001.

- *Das Unglück der kleinen Giftmischerin und zehn weitere Geschichten aus der Forensik*. Nỗi bất hạnh của cô bé pha thuốc độc và 10 câu chuyện khác từ Forensik, Nxb Psychiatrie-Verlag (Edition Balance), Bonn 2005.

Đứng tên xuất bản (Herausgeberschaft)

- *Ethnopsychiatrie. Seelische Krankheit, ein Spiegel der Kultur?* Tâm thần nhân chủng học. Bệnh tâm thần, một tấm gương soi của văn hoá?, Nxb Akademische Verlagsgesellschaft, Wiesbaden 1978. ■

Về bài

CẨM SẮT

của Lý Thương Ẩn

và ảnh hưởng của bài thơ đối với
Nguyễn Du trong *Truyện Kiều*

VĨNH SÍNH

Mùa hè năm ấy (2003), tôi ghé Đông Kinh thăm người bạn cũ từ bốn mươi năm nay đang bị ốm nặng. Một tối, trước giờ đi ngủ, tình cờ thấy trong nhà có cuốn *Ri Shoin* (Lý Thương Ẩn; 812?-858), tôi lấy ra xem.

Lý sống vào thời văn Đường ở Trung Quốc, một thời kỳ có lắm bế tắc về chính trị và xã hội, nhưng chín muồi về văn hóa nghệ thuật. Tuy đồ đạt cao, Lý không may mắn trên bước hoạn lộ. Thơ Lý được ưa chuộng nhưng nổi tiếng hóc búa. Trong thơ có nhiều điển tích, giàu hình tượng, mà cũng chứa lắm ẩn dụ khó giải mã. *Cẩm sắt* thường được xem là bài thơ hay nhất và cũng là bài thơ khó hiểu nhất của họ Lý. Chả vậy mà nhà bình thơ đời Thanh Vương Sĩ Trinh đã nhận xét: '*Nhất biên Cẩm sắt giải nhân nan*' (Bài thơ *Cẩm sắt* hiểu sao đây!).

Tối đó tôi khê đọc bài *Cẩm sắt* qua âm Hán Việt. Ngâm chầm chậm hai câu mở đầu '*Cẩm sắt vô đoan ngũ thập huyền / Nhất huyền nhất trụ tứ hoa niên*', tự dưng tôi thấy xúc động mạnh. Chỉ có hai câu mà họ Lý đã đưa người đọc đến ngay ngưỡng cửa của những dĩ vãng xa xôi, sâu lắng. Ngâm xong cả bài, tuy chưa nắm hết ý nhưng tôi vẫn cảm thấy những âm hưởng trong "*Cẩm sắt*" có sức quyến rũ, có một ma lực lạ lùng. Người dịch, chú thích

và bình luận tập thơ của *Ri Shoin* là Takahashi Kazumi (1931-71), một nhà văn, nhà thơ, và cũng là một nhà nghiên cứu văn học Trung Quốc xuất sắc nhưng mệnh bạc. Những lời bình của Takahashi như những tia chớp sáng, trong khoảnh-khắc-một-sát-na đưa người đọc đi thẳng vào thế giới thẩm mỹ của thơ Lý Thương Ẩn mà các nhà bình luận thơ Đường xưa nay vẫn thường nói tới. Đọc lui đọc lại, tôi như bị thu hút bởi bài thơ.

Duyên nợ dẫn đến duyên kia, sau đó cũng do tình cờ, tôi được biết một điều kỳ thú là trong phần cuối *Truyện Kiều*, Nguyễn Du cũng đã mượn bốn câu trong bài thất ngôn bát cú này để diễn tả cảnh Kiều gầy đàn cho Kim Trọng nghe sau mười lăm năm cách biệt. Khi so sánh bốn câu trong nguyên tác với đoạn thơ phóng dịch trong *Kiều*, chúng tôi phát hiện một chi tiết cũng hấp dẫn không kém: Tiên Điền tiên sinh đã thay đổi không khí u uất trong nguyên tác thành một bầu không khí ấm áp, êm ái, tươi sáng cho phù hợp với cảnh sum họp vui vầy giữa Kiều với Kim Trọng!

Mục đích của chúng tôi khi viết bài này là không những hy vọng được chia sẻ với độc giả một bài thơ hay, nhưng đồng thời đưa ra một số nhận xét về mối liên hệ kỳ thú của đoạn thơ phóng dịch trong *Truyện Kiều* với bài *Cẩm sắt* của Lý Thương Ẩn.



Họa cảnh bài Cầm sắt

Trước hết, ta thử xem qua gốc gác những từ cần giải thích cùng những điển tích trong bài Cầm sắt.

錦瑟

錦瑟無端五十弦
一弦一柱思華年
莊生曉夢迷蝴蝶
望帝春心託杜鵑
滄海月明珠有淚
藍田日暖玉生煙
此情可待成追憶
只是當時已惘然

Cầm sắt

Cầm sắt vô đoan ngũ thập huyền,
Nhất huyền nhất trụ tứ hoa niên.
Trang sinh hiếu mộng mê hồ điệp,
Vọng đế xuân tâm thác đồ quyền.
Thương hải nguyệt minh châu hữu lệ,
Lam điền nhật noãn ngọc sinh yên.
Thử tình khả đãi thành truy ức,
Chỉ thị đương thì dĩ vãng nhiên.

Câu 1) Cầm sắt: Có người dịch là đàn gấm², nhưng trên thực tế là cây đàn sắt có chạm trổ. Đàn sắt là loại đàn lớn làm bằng gỗ cây ngô đồng. Đàn sắt và đàn cầm là hai loại đàn cổ, chữ cầm sắt³ thường dùng nhằm

chỉ vợ chồng hòa hợp, như đàn sắt đàn cầm hòa nhau. Theo *Daijigen* (Đại từ nguyên), cầm sắt là mỹ danh của cây đàn sắt⁴.

Vô đoan: do đâu, từ đâu, không có lý do.

Ngũ thập huyền: Theo truyền thuyết, khi Tổ Nữ gảy đàn sắt tể trời theo lệnh vua Phục Hy⁵, đàn này có 50 dây. Nhưng vì tiếng đàn quá ai oán náo nùng, Phục Hy cấm không cho sử dụng đàn này nữa. Sau đó, vì dân chúng vẫn không chịu tuân lệnh, Phục Hy mới cho phép dùng nửa số dây, từ đó đàn sắt chỉ có 25 dây (theo 'Phong thiên thư', *Sử ký* của Tư Mã Thiên; hoặc 'Giao tự chí', *Hán thư* của Ban Cố đời Hậu Hán)⁶.

Câu 2) Trụ: Trụ; trực; hay 'con nhận' đỡ dây đàn (huyền).

Hoa niên: Thanh xuân; tuổi trẻ; thời kỳ rạo rực yêu đương.

Tứ, tứ: Nghĩ, nhớ; ở đây dùng theo nghĩa 'gợi nhớ'. Mỗi dây đàn, mỗi trụ, xui nhớ lại tuổi hoa niên. Đọc hai câu mở đầu, ta không khỏi liên tưởng đến hai câu hát ru con Việt Nam 'Hai tay cầm bốn tào nôi / Tào thẳng tào dùi, tào nhớ tào thương' – tuy dân dã mộc mạc nhưng có sức gợi cảm cũng vô cùng mãnh liệt.

Câu 3) Trang sinh: Tức Trang Chu, nhà tư tưởng thời Chiến Quốc. Sách *Trang Tử* ghi lại những ngôn thuyết của Trang Tử cùng những người cùng phái, chủ trương là mọi việc trên đời như lớn nhỏ, khôn dại, sống chết,



Tượng Lý Thương Ẩn

v.v. chẳng có gì khác nhau cho lắm; xem vô vi, tự nhiên là đạo đức cao nhất. Thuyết giải về sự khó phân biệt giữa tỉnh và mộng, sống và chết, thiên 'Tế vật luận' trong *Trang Tử* viết: 'Ngày xưa, Trang Chu chiêm bao thấy mình hóa bướm bay nhờn nhờ, tự lấy làm thích chí, quên mình là Chu. Bất giác tỉnh giấc, thấy hình thù mình vẫn là Chu. Không biết Chu chiêm bao là bướm, hay bướm chiêm bao là Chu!'

Câu 4) *Vọng Đế*: Đế hiệu của vua Đổ Vũ nước Thục cuối đời Chu (nên còn gọi là Thục Đế)⁷. Tương truyền Vọng Đế ra lệnh bộ hạ là Miết Linh đi cứu lũ ở xa nhằm thừa dịp tư tình với vợ của Miết Linh. Sau đó Vọng Đế tự hốt thẹn về hành vi bất chính của mình, từ ngôi rồi mai danh ẩn tích. Mỗi năm cứ vào tháng Hai âm lịch (Vọng Đế rời đất Thục cũng vào tháng này), đêm đêm

chim đỗ quỳen lại cất tiếng sầu thảm. Bởi vậy, người nước Thục mỗi lần nghe tiếng chim đỗ quỳen lại nhớ đến Vọng Đế⁸.

Xuân tâm: Lòng xuân, còn có nghĩa như 'xuân tình': tình yêu trai gái, có thể bao hàm hơi hướng tính dục. Nguyễn Du cũng đã dùng chữ 'xuân tình' khi phỏng dịch đoạn thơ này trong *Truyện Kiều*.

Câu 5) *Thương hải*: Biển xanh, còn có nghĩa là biển rộng, biển cả. *Thương hải* cũng có khi dùng để chỉ tên một biển hư cấu ở cõi tiên.

Nguyệt minh châu hữu lệ: Theo *Văn tuyển* (Lý Thiệu chú thích), 'khi trăng đầy, trai có ngọc (châu), khi trăng khuyết trai không có ngọc' (*nguyệt mãn tức châu toàn, nguyệt khuyết tức châu khuyết*). Theo cuốn *Biệt quốc động minh ký* thời Lục Triều, ngày xưa có người lặn xuống đáy biển tìm ngọc, lạc vào cung điện của nhân ngư, tìm được bảo ngọc do nước mắt của nhân ngư đọng lại⁹. Ngoài ra, câu này còn có thể hiểu theo điển tích 'thương hải di châu' (hạt ngọc bỏ rơi trong biển cả), ngụ ý là người có tài mà không có chỗ thi thố.

Câu 6) *Lam điển*: Tên một ngọn núi ở Thiểm Tây (Lam Điền sơn), còn gọi là Ngọc sơn, nổi tiếng có nhiều ngọc quý. Theo *Sơn hải kinh*, Ngọc sơn là nơi bà tiên Tây Vương Mẫu ở – chi tiết này khiến người đọc liên tưởng đến một cõi tiên hư cấu, giống như "Thương hải" trong câu 5¹⁰.

Ngọc sinh yên: Theo *Lục dị truyện*, con gái Ngô Phù Sai là Tử Ngọc yêu người lính hầu là Hàn Trọng nhưng không được Ngô vương chấp thuận, mang mối bi tình xuống tuyến đài. Một sáng, khi Ngô vương đang dùng lược chải tóc, nhìn ra vườn thấy có viên ngọc lớn màu tím chiếu sáng, phu nhân nghe nói chạy ra vườn, khi vừa ôm chầm hòn ngọc thì ngọc tan thành khói biến mất. Lại có thuyết cho rằng tử thơ trong câu này lấy từ ý câu sau đây của nhà thơ Đái Thúc Luân (732-789) thời Trung Đường: 'Cảnh, đối với nhà thơ, tựa như viên ngọc quý bốc tan thành khói khi Lam Điền ứng nắng, chỉ có thể đứng nhìn từ xa chứ không được lại gần' (*thi gia chỉ cảnh như Lam Điền nhật noãn lương ngọc sinh yên, khả vọng nhi bất khả trí ư mi tiếp chi tiền giả*)¹¹.

Hai câu 5 & 6 đối nhau, bởi vậy khi chuyển ngữ chúng tôi đã cố gắng giữ nguyên những chữ đối nhau trong câu. Nói một cách khác, khi xem 'Thương hải' là một danh từ riêng, chúng tôi cũng xem 'Lam Điền' là danh từ riêng; và khi dịch 'thương hải' như một danh từ chung (biển cả), chúng tôi cũng dịch 'lam điển' như một danh từ chung (đồng xanh).

Câu 7 & 8) *Khả [đãi]*: trợ từ có nghĩa là: phải, nên, đáng, có thể, chắc có thể, có lẽ, hình như; hoặc là trợ từ nghi vấn (làm sao có thể...).

Võng nhiên: không biết gì cả, ngỡ ngác như mất hồn, phôi pha. Câu 7 có thể dịch là 'Tình này [giả sử] có thể trở thành một cái gì để ghi nhớ hoặc 'Làm sao có thể chờ đợi để tình này trở thành cái gì để ghi nhớ?' Chúng tôi đã chọn cách dịch thứ nhất. Câu 8 có nghĩa

là 'Thì lúc ấy thời gian/duyên tình cũng đã phôi pha/tàn phai/nhặt nhòa.

Sau đây là bản dịch bài *Cắm sắt* của chúng tôi:

*Cắm sắt vì đâu năm chục dây?
Mỗi dây mỗi trức nhớ thương đầy.
Trang sinh sớm mộng mê thành bướm,
Thục đế tình xuân tiếng cuộc chầy.
Thương hải trắng thanh châu nhỏ lệ,
Lam điển nắng ấm ngọc tan bay.
Tình này ví thử sau còn nhớ,
Lúc đã tàn phai với tháng ngày!*

Bài thơ cũng có thể dịch như sau:

*Cắm sắt vì đâu ngũ-thập-huyền?
Mỗi dây mỗi trức gọi hoa niên.
Trang sinh sớm mộng mê thành bướm,
Thục đế xuân tình gửi tiếng quyền.
Bể cả trắng thanh châu đầm lệ,
Đồng xanh nắng ứng ngọc tan liền.
Tình này ví thử sau còn nhớ,
Khi đã qua rồi thuở lứa duyên!*

Như chúng ta đã thấy, lời thơ trong bài *Cắm sắt* được nét buồn man mác, như chất chứa một 'nỗi sầu vạn đới'. Có người cho rằng Lý đã viết bài thơ này vào những năm cuối đời để khóc người vợ quá cố của mình, có kẻ bảo Lý viết để than tiếc cho người yêu mang tên là Cắm Sắt. Ngoài ra còn có không biết bao nhiêu giả thuyết khác¹². Có lẽ chúng ta nên hiểu là Lý muốn nói về bản chất mộng ảo, mong manh của cuộc đời và của tình yêu, không chỉ của nhà thơ mà của con người nói chung. Những năm tháng đã trôi qua trong cuộc đời (mà trăm năm là giới hạn) như thâu gọn lại trong năm chục sợi dây đàn.

Từ mỗi dây, tiếng đàn ngân lên như khơi dậy lại tuổi hoa niên, của 'Cái thuở ban đầu lưu luyến ấy / Ngàn năm chưa dễ đã ai quên!' (Thế Lữ). Làm sao phân biệt thực với mộng? Trang Chu hay con bướm, Thục Đế hay chim đỗ quyên, bên nào thực, bên nào mộng? Ngay giữa lúc 'Thương hải trắng thanh' thì 'châu đầm lệ', và ngay khi 'Lam điển nắng ấm' thì 'ngọc tan bay'! Và tình yêu, khi muốn ghi nhớ, muốn trân trọng, thì hỡi ôi, lúc đó thời gian đã phôi pha; duyên tình, hương nguyên ngày trước còn đâu nữa! Tất cả đều mong manh, mộng ảo.

Cho dù chúng ta không thể giải thích một cách thỏa đáng tất cả những ẩn dụ trong *Cắm sắt*, nhưng vẫn có thể cảm nhận được giá trị của bài thơ, đúng như Lương Khải Siêu (1873-1929) đã nhận xét khi đọc những bài thơ khó giải mã của Lý. Lương viết: 'Tôi không hiểu và thậm chí không thể giải thích ý nghĩa của từng câu thơ, nhưng tôi vẫn yêu và vẫn bị lôi cuốn bởi vẻ đẹp của thơ họ Lý'¹³.

Cuối cùng, chúng tôi thử đưa ra vài nhận xét về đoạn phóng dịch bốn câu 3, 4, 5, 6 của bài *Cắm sắt* trong *Truyện Kiều*.

Đoạn này nằm trong phần cuối của *Truyện Kiều*, khi

Kiều và Kim Trọng gặp lại nhau sau mười lăm năm cách biệt. Kim Trọng nhờ Kiều đánh đàn cho mình nghe, và Kiều đã 'nể lòng người cũ vâng lời một phen' (câu 3196). Trước đó, khi Kiều đàn cho Kim Trọng nghe lần đầu tiên, hay trong những lần Kiều bị buộc phải gảy đàn cho Thúc Sinh, Hoạn Thư, v.v. nghe, thì tiếng đàn của nàng lâm ly, náo nùng, 'nghe ra như oán như sầu phải chăng?' (câu 476). Nhưng lần này, khác hẳn với những lần trước, tiếng đàn của Kiều nghe thật ăm ắp, êm ái, trong sáng. Nguyễn Du đã phóng dịch bốn câu trên nhằm diễn tả tiếng đàn sum họp của Thúy Kiều như sau:

*Khúc đầu đầm ấm dương hòa,
Ấy là hồ điệp hay là Trang sinh.
Khúc đầu êm ái xuân tình,
Ấy hồn Thục Đế hay mình đỗ quyền?
Trong sao châu nhỏ duẩn quyền,
Ấm sao hạt ngọc Lam Điền mới đông!*

(Câu 3199-3204)

Qua tiếng đàn vui tươi, ăm ắp trong đoạn phóng dịch này, người đọc không còn thấy bóng dáng trần trở hoài nghi của một Trang Chu nguyên sơ trong thiên "Tế vật luận"¹⁴, tiếng ca của chim đỗ quyên không còn nhuốm máu vì Thục Đế – mà chỉ là một giai điệu êm ái gợi nhớ vị quân vương đa tình, những hạt châu không còn đầm lệ ở Thương hải vào những đêm trăng tỏ, và hạt ngọc kia cũng không còn bốc khói khi ứng nắng ở Lam điền!

Dĩ nhiên Tiên Điền tiên sinh đã không hiểu lắm ý thơ của họ Lý. Do đâu mà chúng ta có thể khẳng định như vậy?

Ngoài bản lĩnh của nhà học giả này như ta đã biết, lý do là ngay sau đó, khi Kim Trọng hỏi Kiều: 'Tiếng đàn ngày trước sao ai oán, náo nùng, mà hôm nay em đàn sao nghe vui thế?' ('Chàng rằng: *Phổ ấy tay nào? / Xưa sao sầu thảm, nay sao vui vậy*'; câu 3207-3208), thì Nguyễn Du đã thay nàng Kiều đáp lời: 'Tê vui bởi tại lòng này / Hay là khổ tận đến ngày cam lai?' (câu 3209-3210).

Mặc dù phải đối đầu với định mệnh phủ phàng, nghiệt ngã trong suốt mười lăm năm chia cách ('*Ông qua bướm lại đã thừa xấu xa / Bấy chầy gió táp mưa sa*') (câu 3098-3099), Nguyễn Du đã thay Kiều khẳng định phẩm chất đẹp đẽ trong sạch của nàng: '*Chữ Trinh còn một chút này*' (câu 3161).

Chữ Trinh ở đây dĩ nhiên phải hiểu theo nghĩa tính thần. Kiều cảm kích bởi tấm lòng của người cũ, vì hơn ai hết Kim Trọng hiểu được điều đó, bởi thế Kiều mới nói: '*Thân tàn gợi đục khơi trong / Là nhờ quân tử khác lòng người ta / Mấy lời tâm phúc ruột rà / Tương tri dường ấy mới là tương tri*'! (câu 3181-3184) Trong không khí 'Tình xưa lai láng khôn hàn' (câu 3191), Kim Trọng nhờ Kiều gảy cho nghe một khúc ('*Thong dong lại hỏi ngón đàn ngày xưa*' (câu 3192). Đoạn Nguyễn Du phóng dịch từ *Cắm sắt* chính là để diễn tả tiếng đàn của Thúy Kiều lúc đó.

Ta hãy thử suy luận. Phải chăng Nguyễn Du đã thay đổi hẳn bầu không khí 'một cách sáng tạo' khi phóng dịch đoạn trên nhằm nói rõ lên rằng 'Tê vui bởi tại lòng

này' (câu 3209), và trong giờ phút tương phùng Kiều cảm thấy đã được phỉ nguyện ('Ba sinh đã phỉ mười nguyện', câu 3191), hay nói đúng hơn, nàng cảm thấy đã được giải thoát khỏi nghiệp chướng. Chắc hẳn chính vì vậy, nên ngay cả giai điệu lâm ly, u uất của bài *Cắm sắt* mà nghe vẫn êm ái, đầm ấm!

Bằng chứng cụ thể và hùng hồn nhất về sự cố ý thay đổi một cách sáng tạo của Nguyễn Du có thể tìm thấy ở câu cuối cùng trong 6 câu thơ phỏng dịch.

Trong câu này, thiên tài họ Nguyễn đã đảo ngược hiện tượng, biến 'Lam điển nhật noãn ngọc sinh yên' (Lam điển nắng ấm ngọc tan bay) thành 'Ấm sao hạt ngọc Lam Điển mới đông!' (câu 3204), tức 'ngọc tan thành khối' trong nguyên tác đã trở thành 'hạt ngọc... mới đông' trong *Truyện Kiều*!

Vì 'ngọc... mới đông' nên Nguyễn Văn Vĩnh khi chuyển ngữ *Truyện Kiều* sang tiếng Pháp, đã dịch câu này là: 'Et c'était chaud comme une de ces gouttes qui viennent de se cristalliser en perles sur la plaine de Lam điển'¹⁵.

Trong *Truyện Kiều*, điều đáng chú ý là Nguyễn Du đã khởi đầu bằng thuyết 'tài mệnh tương đố' cũng có xuất xứ từ thơ của Lý Thương Ẩn ('Cổ lai tài mệnh lưỡng tương phương', tức 'Xưa nay tài mệnh vốn thường kỳ nhau'), và như chúng ta đã thấy, trong phần kết thúc Nguyễn Du cũng đã phỏng dịch một đoạn thơ của họ Lý trong khúc đàn cuối cùng của nàng Kiều nhằm chứng minh là 'tẻ vui' là 'bởi tại lòng này' và niềm vui sẽ có được khi trong lòng không còn bị vướng vấp bởi các nghiệp chướng.

Theo Nguyễn Du, đánh thức thiện căn, thiện tâm chính là chìa khóa đưa đến sự giải thoát: 'Thiện tâm ở tại lòng ta / Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài' (câu 3251-3252).

Sự thay đổi nội dung, từ bốn câu thơ trong bài *Cắm sắt* sang đoạn phỏng dịch trong phần kết thúc *Truyện Kiều*, nghĩ cho cùng, là một hiện tượng khúc xạ xảy ra khá phổ biến, với mức độ khác nhau, khi nước này tiếp thu văn hóa nước kia trong quá trình giao lưu/giao thoa văn hóa.

Điều đáng chú ý là trong trường hợp này, thiên tài Nguyễn Du đã 'Việt Nam hóa' bốn câu thơ trong bài *Cắm sắt* một cách điêu luyện nhằm bảo vệ nàng Kiều, nạn nhân của nghịch cảnh xã hội, và chứng minh rằng mặc bao 'gió táp mưa sa', nàng Kiều đã giữ được phẩm giá trong trắng của mình. Đành rằng Tiên Điền tiên sinh đã ít nhiều ký thác tâm sự vào Kiều khi bảo vệ cho nàng như nhiều thức giả đã nhận xét¹⁶, tâm thức 'tấm lòng như tuyết như băng', hoặc 'gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn' mà Tố Như tiên sinh đã khẳng định qua Kiều nằm ngay trong cốt lõi tâm tình dân tộc của người Việt Nam.

Có lẽ vì thế nên *Truyện Kiều*, ngoài những vấn đề điêu luyện, đã được người Việt – nạn nhân của không biết bao cơn binh lửa cùng nghịch cảnh xã hội – yêu chuộng mãi không thôi.

Chú thích:

1. Trích lại từ Wang Chiu-kuei [Vương Thu Quế] 'Objective Correlative' in the Love Poems of Li Shang-yin (Tương quan khách quan trong những bài thơ tình của Lý Thương Ẩn), Trung tâm Nghiên cứu Ngữ văn Ngoại quốc, Đại học Quốc lập Đài Loan (Taipei: Quỹ Văn hóa, Gia Tân Thủy Nê Công Ty, 1970), trang 31.

2. Ví dụ, xem Lê Nguyễn Lưu, *Đường thi tuyển dịch* (Huế: Nxb Thuận Hoá, 1997), tập 2, trang 1331.

3. Có học giả nhầm tên bài thơ này là *Cắm sắt*, thay vì *Cắm sắt*; ví dụ: Nguyễn Thạch Giang khảo đính và chú giải, *Truyện Kiều* (Hà Nội: Nxb Giáo Dục, 1996, xuất bản lần thứ XIII), trang 234; hoặc Bùi Kỳ & Trần Trọng Kim hiệu khảo và chú thích, *Truyện Thúy Kiều* (Fort Smith, AR: Nxb Sống Mới, không ghi năm in lại), trang 206.

4. Tokyo: Kadokawa Shoten, 1992, trang 1820.

5. Có sách ghi là Thái đế. Xem James Liu, *The Poetry of Li Shang-yin* (Thơ Lý Thương Ẩn). (Chicago: The University of Chicago Press, 1969), trang 51.

6. Trích dẫn lại từ Takahashi Kazumi, *Ri Shōin* (Lý Thương Ẩn) (Tokyo: Kawade Bunko, 1996), trang 40.

7. Đối với độc giả Việt Nam, tuy cách gọi Thục đế nghe quen tai hơn Vọng đế, nhưng nguyên văn chữ Hán đế là Vọng đế thì ta phải theo đúng vậy. Khi dịch sang tiếng Việt dĩ nhiên ta có thể chuyển thành Thục đế để độc giả người Việt dễ theo dõi hơn. Có tác giả ghi nhầm nguyên văn trong *Cắm sắt* là Thục đế; chẳng hạn như: Nguyễn Thạch Giang khảo đính và chú giải, *sđđ*, trang 234; Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu chú giải, *Vương Thúy Kiều* (Đoạn trường tân thanh) (Sài Gòn: Tủ sách Hương Sơn, 1960), trang 234.

8. Takahashi Kazumi, *sđđ*, trang 40.

9. Như trên.

10. Như trên, trang 40-41.

11. Trích lại từ Wang Chiu-kuei, *sđđ*, trang 38.

12. Xem James Liu, *sđđ*, trang 52-57.

13. Xem Fusheng Wu, *The Poetics of Decadence: Chinese Poetry of the Southern Dynasties and Late Tang Periods* (Thi ca đối phê: Thơ Trung Quốc vào thời Lục Triều và Văn Đường) (Albany, NY: State University of New York, 1998), trang 169.

14. Về điểm này, học giả Đặng Thanh Lê cũng đã đưa ra nhận xét tương tự trong *Truyện Kiều và thể loại truyện Nôm* (Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội, 1979), trang 141. Cách lý giải trong sách này về ý nghĩa của đoạn phỏng dịch từ *Cắm sắt* hay phần 'Tái hồi Kim Trọng' nói chung có điểm khác với cách lý giải của chúng tôi.

15. Nguyễn Du, *Kim Vân Kiều: Traduction en Français par Nguyễn Văn Vĩnh* (in theo bản của Nhà Alexandre de Rhodes, Hà Nội, 1943; Nxb Văn Học, 1994), trang 780. Người viết có gạch dưới để nhấn mạnh.

16. Theo quan niệm 'trung thần bất sự nhị quân' (tôi trung không thờ hai vua) ngày trước, việc làm quan cho hai triều (trước làm tôi nhà Lê và sau ra làm quan cho nhà Nguyễn) chắc đã làm Nguyễn Du trần trối không ít. ■



Mùa xuân

trong thơ Haiku Nhật Bản

HOÀNG XUÂN VINH

Với những tâm hồn Nhật Bản, tín ngưỡng cao nhất chính là sự tôn thờ “Cái Đẹp”. Đó là một tín ngưỡng đáng yêu, kỳ lạ và tuyệt đối. Nó không chính thức được định danh, nhưng lại thấm sâu vào tâm hồn, vào tâm linh, vào mọi mặt đời sống của người Nhật, mà không một tôn giáo nào so sánh được. Cái đẹp tồn tại khắp mọi nơi mọi lúc, quanh ta và trong ta, mà sự hiện hữu của thiên nhiên là vẻ đẹp ban sơ đầu tiên, muôn thuở và luôn đầy bất ngờ, đầy bí ẩn. Hòa hợp với thiên nhiên, luôn rộng mở tâm hồn trước thiên nhiên, cảm nhận tinh tế nhất mọi sắc màu, mọi biến chuyển của thiên nhiên, yêu và tôn thờ thiên nhiên đến mức trở thành đức tin, thành linh hồn quốc giáo. Đó chỉ có thể là vẻ đẹp độc đáo, bất nhị trên thế gian - vẻ đẹp của những tâm hồn Nhật Bản.

Trên đất nước Nhật Bản, thiên nhiên ở đâu cũng đẹp. Và trong con mắt nhìn xuyên thấu Cái Đẹp của người Nhật, thế gian ở đâu và lúc nào cũng tiềm ẩn cái đẹp. Thiên nhiên Nhật Bản đẹp trong suốt bốn mùa và đẹp cả trong những khoảnh khắc giao mùa vi diệu nhất. Nhịp điệu và sắc màu của bốn mùa, ngay từ khởi thủy của hành trình thơ ca Nhật Bản, luôn là nguồn đề tài cảm hứng bất tận và đã hội tụ về đỉnh cao nhất của thơ ca cổ điển – thơ Haiku.

Mượn tên một loại hình nghệ thuật hội họa đặc trưng cho văn hóa truyền thống Nhật Bản thời đại Kamakura (1186 – 1333) là Tranh cuộn (ekakamono) để giới thiệu một nét đặc trưng trong đề tài, cảm hứng và cấu tứ của thơ Haiku thật ra chỉ là một cách ví von, một cách nói “hình tượng hóa” mà thôi!

Haiku và Tranh cuộn đều là những đỉnh cao nhất trong truyền thống văn học nghệ thuật của Nhật Bản. Ví nội dung bốn mùa xuân - hạ - thu - đông trong thơ Haiku như một bức tranh cuộn, chúng tôi muốn gợi lên một ấn tượng ban đầu trong bạn đọc về một thế giới thơ Haiku với cấu tứ bốn tập theo thời gian. Kết cấu cân đối nhịp nhàng ấy thu về trong nó tất cả sự phong phú, sinh động, đầy sức sống, nhất là với tính chất chuyển động của tranh cuộn theo kỹ thuật phối cảnh "tẩu mã" của loại tranh truyền thống từ thời Trung đại này. Thế giới thơ Haiku sẽ được hình dung như một bức tranh cuộn với một tiêu bản mộc mạc, thô sơ gồm bốn tập là bốn mùa. Bốn mùa ấy không hoàn toàn tách bạch, mà là bốn mùa luân chuyển không ngừng, được nối kết nhau bởi những nét vẽ giao thoa vi diệu. Những khoảnh khắc giao mùa ấy chính là chất kết dính đặc biệt của từng tập. Nếu các họa sĩ thời Kamakura miệt mài vẽ những bức tranh cuộn vĩ đại về các đề tài lịch sử, huyền thoại, tôn giáo, văn chương, chân dung và cuộc đời của các tăng già, võ sĩ, thiến sư... thì Basho và các môn đồ của Tiêu môn lại vẽ tranh bằng thơ, ký họa lại thiên nhiên bốn mùa bằng chữ, hữu ngôn lẫn vô ngôn. Haiku như một bức tranh cuộn vô hình mà hữu thể, có thể nghe, có thể đọc, có thể viết mà không thể chạm được đến hình hài; có thứ tự sau trước mà lại cuộn tròn thành tuần hoàn vô thủy vô chung của sắc màu và nhịp thời gian vô tận.

Hãy đi vào thế giới Haiku từ cuộn đầu tiên của bức tranh cuộn kỳ lạ ấy để bắt gặp ngay nét vẽ khởi nguyên:

MÙA XUÂN TRONG THƠ HAIKU NHẬT BẢN

*Thế rồi từ từ,
mùa xuân thành tựu
với trăng và hoa mơ.*

(Basho)

*Hoa mơ từng bừng
bên lầu, du nữ
mưa sấm đại lưng.*

(Buson)

Chợt nghe trong tim ta, trong tim ai một cảm xúc thật rộn ràng, thật hồi hộp quá! Mùa xuân đến rồi đó! Ừ, thì ai mà không mong đợi mùa xuân? Nhưng sinh ra ở miền nhiệt đới nóng ẩm, ta làm sao hiểu hết cảm nhận hết cái khắc nghiệt, cái dai dẳng, cái lê thê của một mùa đông dài, thế gian vò vó chỉ một màu tuyết trắng ngút ngàn? Cái mong đợi một mùa xuân ấm áp của người dân xứ sở Phù Tang vì vậy dường như phải nhân lên gấp bội phần. Cũng có lẽ vì thế mà phần lớn các bài thơ Haiku về mùa xuân ở Nhật Bản đều

có Kigo "Haru" (mùa xuân), "hana" (hoa), "sakura" (hoa anh đào)... Mở đầu như một tiếng reo! (Quý ngữ - từ chỉ mùa theo thi pháp thơ Haiku). *Haru no yo ya/ Haru nare ya/ Haru kaze ya/ Haru no yo wa/ Saku hana ni/ Yo ni sakura/ Hana no kumo...*

Mùa xuân như một người khách thân quý mà ta mong đợi đến mỗi mòn, cũng đang nấp đầu đó chờ ta. Cửa then còn ẩm lạnh vừa hé mở, mùa xuân đã ủa vào đem theo tất cả hương vị, sắc màu! Vạn vật như hồi sinh sau một giấc ngủ dài. Vị sứ giả sớm nhất đến từ trong tuyết trắng báo tin mùa xuân sắp đến rồi đó là hoa mơ với màu sắc trắng nhạt màu của tuyết lạnh:

*Thế rồi từ từ,
mùa xuân thành tựu,
với trăng và hoa mơ.*

(Basho)

Nhưng mùa xuân chỉ thật sự đến với thế gian khi hoa anh đào dụi mắt thức dậy sau một giấc ngủ dài 51 tuần giữa mơ hồ nhân gian. Hoa anh đào - biểu tượng của đất nước Nhật Bản, là hoa của mùa xuân, hoa của cái Đẹp, hoa của tình yêu, hoa của hoài niệm, hoa của vô thường, nhưng cũng là hoa của niềm vui hạnh phúc... Anh đào là hoa trên gương mặt và trong mỗi tâm hồn Nhật Bản. Những cánh anh đào phớt hồng mỏng manh ấy nhẹ nhàng rơi trên những dòng thơ bé nhỏ và

một giai điệu xuân dịu dàng sẽ vang lên, một trời xuân bắt đầu rạng rỡ.

*Đêm xuân phai nhòa
và rạng đông đến
trên cành đào hoa.*

(Basho)

*Từ bốn phương xa,
hoa đào bay lại,
xuống hồ Biwa.*

(Basho)

Hoa anh đào như chờ sẵn ai bên cánh cổng nhỏ, trong cổng tràn ra ngoài cổng, hoa dâng trào như một sức sống lạ, một niềm vui lớn lao.

*Qua cánh cổng con,
hoa đào ta gặp,
cả ngoài lẫn trong.*

(Basho)

Hoa anh đào đẹp nhất trong mưa xuân, trong gió xuân và đẹp ngay cả trong bão tố cuồng phong:

*Trong giông bão,
áo rơm người chèo chống,
hóa áo anh đào!*

(Basho)



Bài thơ khắc họa một hình tượng vừa hiện thực vừa lãng mạn. Cái đẹp từ trong lam lũ sao mà ngời sáng quá ánh hào hoa! Nghiệt ngã và bao dung! Mạnh mẽ mà dịu dàng! Chính những nét mang tính chất tương phản của thiên nhiên dữ dội mà thơ mộng, của tính cách khắc nghiệt mà nhạy cảm của tâm hồn Nhật Bản đã in dấu thành những nét tương phản mà tương hợp kỳ lạ trong những bài Haiku.

Để được sống mãi giữa trời xuân, đi mãi giữa mùa xuân, Basho thi sĩ - thi sĩ đã suốt đời lặn lội trên con đường thiên lý sâu thẳm của cuộc đời, của Haiku đạo để tìm lại một sắc hoa, một mùa xuân bất tận:

*Năm dặm một ngày,
ta đi tìm em đấy,
hoa anh đào yêu dấu ơi!*
(Basho)

Và thi nhân tìm thấy gì?

*Mưa mùa xuân
xuyên qua từng chiếc lá,
nuôi dòng nước xuân trong.*
(Basho)

*Bên dòng sumuda
chú chuột kia uống nước
mưa mùa xuân pha.*
(Issa)

*Băng qua vũng nước nông
bàn chân cô gái,
vẩy bùn lên nước xuân trong.*
(Buson)

*Mưa xuân thì thấm,
bên nhau đôi bóng
ô và áo tôi đi.*

(Buson)

Trong một bài sonnet của mình, W. Shakespeare đã làm rạn vỡ những mảnh băng giá, xua đi những bóng mây đen ảm đạm của đêm trường Trung cổ cũng với một hình ảnh thơ đẹp vào bậc nhất thơ ca thời Phục hưng:

*Tiền có cánh tôi chưa hình dung nổi
Chỉ biết nàng đi trên đất bằng chân.*

Cùng với hoa anh đào, bức tranh xuân, Haiku còn bao nhiêu sắc hoa tươi đẹp khác: nào hoa cẩm chướng (*Tôi muốn ngủ say / ngủ mơ trên đá / hoa cẩm chướng đấy*), nào hoa mạn (*Trên cành mạn / một bông hoa / là hơi ấm*), rồi hoa nazuma (*Khi nhìn kỹ / tôi thấy nazuma nở hoa / bên hàng liễu*), là đồng thảo trên triền núi đá làm vẩn vương trái tim người lữ hành cô độc (*Vương trái tim tôi / ngay trên con đường núi / đồng thảo nở hoa tràn*). Và cùng với muôn hoa là muôn vãn sinh linh bé nhỏ khác vô cùng sinh động, ngộ nghĩnh, đáng yêu tạo nên một bản song tấu, hợp tấu của đất trời giao hòa hạnh phúc (*Trên đồng hoa cải/ trăm mắt ngắm hoa/ một bầy chim sẻ*), (*Ồi chim oanh/ hát trước rừng trúc/ sau hàng liễu xanh*), (*Từ trong râm nhà / đáp lời chim sẻ/ rúc rích chuột con*), (*Trên cành liễu nghiêng/ con bướm đối*

chỗ/ mỗi lần gió rung). Ngay cả những sinh linh bé nhỏ tí teo đều khát khao và yêu mến mùa xuân, đều tràn trề sinh lực trước mùa xuân, hướng chỉ là con người? Và giữa cõi trời, cõi xuân, cõi của muôn hoa vạn vật ấy, bóng dáng con người hiện ra thật đẹp, thật mạnh mẽ và dịu dàng (*Một đêm mùa xuân/ trong góc Phật đường/ bóng ai dăng hương*), (*Người chèo thuyền/ ống điếu ngậm trong miệng/ gió mùa xuân lên...*). Và đẹp quá bức tranh thủy mặc:

*Mưa xuân thì thấm
bên nhau đôi bóng
ô và áo tôi đi.*

(Buson)

Đi giữa trời xuân, trong con người thường dâng lên niềm hạnh phúc, dạt dào khát vọng sống và yêu đương. Thế nhưng cũng thật lạ khi đó đây ta bắt gặp một vài bài thơ xuân buồn với một sắc thái riêng với màu sắc bi cảm. Aware là cảm thức thẩm mỹ đặc trưng của mọi loại hình văn học Nhật Bản mà Haiku không phải là ngoại lệ. Sự xuyên thấu của cảm thức Aware không chỉ bàng bạc, tiềm tàng mà nhiều khi còn phát lộ (*Ngày đầu xuân/ sao mà tôi nhớ/ chiều thu có đơn*). Đó là trạng thái tâm lý kỳ lạ! Bằng nghệ thuật chuyển đổi ngôn từ thi sĩ đã chuyển đổi tâm trạng (vui sang buồn), chuyển đổi thời gian (xuân sang thu) từ đó chuyển đổi từ cảm thức thực tại sang tiềm thức, ký ức và hoài vọng...

Trong Haiku về mùa xuân, không chỉ có tiếng reo mà còn cả nỗi nhớ, cả tiếng thở dài, và cả tiếng khóc ly biệt khi mùa xuân ra đi:

*Ta khóc,
mùa xuân ra đi,
cùng với những người Ômi.*

(Basho)

hay:

*Ta bà một cõi đau
cho dù mùa xuân đỏ
đang nở những hoa đào.*

(Issa)

Nhìn chung, chỉ phối cảm hứng thơ Haiku về mùa xuân, không phải chỉ là cảm thức Aware (Bi), Sabi (Tịch), Yugen (Huyền) mà nổi bật vẫn là Wabi (Đà) nguyên lý về cái Đẹp đơn sơ, nghèo nàn, giản dị, thanh khiết và Kamuri (Khinh), nguyên lý về sự nhẹ nhàng, thanh thoát, mềm mại ung dung giữa cái phù du, nghiệt ngã, vô thường. Thật khó để phân tích ranh giới các cảm thức ấy trong một bài Haiku.

Dù ta muốn níu kéo lại, mùa xuân rồi cũng ra đi... Nếu bạn muốn lưu lại một chút dư vị, dư âm, dư hương của mùa xuân hoài niệm, bạn hãy thả vào cốc nước nóng ấm trên tay, một cánh trà hoa anh đào ép khô - quà tặng từ xứ sở Phù Tang và mở ra những vãn thơ Haiku nhỏ bé chỉ như một chiếc lá non trên cành... bạn sẽ nghe được bước chân mùa xuân đang trở lại. ■

Cánh cò trên sông Hương

CAO HUY HÓA

Cách đây ngót nửa năm, những người đi bộ buổi sáng sớm qua cầu Trường Tiền, cầu Phú Xuân, hay trên đường Nguyễn Đình Chiểu, thích thú bất ngờ khi thấy đàn cò bay trên sông Hương, trong làn sương mỏng vừa tan; và từ đó, đàn cò vẫn lưu luyến dòng sông này để xuất hiện hàng ngày, thường thường là lúc tinh mơ, cũng có khi lúc chiều tà hoặc vào thời điểm đẹp trời trong ngày. Không chỉ vài chục con như ban đầu, nay đàn cò đã lên đến vài trăm con, bay theo từng tốp, và dần dần quen thuộc với dòng sông, nên khi thì nhẹ nhàng lướt cánh, khi thì la đà mặt nước, khi chấp chới lên cao, khi uốn lượn trên cầu, và thỉnh thoảng một vài con đáp xuống bãi cỏ bên bờ sông. Đây là hiện tượng lạ trước đây chưa từng có tại Huế. Sông Hương vốn đã đẹp lúc bình minh hay chiều tà, nay thêm những cánh cò trắng thì thật là nên thơ và thanh bình.

Cánh cò là hình ảnh rất quen thuộc trong xã hội nông nghiệp, gắn với ruộng đồng, ao hồ, sông nước, gắn với nông dân một nắng hai sương, gắn với con trâu mà hình ảnh con cò, con sáo đậu trên lưng trâu quá dễ thương. Cánh cò đã đi vào đời sống bình dị, vào lời ru, ca dao, vào điệu hò là: *"Con cò mà đi ăn đêm / Đậu phải cành mềm, lộn cổ xuống ao"*, *"Cái cò cái vạc cái nông / Sao mày giẫm lúa nhà ông hỡi cò"*, *"Con cò bay lả bay la / Bay từ cửa phủ, bay ra cánh đồng"*... và cũng đã đi vào ca khúc đương đại, về một giấc mơ êm ả, xa vắng: *Em nằm em nhớ / Một ngày trong veo / Một mùa nghiêng nghiêng / Cánh đồng xa mờ / Cánh cò nghiêng cuối trời...*

Cò bay thành đàn thật là lạ lướt trên trời xanh mây trắng, cò đậu rải rác đây đó trên cánh đồng đẹp như nét chấm phá trên bức tranh quê, nhưng thật tội nghiệp, khi cò lẻ loi trên ao hồ, chặm rãi kiếm mồi mà chẳng thấy; hình ảnh đó khiến ta liên tưởng các bà mẹ quê nghèo, tảo tần trên đồng, mặc cho nắng nôi mưa gió, vai gầy lưng còng, âm thầm chịu đựng.

Xã hội văn minh chừng nào thì những con vật thân thương càng chịu số phận mất nguồn sống, và có nguy cơ diệt vong. Bây giờ, tìm con cò quá dễ trong sân vườn có hòn non bộ, nhưng tìm con cò thực, sống động giữa thiên nhiên thì rất khó, như thế thì ca dao càng ngày càng xa vời, và biết đâu, từ "cò" sau này ít nói đến một

loài chim, mà để ám chỉ con người mảnh mung trung gian nào đó. Nói cho đúng thì hiện nay, thôn quê rải rác vẫn còn con cò, đi xe dọc quốc lộ qua các cánh đồng, khách đi đường vẫn cảm thấy vui vui bắt gặp đàn cò la đà trên ruộng lúa, trên sông hồ, nhưng không gian sinh sống của cò càng thu gọn.

Trải qua quá trình công nghiệp hóa, ruộng đồng, ao hồ càng thu hẹp, cây xanh, bụi bờ càng ít bớt, thì chim, cò phải đi tìm nơi cư trú tập trung và kiếm ăn theo đàn, cho nên hình thành một số sân chim, sân cò. Nhưng càng tập trung thì con người lại càng dễ săn bắt, để bán cho các quán nhậu. Trước đây, dẫu cực khổ, nông dân chẳng mấy khi đụng đến thịt cò (nghe đâu thịt tanh), vì không đành ăn thịt con vật dễ thương, hiền lành, đã cùng với người sống chan hòa trong thiên nhiên; thế mà ngày nay, con người lại không buông tha con cò khi khám phá món nhậu từ những động vật, chim muông, mà cha ông họ đã không sát sinh. Một phóng sự **"Còn đâu bay là bay la..."** của báo Tuổi Trẻ online ngày 25/10/2004, cho biết tại Diễn Châu, Nghệ An: *"Sau những cơn mưa, trời sáng, cò vạc từ biển, từ núi bay ra đầy trời, và không ít những cánh cò trắng muốt giã gạo tuyệt vọng vì vướng vào bẫy. Mỗi ngày có thợ bẫy được 300-400 con..."*. Đó chỉ là một trường hợp, ngoài ra, còn có những sân chim, vườn cò, tưởng là đất lành chim đậu, ngờ đâu lại là địa bàn lý tưởng cho những tay dùng chim giả, phát ra tiếng kêu, tiếng hót giả để dụ cho chim, cò đến gần, sa vào bẫy, và hốt không biết bao chim, cò phục vụ cho các bàn nhậu.

Trở lại đàn cò là lướt trên sông Hương. Người dân thành phố Huế vui mừng vì đàn cò tô điểm cho dòng sông một cách sống động, nhưng liệu con vật hiền lành kia có được vui vẻ, an thân không, hay là đôi cánh mỏng đã cùng đường khi buộc phải chọn cỏi đi về này: hôm qua đồng xanh còn là thẳng cánh cò bay, rừng thẳm còn là nơi chim đậu, thế mà hôm nay thì đó là nhà máy, công trình, là resort, là khu du lịch sinh thái, là "lều", "mái tranh", "nhà sàn" tân thời giữa chốn quê nghèo, thì tất yếu, cò phải đi chỗ khác chơi. May thay, đàn cò vẫn còn dòng sông này để rải cánh, còn có cồn Giã Viên và các cồn nhỏ giữa dòng sông, còn cây xanh thượng nguồn sông Hương, cũng như hàng cây cổ thụ xanh um bên công viên bờ sông để đậu, còn



có những cánh đồng Phú Vang, Hương Trà, những dải nước lợ phá Tam Giang, những bờ, lạch ven sông suối để cò kiếm ăn. Chỉ khẩn thiết xin con người "tha" cho những phen cò này, trước hết, quán nhậu Huế đừng sáng tạo thêm món nhậu thịt cò, đừng bắt chước ở nơi khác những món cò xào măng, cò nướng, cò quay, cò giả cầy, cò xào sả ớt, chà cò,... Không nhậu với thịt cò thì cò không bị bắt, thì cánh cò vẫn thân thiết với con người Việt Nam, không nhậu với thịt cò thì con người khỏi ngậm ngùi tiễn đưa cánh cò về huyện thoại, để vẫn còn câu hát con cò bay lả bay la, để *tinh tít tang tang tít tít* khỏi phải lạc điệu, vô hồn.

Thật là bi hài nếu giả sử một ngày kia, con cò có mặt trong Sách đỏ, thuộc những loài chim quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng. Thoáng ý nghĩ đó, tôi liên tưởng đến thấy Huyền Diệu, thấy nổi tiếng vì góp phần tạo dựng hòa bình ở Nepal, thấy đã cứu vãn vườn Lâm-tỳ-ni khỏi cảnh điêu tàn hoang phế, thấy đã xây dựng Việt Nam Phật Quốc tự, ngôi chùa Việt Nam ở thánh địa Lâm-tỳ-ni, mở đầu cho việc xây dựng những ngôi chùa các nước khác trên đất Phật thiêng liêng; ngoài ra thấy có tâm từ bi huyền diệu để đàn chim hồng hạc vô cùng quý hiếm được bảo động tuyệt chủng trong Sách đỏ, quay về ở Lâm-tỳ-ni, sống thân thiết bên thầy. Xin mời đọc những dòng tường thuật cô đọng của thầy trong phần Thay lời tựa cuốn sách *Khi hồng hạc bay về* (Huyền Diệu, Nhà Xuất bản Tổng hợp TP.HCM, tái bản lần 2):

"Những ngày đầu tiên lưu lại ở Lâm-tỳ-ni thuộc nước Nepal, một vùng đất xanh tươi nằm dưới chân dãy Hy Mã Lạp Sơn lóng lánh nhiều núi tuyết, nơi Đức Phật giáng trần cách đây

hơn 2.600 năm, tôi khám phá ra loài chim hồng hạc cực kỳ xinh đẹp và quý hiếm đang bị con người và thú dữ đe dọa mạng sống. Thế là tôi bắt đầu tìm hiểu và ra sức bảo vệ chúng.

Nhờ vậy mà từ một đôi vợ chồng chim hạc đến cư trú gần ngôi Việt Nam Phật Quốc tự, sau hơn 10 năm nay bảy hạc đã phát triển lên đến 44 con sống rải rác trong vùng Lâm-tỳ-ni. Qua việc bảo vệ loài chim quý hiếm này mà tôi được cơ duyên tốt ngày càng gần gũi và gần bó với thiên nhiên hơn".

Mỗi người chúng ta xin noi gương thầy, một tí tí thôi, để thương yêu đàn cò trên sông Hương; biết đâu một ngày nào đó, đàn cò thơ thẩn trên bờ sông, trầm mặc trong công viên, gần gũi với con người, mà vẫn yên thân để tiếp tục vỗ cánh trong trời tự do.

Nhưng cũng có thể một ngày không xa, cánh cò sẽ vắng bóng trên dòng sông Hương. Tôi cầu mong đàn cò không bị diệt vong, mà trái lại, chúng sẽ tìm được không gian mới tốt lành hơn, sung túc hơn mà vẫn an toàn, như góp vào thực tế chứng tỏ rằng con người đã văn minh đích thực hơn; có thể mình mới hòa nhập với các xã hội phát triển trên thế giới, với dân cư hiền hòa theo Phật giáo bên dòng sông Mê Kông, ở đó người ta

không phát minh gì thêm những món ăn từ những động vật mới, dân nhiều tiền không cầu kỳ của ngon vật lạ từ thú quý hiếm hoặc lạ lẫm, và mọi người chuyển hướng qua chế độ ăn dưỡng sinh, dùng nhiều thực vật, để giữ gìn sức khỏe và nâng cao niềm vui tinh thần vì tôn trọng thiên nhiên và cuộc sống trên hành tinh này. ■



Gió trên đỉnh

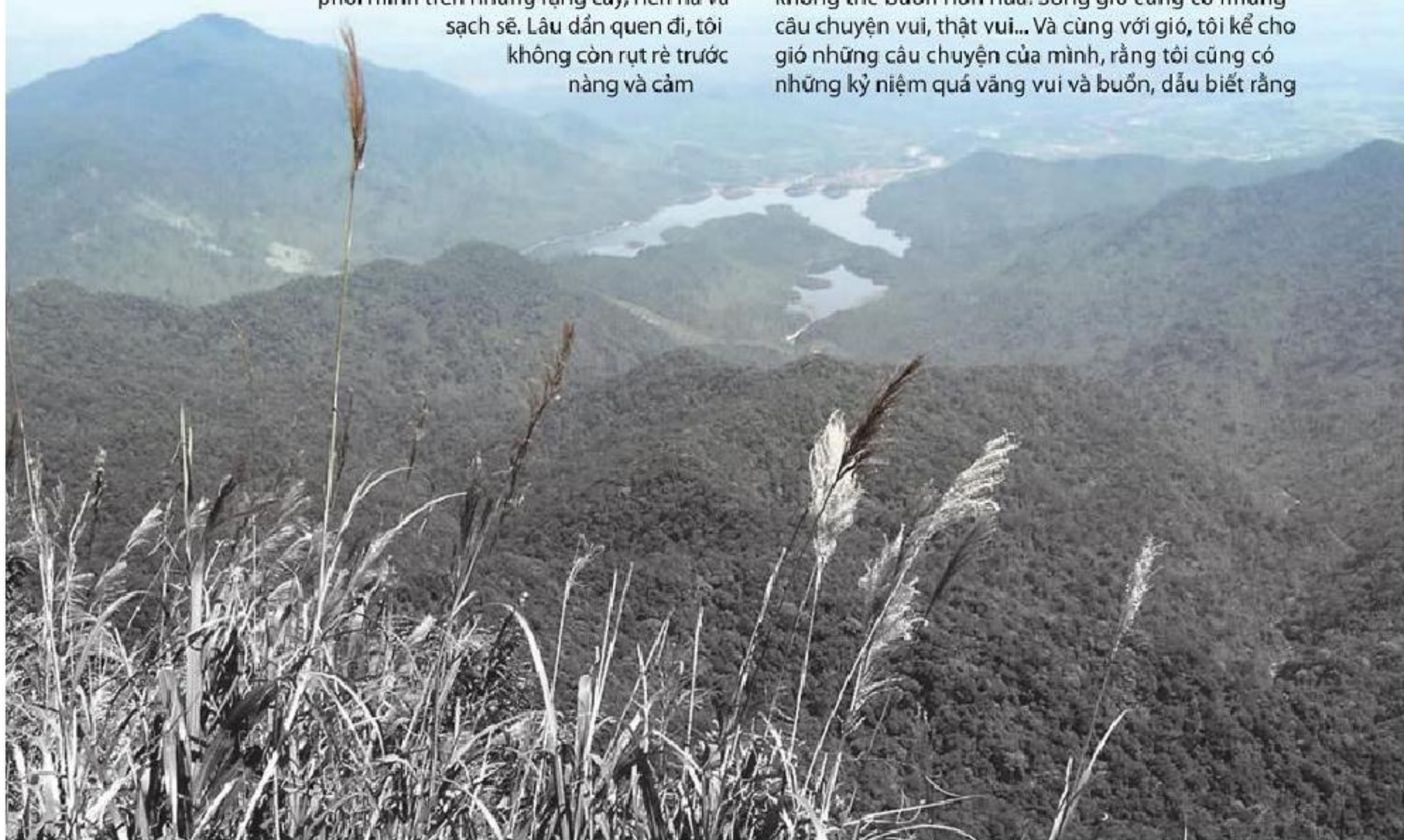
Bạch Mã

HỒ ĐĂNG THANH NGỌC

Với tôi, ấn tượng đầu tiên về Bạch Mã không phải là gió mà là mây. Bạch Mã là một núi mây. Nhiều lần lên Bạch Mã, tôi chỉ tâm niệm một điều là được nhìn thấy mây từ Vọng Hải Đài, rồi thôi. Mây Bạch Mã là một thứ mây con gái, thường xuất hiện trong những khoảnh khắc nơi thung lũng, rồi tan biến như một nàng tiên vừa giáng thế. Điều đó cũng dễ hiểu thôi bởi nàng mây Bạch Mã thuộc về xứ Huế, không như nàng mây Tam Đảo, cứ thản nhiên xông xộc cả vào phòng khách lạ chọc ghẹo chơi rồi bỏ đi không nói thừa gì. Trong nhiều năm qua từ khi biết Bạch Mã, tôi như chàng trai thầm yêu trộm nhớ, luôn khắp khơi đợi chờ được nhìn thấy mặt người yêu, trong một tư thế lén lút. Và như thế đáp lại tấm thịnh tình của một kẻ đại khờ, nhút nhát, nàng thường hiện lên trong những phút giây cơ hồ như tôi đã bắt đầu tuyệt vọng, làm cho tôi vui sướng mừng rỡ vô cùng. Có khi tôi thấy nàng trong vũ điệu ba-lê tha thướt như tên gọi của nàng. Có khi tôi run rẩy thấy nàng đang tắm từ ngoài khơi xa rồi kéo về phơi mình trên những rặng cây, nền nã và sạch sẽ. Lâu dần quen đi, tôi không còn rụt rè trước nàng và cảm

nhận rằng nàng thật dễ gần và vui tính. Cũng có khi nàng như trêu đùa tôi, biến thành một mù phù thủy già đen đúa, bắn thiu và kháu ó. Mặc nàng đùa, tôi vẫn cứ vừa nhấp rượu vừa ngắm nàng. Cho đến một hôm, tôi thấy nàng trong một vóc dáng Bạch Tuyết mặc chiếc áo váy trắng xóa đi từ Ngũ Hồ lên, giấu mặt trong một tán cây rừng, e ấp như một cô dâu. Hôm đó tôi không kìm lòng được nữa trong một cơn say ngất trời, tôi đã nói với nàng rằng tôi yêu nàng, dù không biết nàng có nhận lời hay không...

Sau lần tỏ tình thật kỳ lạ trên đỉnh Bạch Mã ấy, nàng vẫn thường hiện ra trước mắt tôi với muôn vàn hình hài đẹp để kỷ lạ. Nhưng có những lần, tôi hoài công ngồi chờ song nàng đi đâu vắng, lỗi hẹn. Và trong nỗi buồn trống vắng ấy, tôi nhận ra trên đỉnh Bạch Mã còn có gió. Gió như một triết gia đi lang thang thủ thi câu chuyện nhân tình. Có hôm gió kể cho tôi nghe câu chuyện nồng nàn, mặn mòi biển cả. Có hôm câu chuyện lạnh giá như một đồng bạc rơi vô cảm trong tim người. Có hôm câu chuyện buồn như không thể buồn hơn nữa. Song gió cũng có những câu chuyện vui, thật vui... Và cùng với gió, tôi kể cho gió những câu chuyện của mình, rằng tôi cũng có những kỷ niệm quá vắng vui và buồn, dẫu biết rằng



câu chuyện rồi cũng “để gió cuốn đi”. Hôm nay, tôi kể cho gió nghe một chuyện bằng quơ nhưng với tôi là đáng nhớ.

Vào những ngày đã cũ, có lần tôi cùng anh em công tác xã hội đóng trại ở Bạch Mã, cùng tham gia có mấy sinh viên người Pháp. Những sinh viên ấy đã ký cốp dành dụm, kể cả đi làm thuê nữa, để có tiền sang Huế trợ giúp cho trẻ em đường phố một số công trình. Đáp lại tấm thịnh tình ấy, anh em công tác xã hội ở Huế mời họ cùng leo núi Bạch Mã. Một ngày rong ruổi trong rừng thật vui. Đến cuối ngày, lúc đang ở trên đỉnh Vọng Hải Đài, bỗng nhiên gió giật ầm ào, tôi nhận ra đây là một cơn lốc rừng. Rất nhanh chóng, mọi người thoát xuống núi. Gió mạnh đến mức nhiều khi cứ ngỡ là thân hình gầy guộc của tôi ngày ấy sẽ bị thổi bay mất xuống vực bởi con đường thuở đó chưa tốt như bây giờ. May thay, có khá nhiều lau che suốt dọc đường về. Loài cỏ nở hoa thật lạ, đang thanh xuân đã vội bạc đầu. Ấy vậy mà cỏ đã che, an ủi không biết bao nhiêu con người bé nhỏ như tôi. Cùng đi với tôi hôm ấy có Thế, nhân viên kiểm lâm của Vườn quốc gia Bạch Mã và Elisa. Elisa níu tay tôi cùng xuống một khe vực nhỏ. Gió quăn cả mái tóc dài của Elisa lên mắt mũi tôi như thể là một loài mây lạ, không dễ gì quên được. Đang lảng lảng vì cảm giác kỳ lạ ấy, Elisa bỗng nhiên kéo tay tôi đứng lại, chỉ vào trong lùm cây ven đường. Tôi nhìn theo hướng tay nàng chỉ, nhận ra dưới gốc lau có một tổ chim sơn ca đất có hai con chim non nhỏ xíu đang run bần vì lạnh. Tôi ra hiệu là nên dùng khăn để quấn cho chúng nó đỡ lạnh. Elisa làm theo tôi, lấy chiếc khăn nàng đang dùng thoaang thoàng mùi nước hoa thơm nhẹ nhàng quấn đôi chim non. Bất giác, tôi thấy Thế mỉm cười. Lúc đó tôi đoán chắc là anh hài lòng với những người yêu thiên nhiên như hai đứa chúng tôi. Đôi chim non có vẻ bình yên khi nằm trong vòng khăn ấm áp của Elisa. Chúng tôi nhìn nhau cười và tiếp tục xuống núi, là tốp về sau cùng của đoàn.

Khi chiếc bạt cuối cùng vừa căng lên, trời vừa kịp tối và mưa rừng đổ xuống ào ạt. Hú vía. Lâu lắm, tôi mới lại gặp cơn mưa rừng lớn như vậy. Phải mất hơn tiếng đồng hồ sau, chúng tôi mới dùng xong bữa tối vì mọi thứ cứ rối tinh lên. Tôi ngồi nhìn sang bên lều của Elisa, nàng hiện ra qua màn mưa và dưới ánh đèn pin hắt sáng trên tấm bạt mơ hồ như một cây nấm di động. Bỗng nhiên tôi thấy ớn lạnh và nhận ra mình đã sai lầm lúc chiều, khi gợi ý cho Elisa quàng khăn cho lũ chim non. Mưa sẽ làm khăn ướt và chim sẽ bị lạnh, con chim mẹ không tài nào tháo chiếc khăn ấy ra được. Tôi đứng dậy tìm áo mưa, cầm đèn pin bước ra. Cũng gần như cùng lúc, Elisa bước ra ngoài, đi nhanh đến chỗ tôi. Tôi lồm bồm vài câu tiếng Anh với nàng rằng tôi sẽ đến chỗ tổ chim sơn ca. Nàng gật đầu ra hiệu hiểu những gì tôi nói và chúng tôi cùng

đi. Khi ánh đèn rọi vào tổ, chúng tôi ngạc nhiên vì không thấy chiếc khăn đâu nữa cả, thay vào đó là một con chim sơn ca mẹ đang ấp đôi chim con nằm ngủ, mắt ngơ ngác trước ánh đèn. Cả hai chúng tôi đều trầm nghĩ, có lẽ gió đã cuốn chiếc khăn đi đâu đó rồi. Chúng tôi cầm tay nhau, cảm nhận sự bình yên đang diễn ra và trở về nơi đóng trại. Mưa đã tạnh tự lúc nào, và gió cũng đã lặng đi.

Nhưng hơi lạnh từ núi đá càng về khuya càng tỏa ra buốt giá. Đóng lửa giữa rừng chỉ có mỗi mình đội trưởng Phùng ngồi, với cây đàn ghi ta, nghêu ngao hát. Hát một mình mãi cũng chán, Phùng đi tìm tôi lúc ấy đang rúc trong chăn, không ngủ nhưng cũng muốn nằm cho đỡ mệt. Tiếng của Phùng réo ngay bên tai: “Dậy! Dậy! Ai lại lên Bạch Mã để ngủ?”. Tôi biết không thể nằm biếng được. Cũng thấy rằng không nên thờ ơ với thiên nhiên hoang dã một cách tuyệt vời như thế này, tôi nhập cuộc bên đóng lửa. Phùng và tôi uống rượu và hát, cái lạnh lùi dần. Và không biết tự khi nào, các nàng tiên đã rũ bỏ tấm chăn của mình để ra quây quần quanh lửa, cả Elisa. Chúng tôi bày cho các bạn thanh niên Pháp hát đồng dao và cả nhạc Trịnh Công Sơn nữa, rằng: “Sống trong đời sống, cần có một tấm lòng, để làm gì em biết không? Để gió cuốn đi!...”. Tôi nhớ một sinh viên khoa tiếng Pháp nói với Elisa rằng, chiếc khăn của nàng cũng là một tấm lòng, và nó đã bị gió cuốn đi, như lời bài hát. Elisa nhìn tôi cười, gật gật đầu, hát ngọng lịu: “De gió cuốn đi!...”. Cứ thế, chúng tôi ngồi bên nhau cho đến sáng.

Nhưng chiếc khăn của Elisa không hề bị gió cuốn đi. Nó nằm lại trong bàn tay của chàng kiểm lâm tên Thế. Buổi sáng, Thế đưa tôi lại chiếc khăn và nói rằng, Thế không muốn làm Elisa buồn nên đã để nàng tự do quăn khăn cho chim. Khi đưa cả hai chúng tôi về cho kịp đoàn, anh quay ngay trở lại để lấy chiếc khăn ra, trả cho chúng về với thiên nhiên thật sự, bởi vì mẹ của chúng sẽ về kịp. Tôi nhận lại chiếc khăn, kể cho Thế nghe chuyện hồi đêm dẫn Elisa đi tháo chiếc khăn cho chim. Thế cười hiền và chào tôi. Tôi tìm Elisa bên suối đưa trả chiếc khăn cho nàng. Nàng rất ngạc nhiên khi biết được câu chuyện. “Thế đâu rồi?”. Nàng hỏi và rủ tôi đi tìm. Nhưng Thế đã đi rồi, hôm nay dẫn đoàn đi là một nhân viên kiểm lâm khác.

– “The cung la gio...”. Elisa nói rằng, Thế cũng là ngọn gió như trong nhạc Trịnh. Tôi mừng tượng lại ngày hôm qua, lúc Thế quay lại tổ chim để lấy chiếc khăn, gió thổi rất mạnh. Gió đã xô cả Elisa ngã vào tôi khi chúng tôi chỉ còn một trăm mét nữa là về đến nơi đóng trại. Vâng, chính trong cơn lốc mịt mù ấy, núi Bạch Mã đã có một thứ gió khác, xa lạ vô cùng với bao nỗi toan lo đời thực, thứ gió ấy trong mỗi người chúng ta ai cũng có, miễn là có cơ hội để thoát thai ra, ngọn gió của nồng ấm tình yêu thiên nhiên và cả con người... ■

Đi tìm người “Bắt trẻ đồng xanh”: Câu chuyện Holden Caulfield

PHẠM VĂN NGÀ



Văn hào J.D. Salinger

Ngày 27 tháng 1 năm 2010 vừa qua, văn hào J.D.

Salinger đã qua đời sau nhiều năm ẩn dật. Ông để lại cho đời tiểu thuyết bất hủ *Bắt trẻ đồng xanh* (đã được Phùng Thăng, Phùng Khánh dịch và xuất bản vào năm 1964 tại Sài Gòn).

Câu chuyện kể về Holden Caulfield, một

cậu bé 16 tuổi, bị đuổi học vì thiếu điểm, nhưng vì chưa thể về nhà ngay được cho nên vất vưởng vài đêm ở New York City. Chuẩn bị rời khỏi khu học xá, cậu đánh nhau với người bạn chung phòng. Cậu tâm sự chuyện của mình với một ông thầy và thấy ông này cũng là thứ “rôm” với những lời khuyên đạo đức giả. Cậu lên xe lửa đi vào New York giữa đêm, ngủ trọ tại một khách sạn tồi tàn, dọ dẫm chung quanh với các cô gái ở vũ trường và cuối cùng rơi vào tay một cô gái điếm. Cậu chỉ muốn nói chuyện, cho nên lại bị tên ma cô đánh cho một trận. Trong ba ngày ở thành phố, cậu lang thang trong sự cô đơn và trạng thái bất định vì ngấm rượu. Cậu dẫn thân từ cuộc phiêu lưu này đến cuộc phiêu lưu khác. Có lúc cậu lén trở về nhà để gặp cô em gái, Phoebe, người duy nhất Holden Caulfield nghĩ có thể nói chuyện được. Rồi cậu lại đi tìm một ông thầy cũ dạy tiếng Anh, nói chuyện đời với ông và ở lại nhà ông, nhưng khi tỉnh dậy cậu có cảm tưởng ông ta đang tìm cách rờ rẫm cậu. Sau ba ngày đêm đó, cậu nghĩ mình phải là “catcher in the rye”, một vị thần chuyên đi cứu rỗi những đứa trẻ “đang đứng trước bờ vực” tội lỗi của tuổi người lớn. Tâm hồn cậu lắng xuống sau những ngày điên loạn, cậu đưa em gái đến sân chơi của sở thú, nhìn em bay qua bay lại trên chiếc đu quay và chợt buồn nhớ một thời xa vắng. Cuối sách, Caulfield cho thấy sự mệt mỏi và không muốn nói gì thêm nữa. Cậu gợi ý cho biết cậu đang ở trong một nơi điều trị tâm thần.

Đoạn kết của truyện, thật ra, đã cho thấy “nhân sinh quan” của Salinger và quyết định rút lui của ông. Ông viết: *“Tất cả những gì tôi sẽ kể chỉ có chừng đó. Có thể tôi sẽ nói cho bạn biết tôi đã làm gì sau khi về nhà, tôi bị bệnh như thế nào, và tôi định theo học trường nào trong mùa thu tới, sau khi tôi đã ra khỏi đây, nhưng tôi chẳng khoái kể những chuyện này. Hiện nay thì những chuyện đó tôi chẳng thú vị gì cả. Một số người, nhất là cái ông bác sĩ phân tâm học mà người ta có ở đây, cứ hỏi tôi sẽ tự mình xin vào khi tôi trở lại trường vào tháng Chín tới hay sao. Theo ý tôi thì đó đúng là một câu hỏi ngu xuẩn. Ý tôi muốn nói rằng làm sao ta biết được mình sẽ làm gì cho đến khi mình làm việc đó? Câu trả lời là, ta không biết được. Tôi nghĩ rằng tôi sẽ làm, nhưng làm sao tôi biết được. Tôi lấy danh dự mà nói đó là một câu hỏi ngu xuẩn”*.

Thế giới mà chúng ta đang sống hầu như chẳng khác gì thế giới mà Salinger mô tả cách đây hơn 50 năm, chẳng những vậy, còn có phần bạo liệt hơn vì chúng ta vẫn thấy chung quanh mình hàng ngày những câu chuyện tự vẫn, cưỡng sát, không chỉ ở nước Mỹ mà rất nhiều nơi khác. Cuộc sống ẩn dật của Salinger trong cộng đồng Cornish bao năm qua tách khỏi thế giới đầy âm thanh và cuồng nộ nhưng người ta có cảm giác ông vẫn rất gần, cảm thông và cùng chung tiếng nói với chúng ta khi mô tả trạng thái tâm thần của nước Mỹ và nhân loại bên hồ thăm của sự vong thân con người cho những mỹ từ vĩ đại: hòa bình, phát triển bền vững, thế giới xanh...

Câu chuyện tuổi thơ Việt Nam

Trở lại với tuổi thơ Việt Nam hôm nay, với tất cả phương tiện hiện đại: máy tính, điện thoại di động, internet..., liệu các em có được một cuộc sống tinh thần đầy đủ chẳng?

Chúng ta hãy nghe các em nói trong buổi đối thoại do HĐND, UBND TPHCM tổ chức sáng 5 tháng 2 năm 2010 với 120 em học sinh tiêu biểu (trích theo báo Người Lao Động số ra ngày 6 tháng 2 năm 2010). *“Trong gia đình ngày nay, cha mẹ rất ít tiếp xúc với con cái. Nhà con cũng vậy, ba mẹ con là giáo viên, ngày nào cũng đi làm tới 23 giờ – 24 giờ mới về nhà. Con không*

hiếu vì sao? Phải chăng đồng lương giáo viên quá thấp khiến cho ba mẹ con phải làm ngày làm đêm như vậy?" (Nguyễn Thị Lan Anh, học sinh Trường THCS Lam Sơn). Một em khác tâm sự: "Hiện có nhiều chương trình học ngoại ngữ tăng cường. Con học tăng cường tiếng Pháp, một tuần phải học 12 tiết ngoại ngữ và vẫn phải bảo đảm các môn học khác. Chương trình học như vậy nặng quá!" (Dương Nguyễn Trang). "Giáo viên bộ môn muốn tụi con phải đi học thêm, trong khi con là trẻ mồ côi, không có tiền, muốn được tự học nhưng liền bị cô giáo 'đi'. Con rất nản, nhiều lúc không muốn đi học nữa" (Võ Thị Ngọc Hạnh). "Cách đây không lâu, chị con đã bị một bạn học cùng trường đánh chết, đến nay vẫn không thấy xử lý? Má con cứ khóc hoài, còn ba con thì bệnh tim tái phát" (Võ Thị Tuyết Nhi).

Chúng ta thấy gì: cha mẹ thờ ơ, chương trình nặng nề, thấy cô thiếu công minh, trường học không an toàn... Ngần ấy thứ phải chăng là bức tranh thể hiện những gì tuổi thơ của chúng ta đang phải đối mặt, phải vượt qua mà không biết bằng cách nào? Xã hội của chúng ta hôm nay không thiếu âm thanh và cuồng nộ nếu chúng ta lắng nghe từ tâm tư những em nhỏ ấy: ai chia sẻ những bất hạnh, những băn khoăn thời mới lớn, những ước mơ của tuổi dậy thì với vô vàn nguy cơ trở thành ác mộng nếu các em không thể nhìn ra cái đẹp cái tốt trong mỗi người lớn và trong cuộc sống, cũng như không tìm ra người tin tưởng để dẫn dắt các em vượt qua?

Chúng ta phải làm gì?

Là người lớn, chúng ta tự phải nhìn lại mình nếu như muốn dẫn dắt một lớp trẻ kế thừa những nét văn hóa truyền thống: hiếu kính cha mẹ; tôn sư trọng đạo; yêu thương bè bạn, chòm xóm; đóng góp cho xã hội mai sau. Muốn như vậy, những người làm cha mẹ hãy gắn gũi con cái hơn, đừng nghĩ rằng trẻ em đang thụ hưởng các phương tiện hiện đại vì nếu không hướng dẫn, các phương tiện ấy sẽ chỉ "lợi bất cập hại", chỉ làm chúng chìm trong ảo giác, xa rời thực tế, chưa kể những cạm bẫy do những kẻ suy đồi trên mạng đang gieo rắc. Thấy cô giáo không nên vì cuộc sống mà đánh mất *lương tâm chức nghiệp*, nếu không còn yêu nghề yêu trẻ, nên từ bỏ công việc giảng dạy, có thể chuyển sang nghề khác kiếm thu nhập cao hơn. Các



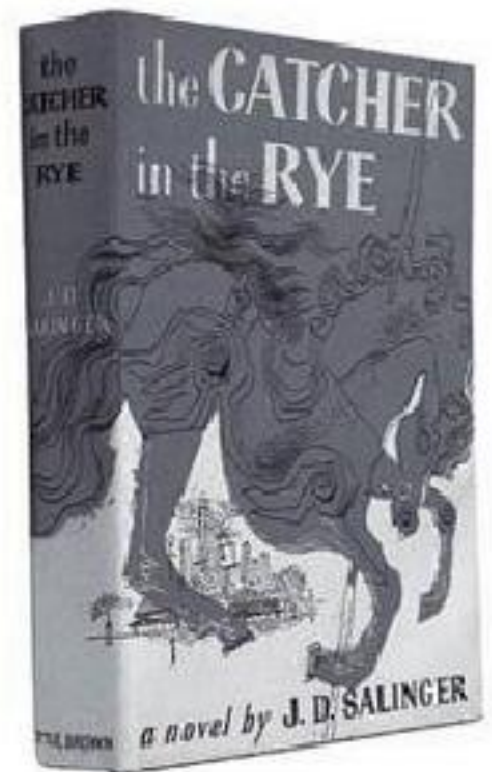
nhà quản lý

giáo dục phải xem lại chương trình: chúng ta hô hào giảm tải nhưng chỉ thấy học sinh phờ phạc mệt mỏi vì học tập, không có cả mùa hè (!). Các quan chức phải hành xử minh bạch trong việc thực thi mọi chế độ chính sách. Nhà báo Hữu Thọ có lần nói "Không thể giáo dục tuổi trẻ nếu không chấm dứt nạn tham nhũng". Thử hỏi, dạy về luật giao thông, một em học sinh trả lời: "Cần gì học, bị phạt cứ đưa tiền ra là xong" (!). Các em mất lòng tin đến thế sao?

Một khi nhìn nhận tất cả những điều trên, ta hãy nhớ lời Phật: "... các điều này là bất thiện, các điều này là có hại, các điều này bị người có trí chỉ trích, các điều này thực hiện sẽ đem lại bất hạnh và khổ đau. Nay các Kalamas, khi biết rõ như vậy, thì hãy bỏ các điều ấy đi" (Kinh Các vị ở Kesaputta).

Biết như thế, người lớn phải chung tay xây dựng lại nền móng từ mái ấm gia đình, mái trường, nền giáo dục và cả một xã hội đang vong thân vì những chỉ tiêu không gắn với tâm hồn và hạnh phúc.

Nếu không làm được, chúng ta sẽ đối diện với một thế hệ đánh mất (lost generation) như thế hệ Holden Caulfield và khi ấy sự đổ vỡ tâm hồn và lý tưởng còn lớn lao hơn! ■



Những người ngồi trong chum

HỒ ĐĂNG THANH NGỌC

Bóc lớp bụi hai ngàn năm trăm năm trên cánh đồng
chum La Chũ

Những người trong chum đang lặng yên
Ngồi như những dáng đời cất giữ im lặng
Hiển hòa suy nghĩ cổ xưa
Cả thế gian không lớn hơn bầu vú mẹ.

Họ đã mang trên vai đao và liềm
Những cuộc tình dốc đá mã não, khuyên tai và hạt chuỗi
Những đĩa đèn đi trong đêm tối
Những quai nổi nhớ tiếng cơm sôi.

Những cái chum hình trụ, hình trứng, hình cầu
Chum vào nhau tam giác, tứ giác, ngũ giác
Những cái chum cô đơn
Khuất một mình trong đất
Ngồi ôm chân lý độc hành
Mấy ngàn năm.

Và bây giờ họ vẫn ngồi
Đàn đúm và cô độc
Bất động trong những đốt xương
Chợt ánh lên trong hoàng hôn
đang bị bóc trần ra khỏi mặt đất.

Cánh Đồng Tuổi

NGUYỄN THIÊN NGHI

Trên hai đầu đòn xóc chai sần tuổi làm dâu
Ghim mắt người xuống nước
Ruộng bầu ô nổi chìm mùa được mất
Tóc khới phủ nổi liền mùa vụ
Gánh nhọc nhằn bốn nụ cười từng buổi
Bón đời mình từng ngọn lúa thêm xanh

Những đứa con học mùi quê trên vú mẹ
Bùn rạ, tro đời bọ nặn ước mơ
Thương mẹ buổi đời như hóa đá
Thương ba ngồi quạt đồ hạnh phúc hồi sinh

Ngày cháy nám đợi chờ trên sóng lúa
Bầy chim di trốn lạnh vẫn chưa về
Tựa vai chiều tuốt hạt vàng ký ức
Lắm buổi đông đầy
Sao chẳng mọc niềm vui

Cây lúa chín cong
Cây người chín buồn trĩu gầy
Mẹ còng bóng mình
đi bằng tiếng thở dài hạt lép
Những cánh cò rửa đất
Bay rất hốc chiều
Đơn lẻ.

Ánh mắt mùa xuân

LÊ HUỖNH LÂM

Đại ngàn lá trắng trong ánh mắt mùa xuân

Đêm

Anh nhen ngọn lửa thấp sáng triệu vì sao
hai nỗi buồn chạm thời khắc giao hoan
lóa lên chùm pháo hoa hoang tưởng
những gương mặt xám
thất thần
hoen ố cánh rừng
mùa xuân

Đêm

Con đường sẫm màu
một vết khô từ trái tim đổ xuống
dẫn dắt cuộc tình
về phía bình minh
tan chảy
giấc mơ vay mượn từ muôn kiếp
bao phủ đất trời
chờ đợi cuộc sinh nở
xa xăm...

Đêm

Đại ngàn lá trắng trong ánh mắt mùa xuân.

Nẻo cũ

VĨNH HIỀN

một chút chiều thắm
mơ màng nghe gió thu
lá trong vườn nói chậm
trắng sớm, mộng kể từ.

Xuân mới

xuân mới, vườn xanh mới
ngào ngạt đất hương xông
đi trong màu hoa cải
niềm vui như trăng rằm

Chờ

bến kia chờ một chuyến đò
lá xanh chờ nhựa
câu thơ chờ từ
tình em chờ kẻ tương tư
còn tôi luống cuống
thiên thu chờ mình.

Cáo lỗi:

Do lỗi kỹ thuật vi tính, bài thơ chữ Hán
Mại mai giả ca đăng trên trang thơ VHPG số
100 ra ngày 1-3-2010 đã sót tên tác giả.

Chân thành cáo lỗi cùng tác giả **Vĩnh Ba**
và quý độc giả.



NHỮNG KẺ

đánh cắp tuổi thọ

NGUYỄN QUÂN

Theo chân những con người một thời bỏ chạy mất dép, giờ lũ lượt quay trở về với nhân mác sang trọng *Việt Kiều yêu nước* và cùng lúc với sẽ khai mở cánh cửa hướng ra bên ngoài của nền kinh tế vốn rất cạn kiệt, trì trệ sau cuộc chiến tranh dai dẳng. Dòng ngoại tệ khổng lồ từ những ngân hàng thế giới, dưới chiêu bài hợp tác hay viện trợ hoàn lại, không hoàn lại cứ ào ạt đổ qua cánh cửa đang rộng mở. Khiến con phố nơi Ngộ ở vốn vắng lặng, liu thiêu buồn của dân buôn thúng bán mẹt, thuần túy lao động thời vụ, cũng được thoát xác biến thành những dãy quán xá tấp nập đủ màu đủ sắc. Cảnh quang phố phường bây giờ đều sáng sủa khang trang bởi những cao ốc mới xây ngềnh ngệnh, những chiếc xe hơi nhập ngoại bóng loáng, những hình người mặc váy, đóng com lê rất chi là lịch sự, sang trọng.

Con xóm cụt quanh năm bùn lầy nước đọng của Ngộ nằm ăn theo mặt tiền phố lớn. Tứ xứ đâu đó về toàn đàn bà con gái hơ hớ, ăn mặc thì hết cỡ mát trời, mùi phấn son ngào ngạt chiếm hữu luôn cái mùi cống rãnh truyền kiếp ở đây. Ánh sáng, kỷ nguyên văn minh kiểu Mỹ ấy còn hắt rất nhanh vào tận căn nhà, cuộc sống đen tối rách nát cuối xóm cụt của cửa vợ chồng lão Tám.

Vợ chồng lão trước thời kỳ đổi mới sinh sống bằng đủ thứ nghề lao động chân tay, từ chuyện cuốc đất, thông cống, móc hầm cầu hay phụ hồ thì cứ tìm đến nhà lão... và nếu ai cần tư vấn chuyện hiếm muộn đường con cái thì đã có sẵn vợ lão, người đàn bà được cả xóm mệnh danh là cái máy đẻ. Cư dân xóm gọi Tám bằng lão chẳng phải vì do tuổi tác. Nếu nói tuổi, thì già đàn ông vừa bước qua ngưỡng năm mươi như lão chưa đủ đủ độ già. Nhưng nếu tính tuổi trên đầu lũ con lão cộng tác với vợ sản xuất ra thì phải gọi là *đại lão*. Chuyện con cái neho nhóc một đàn tám đứa san sát nhau vẫn là nỗi bận tâm, đau đầu của các vị cán bộ kế hoạch hóa gia đình của tổ, của phường. Dù không quan tâm đến công việc của họ, Ngộ cũng biết tổng điều khổ tâm của họ qua từng nét mặt nhăn nhó vì bị khiển trách cất thưởng, phấn đấu mãi cũng không kiếm được mảnh bằng khu phố văn hóa.

Bà Lý, chủ tịch hội phụ nữ phường ở sát nách nhà Ngộ, chỉ cách nhau có cái hàng chè tàu mỏng dính. Hai vợ chồng bà đều là cán bộ nghỉ hưu, rất nhiệt tình đóng góp chút công sức cuối đời cho địa phương. Chồng khối trưởng dân phố, vợ chủ tịch phụ nữ kiêm kế hoạch hóa gia đình. Ngôi nhà họ rộng rãi với hàng hiên đúc bê tông và khoảng sân lát gạch men láng

bóng. Nơi vẫn thường làm chỗ hội họp từ chuyện công đến việc tư của xóm.

Ngộ lại có thói quen mỗi buổi tối ngồi uống trà, chiếc bàn lại đặt sát hàng rào, vì thế chẳng có buổi họp nào của cánh phụ nữ mà không lọt vào tai anh. Và thường sau mỗi lần bà Lý phổ biến chính sách, kế hoạch cho chị em, Ngộ lại kiểm chắc thêm được vài mẩu giai thoại rất vui về gia đình lão Tám.

Nhà lão nằm tận cùng ngõ hẹp, mười nhân khẩu sinh hoạt trên một diện tích chưa đầy ba mươi mét vuông. Miếng đất được thừa kế của một bà cô nào đó mà nếu có ai hỏi thì lão lúng túng ậm ừ mãi cũng không trích lục nổi mối quan hệ huyết thống. Có thể nó là đất chiếm dụng trong lúc chiến tranh loạn lạc, nhưng thời buổi cơm thua gạo kém chạy ăn, chạy mặc bỏ hơi tai, ai hơi đâu mất công sẫm soi gốc tích cho mệt xác.

Gọi là nhà cho oai, chứ thực chất nó chỉ như cái lều được vá víu bằng đủ loại vật liệu, từ tấm tôn đã rách toạc đến mảnh giấy cát tông đóng thùng. Nói chung lão mặt rệp nhất trong cái xóm cụt nổi tiếng nhờ nghèo. Nhưng *"... nghèo là tại cái số trời bất nghèo, chứ đâu chỉ tại nhiều con là phải nghèo đâu. Con là lộc trời mà... tui đẻ nhiều thì tui nuôi có bắt ai nuôi đâu mà đâm thọc với phê bình..."*. Lão hiền ngang trả lời thế mỗi khi ai đó trong buổi họp dăm dả động tới chuyện đông con. Những khi đó có lẽ lão quên tuốt sự cứu trợ của bà con chòm xóm mỗi khi nhà lão có chuyện trái gió trở trời.

Câu nói tung tung của lão Tám xem chừng như chuyện đùa vậy mà cũng linh ứng. Thời gian chỉ một vài năm trở lại đây, khi những đứa con của vợ chồng lão lớn dần lên theo sự phát triển nền văn minh chơi bời đến chóng mặt ngoài dãy phố. Chúng nhanh chóng kiếm được việc làm, bắt kịp nhịp sống mới nên kiếm được tiền nhờ các tụ điểm hát hò, nhảy nhót, ăn nhậu mọc rộ lên như nấm sau mưa. Nhiều người trước đây nhìn gia đình lão bằng ánh mắt giễu cợt, rẻ rúng xưa kia bây giờ cũng đã xoay tròn ba trăm sáu mươi độ.

Lão bây giờ oai ra phết. Căn lều rách nát được thay thế bằng một ngôi nhà ba tầng chơi theo mốt mái Thái, nằm bệ thế trên nền diện tích cũ, chừng như sự bệ thế lạ lùng đó cũng có lần chiếm thêm chút đỉnh qua hai bên lán giếng và cả ngõ xóm. Thời buổi đất bạc đất vàng, bị lấn một hai tấc đất cũng xót lắm, vậy mà chẳng ai dám kiện tụng, tranh chấp gì. Lũ con trai đông đen đông đỏ trong nhà lão, chúng lại rất ngầu với những mái tóc nhuộm trắng, nhuộm vàng y như tài tử xi nê Hàn Quốc. Tuy chưa có đứa nào quá ba mươi song đã nổi danh anh chị khắp thành phố,

mấy thằng con trai đều làm mặt rồ, ma cô, những đứa con gái thì tiếp viên cho các quán bia ôm, quán nhậu. Đấm đá, đâm chém là chuyện thường ngày của chúng. Nên chẳng ai dại chi chọc vào tổ ong vò vẽ đó.

Phải thừa nhận mấy đứa con gái lão tuy mới mười sáu, mười bảy nhưng nẩy nở cao ráo xinh đẹp không thua gì người mẫu, là tiêu chuẩn lý tưởng cho đám đàn ông sồn sồn thiếu tình thừa tiền xả street nên việc mấy cô con gái nhà lão kiếm tiền dễ như hái lá cây. Chúng thường ăn mặc theo kiểu nghèo truyền thống. Vai trần rốn hở, cỡi trên những chiếc xe mô tô đời mới láng bóng, lạng ra lạng vào con ngõ làm lé mắt cánh đàn ông lối xóm.

Chuyện lão Tám đổi đời cũng gây ra biết bao phiền toái, tranh cãi giữa các bà, cô trong xóm, tổ. Người háy nguyệt chửi rủa theo từng bước đi của mấy đứa con gái nhà lão, thậm chí còn cấm tuyệt mấy ông chống không được bắc ghế ngồi trước cửa dềnh dềnh con mắt ngó ra đường. Kê thì lấy hình tượng vợ chồng lão Tám quàng ngang cổ một sợi dây xích tổ bố, vàng chóa, đeo nhau trên chiếc xe tay ga to như chiếc xuống, để đánh bật, hạ xuống hàng phế phẩm lũ đàn ông như Ngô, loại công chức quèn nửa thẳng nửa ông, lương ba cọc ba đồng, lậu thì hoàn toàn không, cơ hội chấm dứt vào vốn Ô... A vợ vẫn nào đó thì nằm mơ mấy kiếp cũng chẳng thấy được.

Một đêm khó ngủ vì tiếng xe cộ của những gã đàn ông bảnh bao chảnh chọe luồn sùm sụp cái mũ bảo hiểm, đeo khẩu trang che kín mặt phóng xe thẳng tắp lự vào sân nhà lão Tám. Loại người mà Ngô liếc nhìn sơ cũng biết là dân có máu mặt, không xếp lớn cũng đại gia mới phát theo thời thế. Chợt nửa phần đời của Ngô quàng tay ngang người anh rồi thồn thức bên tai:

- Anh à! vợ con người ta sao quần là áo lượt, còn vợ anh thì... Nghĩ thật tủi thân.

Vốn đang cay cú bởi từng chuỗi sóng âm xập xình, tiếng cười nói sặc sụa mùi men ầm ỉ vọng ra từ nhà lão, không ngừng đập phá cái trí não đang cần thư giãn sau tám tiếng căng thẳng với những hàng số cộng trừ nhân chia. Ngô điên tiết hét vào tai nàng:

- Em có thích thì cứ đi làm như vợ con lão ấy đi... Đó! trước đường kia, các quán bia ôm treo đầy thông báo tuyển người làm... làm... Trông em cũng còn được lắm, ra đó tha hồ mà hốt tiền.

Cô vợ thâm niên giữ trẻ lập tức nhảy bật dậy, đôi mắt tròn trũng nhìn thẳng mặt anh:

- Cái gì, muốn vợ đi làm... làm... à.

Nàng lấp bắp tức tối một lúc rồi chợt đổi thái độ mặt lạnh băng:

- Mà vậy cũng tốt vừa mau giàu vừa...

Ngô biết nàng sắp nói bậy nên cười ngật nghèo:

- Thôi đừng mơ nữa cô, bọn rùng mớ đó chỉ khoái mấy em choai choai mát trời ông địa như con lão Tám, chứ như cô có ma nó rở tới.

* * *

Những thanh âm ầm ỉ thường làm Ngô mất ngủ bây giờ vụt biến đâu mất, vậy nhưng hình như sự im ắng bất thường cũng khiến Ngô không tài nào ngủ được. Đẩy cánh cửa cổng bước ra ngoài, đi dọc con đường bê tông còn phảng phất mùi xi măng. Ngôi nhà lầu ba tầng thường lúc nườm nượp tới lui của những gã đàn ông giàu sang chữ nằm im lìm, chìm đắm giữa bóng tối u tịch. Trong một thoáng chạnh lòng, Ngô như đang nghe thấy vợ chồng lão Tám trần trở, thao thức với những tiếng thở dài não ruột. Bởi tai họa ập xuống gia đình họ quá nhanh và quá khủng khiếp. Đứa con gái mới mười tám tuổi đẹp như tiên bỗng hóa thành tật nguyền, còn những đứa khác nóng lòng trả thù đã bất chấp hậu quả khi điên cuồng lung sục đâm chém gây tử vong cho người đàn bà vì ghen tuông đã biến Thảo thành phế nhân.

Lão Tám, không biết gọi thế có đúng tên hay không. Đã lâu lắm rồi trong con xóm cụt không một ai biết tên thật của lão. Gia đình lão cư trú ở đây lâu đời nhất để có thể gọi lão là tổ khai canh cho xóm cụt. Cái lý sự ngùng ngắc với bao điều khôi hài khiến người trong xóm lấy cái chuyện đẻ vượt chỉ tiêu, đẻ năm một và chỉ dừng ở số 8 để gọi riết thành tên.

Ngô không khích bác tai họa đang đổ xuống đầu người khác, ngược lại anh còn thầm cảm ơn lão đã bỏ tiền túi để xóa đi vẩn nạn bùn lầy cho cả xóm. Chính lão đã bỏ tiền túi ra để biến con hẻm bốn mùa phủ phạp bùn lầy bụi đất thành con đường bê tông sạch đẹp cho dù thực chất nó là tiện ích trong công việc làm ăn riêng tư của lão. Anh cũng không mấy bất ngờ trước tai biến của gia đình lão Tám, bởi không chỉ riêng anh, khá nhiều người lớn tuổi trong cái xóm nhỏ này cũng mơ hồ hình dung được cái hậu quả tất yếu phải xảy ra cho nhà lão, cho những đứa trẻ được sinh ra vô tội vạ, bị ném ra đường đối đầu với cuộc sống quá sớm. Chúng hoàn toàn không có một chút hành trang nào ngoài khát khao vượt qua nghèo đói và sự tác động dữ dội của cuộc sống rất *Hot* của những kẻ làm giàu quá dễ dàng từ các dự án nhà nước, từ những phi vụ làm ăn bất chính. Không một ai dạy chúng phải sống như thế nào, không một ai tội nghiệp cho con bé thất học, cho thằng nhóc phải đi bán vé số khi chưa biết đếm.

Ngô bất chợt thở dài, tiếng thở dài của anh không phải để ăn hận, hối tiếc như vợ chồng lão Tám trong căn nhà tối tăm kia. Mà vì lời vô tình buộc tội của đa số cư dân trong xóm "Bọn chúng chuyển này chắc ở tù rục rường". Đúng là vậy, trước pháp luật chúng phải trả giá cho tội ác đã gây ra, nhưng anh vẫn thấy đau xót ngẫm nghĩ. Giá như cuộc đời có thêm một thứ tòa án khác, một vành móng ngựa lương tri thì những kẻ phải đứng trước nó là *người lớn*, chứ không phải mấy đứa con trai, con gái đã bị thứ *người lớn* đó cố tình đánh cắp, tước đoạt tuổi thơ của chúng. ■

Cung nghinh Xá lợi Phật từ Ấn Độ về để thờ tại chùa Bái Đính.



Nhân dịp Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan đến thăm Ấn Độ hồi tháng 9-2009, ngài Chủ tịch Hội Phật giáo Thế giới có trao tặng nhân dân Việt Nam 3 viên xá lợi Phật và 6 viên xá lợi Thánh tăng.

GHPGVN được giao phó việc tiếp nhận. Trong ngày 3-3-2010, một chuyến máy bay được thuê riêng đã đưa một phái đoàn gồm trên 100 đại biểu gồm các vị tôn túc và một số cư sĩ thuộc GHPGVN đến Bodh Gaya để tiếp nhận xá lợi, sau đó trong cùng ngày, cung nghinh đưa về tôn trí để thờ tại chùa Bái Đính, tỉnh Ninh Bình. Khi xá lợi về đến Ninh Bình, GHPGVN đã cử hành đại lễ an vị xá lợi Phật; cùng lúc, Phật tử tham gia một cuộc lễ cầu nguyện cho quốc thái dân an. Bái Đính nguyên là tên của một ngôi chùa cổ thờ Nguyễn Minh Không, quốc sư triều Lý, nằm trên núi Đính, xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. Ngày nay, Bái Đính là một quần thể nhiều chùa, tháp, điện... với những tượng, ảnh được khắc tạc theo công nghệ hiện đại vừa được xây dựng vào năm 2003 và vẫn chưa khánh thành. (PV)

Thành lập trường đại học Phật giáo quốc tế đầu tiên tại Ấn Độ.



Nhân cuộc thăm viếng địa điểm hành hương nổi tiếng Sanchi thuộc bang Madhya Pradesh, Ấn Độ hồi cuối tháng Mười năm 2009 của ông Ratnasiri Wickramanayake, Thủ tướng Sri Lanka, vị Trưởng quản bang Madhya Pradesh là ông Shivraj Singh Chouhan đã hứa cấp đất và dành nhiều sự hỗ trợ khác cho việc xây dựng một trường đại học Phật giáo quốc tế Ấn Độ tại đây. Vừa qua, chính quyền

bang Madhya Pradesh đã chuẩn cấp một khu đất rộng 26,5ha (65 acres) gần Sanchi để tiến hành xây dựng trường đại học Phật giáo quốc tế theo dự án liên kết giữa Mahabodhi Society của Sri Lanka và Buddhist Society của Ấn Độ. Ngày 3 tháng Ba năm 2010, một toán hỗn hợp của hai hiệp hội đã đến xem xét địa điểm cùng với các vị kiến trúc sư thuộc một công ty trách nhiệm hữu hạn sẽ có nhiệm vụ lập đồ án thiết kế. Đây sẽ là trường đại học Phật giáo quốc tế đầu tiên của Ấn Độ kể từ khi Phật giáo được phục hồi trên đất Phật. Trong năm hoạt động đầu tiên (niên khóa 2011-2012), trường sẽ tiếp nhận 100 sinh viên đến từ Ấn Độ và các quốc gia lân cận. Ngoài việc tổ chức các khóa Phật học cấp đại học và sau đại học, trường này sẽ tổ chức các lớp đào tạo một năm dành cho các Tỷ kheo. (PV)

Khánh thành chính điện mới ở chùa Dơi, Sóc Trăng

Chùa Sêrây Tecbô Maha Tup là ngôi chùa Phật giáo Nam tông Khmer được xây dựng từ năm 1569, người dân địa phương quen gọi là chùa Mã Tộc hay chùa Dơi tọa lạc số 73 đường Lê Hồng Phong, phường 3, TP.Sóc Trăng. Theo Đại đức Kim Rêne - trụ trì chùa cho biết: Chùa chỉ thờ Phật Thích Ca được tạc khắc ở nhiều tư thế khác nhau; trong chùa có những bảo vật cổ như tượng Phật, tượng tứ linh (long, lân, quy, phụng) nặn từ đất sét. Hàng vạn con dơi quạ cư trú trên những cây cổ thụ hàng trăm năm tuổi, cho nên chùa còn có tên gọi là chùa Dơi. Do sự cố hỏa hoạn vào tháng 8/2007 đã làm hư hỏng toàn bộ nội thất chính điện. Nhà nước đã đầu tư gần 4 tỷ đồng để phục dựng mới ngôi chính điện và các hạng mục khác. Vào ngày 04/3/2010, Lễ khánh thành ngôi chính điện mới được tổ chức long trọng, trước sự vui mừng của đông đảo đồng bào Phật tử và du khách thập phương.

Tin và ảnh: **Thu Hồng**



MÙA XUÂN TÂY BẮC TRONG TÔI

TRẦN VĂN HẠC

Thế là đã ba năm tôi xa Tây Bắc, cũng là ba năm ở thủ đô phồn hoa và náo nhiệt, nhưng trong tôi vẫn không hề nguôi ngoai cái cảm giác hẫng hụt, như thiếu một cái gì vô cùng thân thiết, đã ăn sâu vào tiềm thức, vào máu thịt.

Đôi mắt về phương xa. Tôi cứ tưởng tượng đến những dải mây vắt ngang đỉnh Hoàng Liên cao vút, mỗi bình minh lại hồng rực, long lanh muôn sắc như chiếc khăn piêu trên "tầng cầu" của người con gái Thái. Và đâu đây tiếng cười trong vắt lấp lánh, bay bổng, phấp phới cùng những dải tua màu như tia nắng của quả còn hội xuân. Những nhịp xòe nồng say rộn ràng ánh lửa, những tấm lưng thon thả dịu dàng, những khuôn ngực thanh tân, những cần rượu thơm lừng mời gọi. Đâu đây mượt mà giai điệu bài *Tình ca Tây Bắc*: "Rừng xanh cây lá muôn đoá hoa mai chào đón xuân về". Tôi như kẻ bị bỏ bùa mê, bị bao vây trong những bộn bề cảm xúc.

Ồi cái sắc hoa đào, hoa ban cùng muôn loài hoa rừng khoe sắc đua hương, thơm đến từng lá cây ngọn cỏ đã hóa thân trong mỗi nụ cười duyên, mỗi làn da trắng hồng, mỗi búp tay thon như búp măng rừng, mỗi đường nét tuyệt mỹ trên tấm thân ngà ngọc của người sơn nữ. Để rồi người bạn tôi – nhà văn Thế Sinh đã từng không cầm lòng được phải thốt lên: "Kinh cóm nôm tăng" – tiếng Thái là eo thon ngực nở, mà anh từng thả hồn trong cái ký nổi tiếng: *Miến gái xinh*. Còn tôi như say men rượu cần, trước vẻ đẹp nhuần nhị tuyệt mỹ của những cô sơn nữ như ánh bình minh mai sớm: "Nà ắc nọi nôm túm nặm tong" – tiếng Thái là ngực nhỏ nhọn như gai vòng đồng, huyền ảo trong tản văn: *"Huyền thoại tấm tiên Tây Bắc"*!

Mỗi con đèo, mỗi cánh rừng, mỗi dòng suối, những thửa ruộng bậc thang đều như những kiệt tác của tạo hóa ẩn chứa bao huyền thoại cùng khát vọng được sống, được yêu.

Con đường 6 mới được tôn tạo, lên cổng trời hun hút dãy Pha Đin, trong bạt ngàn hoa ban và lau trắng. Mỗi bông hoa ban như lời thơ trong câu chuyện tình bất hủ *"Sống chung son sao"* – "Tiễn dặn người yêu" và những bông hoa lau dập dờn trong gió như đang chụm đầu thì thầm lời hẹn những mùa yêu. Đây Thuận Châu, đây Tuần Giáo... Con đèo quanh co gấp khúc hiểm trở xứng với tên gọi: "Pha Đin" - nơi đất gặp trời. Người già

kể cho tôi, xưa các thế lực chúa đất bao đời tranh giành nhau đều lấy dãy núi hiểm trở này làm chỗ dựa, vì thế còn có tên gọi khác: Pú Chinh (núi chiến tranh).

Tôi nhớ mãi lần cùng đoàn giáo viên thế hệ năm 1959 lên thăm Sơn La, Thạc sĩ Lò Mai Cương của Trường Cao đẳng Sư phạm tỉnh Sơn La, người đầu tiên của Việt Nam số hóa thành công chữ Thái, cùng Phó Giám đốc Sở Khoa học Công nghệ Sơn La – Cà Văn Chung, người số hóa lịch Thái được áp dụng trong nông lịch và bộ lịch Thái tổng hợp 200 năm, cùng các bạn người Thái đón tôi như đón người nhà. Các anh chị khoe những thành tựu của Sơn La và của "Mạng lưới bảo tồn tri thức bản địa dân tộc Thái". Tôi chia vui cùng các bạn mà lòng không khỏi xao xuyến bồi hồi. Mới ngày nào Sơn La, Tây Bắc còn là vùng đất xa xôi, nghèo nàn và lạc hậu, thì nay đã là những điểm sáng trên bản đồ đất nước.

Tôi miên man đi trong ký ức những Điện Biên, Lai Châu, những con suối "Nậm Na", "Nậm Rốm", những tên đất đã trở thành tên lịch sử: "Mường Thanh" – Điện Biên, "Mường Than" – Than Uyên, "Mường Tấc" – Phù Yên, rồi vượt đèo "Khau Phạ" – sừng trời về Mường Lò, Yên Bái, nơi tôi đã từng sống và công tác 30 năm trời. Để rồi trong lòng chợt ngân lên câu ca dao thơm hương nếp mới: "Mường Lò gạo trắng nước trong/ Ai đi đến đó lòng không muốn về". Vàng, Mường Lò không chỉ là đất tổ của người Thái đen Tây Bắc, là cánh đồng rộng thứ hai Tây Bắc. Con suối "Nậm Xía" – suối nước mắt, tên gọi cũ của suối "Nậm Thia" vắt ngang cánh đồng Mường Lò trong nắng xuân ngời muôn ánh bạc. Mỗi con đường mới mở, mỗi cánh rừng, mỗi mầm xuân và trong từng câu "khắp", điệu "xòe", ánh mắt giao duyên đều ngời sáng cất lên những cồn cào day dứt và ước mơ của bao thế hệ: "Ngày xưa, có một đôi trai tài gái sắc yêu nhau tha thiết. Cô gái đẹp như trăng rằm, mái tóc đen dài mềm mại. Mỗi khi nàng ngồi bên khung cửi, chim muông, hoa lá như múa vờn trong mỗi đường thêu. Chàng trai khỏe mạnh, giỏi làm nương, săn bắt thú. Mỗi khi tiếng khèn của chàng cất lên, chim rừng ngừng tiếng hót hối hộp lắng nghe. Nhưng tên chúa đất quyết bắt cô gái về làm người hầu. Hai người rủ nhau chạy lên núi cao để bảo vệ tình yêu đôi lứa. Tên chúa đất cho người đuổi theo. Chàng trai và cô gái kiệt sức gục xuống trên đỉnh núi nọ. Cô gái không cầm lòng được, chỉ biết khóc than cho mối tình tuyệt vọng. Nước mắt của cô chảy mãi hóa thành dòng suối, mái tóc dài thơm hóa thành làn rêu



xanh mướt như vậy gọi. Chàng trai đầu đón nhảy xuống dòng suối, thân thể chàng vừa chạm mặt nước bỗng vỡ tan, hóa thành muôn tầng đá cho làn rêu quấn quýt bám quanh". Tôi đã bao lần được nhâm nhi chén rượu thơm cất từ những hạt gạo Mường Lò, thấm đẫm huyền thoại kia với món rêu đá thơm, cay, dịu mát. Những sóng vàng của con suối Thia ấy như muôn bàn tay vậy gọi.

Tôi chợt nhớ tới hình ảnh nghệ nhân Lò Văn Biển ôm đàn tính thả hồn trong những điệu "khắp". Ông như pho sử sống của người Thái Mường Lò, đã từng sưu tầm và dịch nhiều tác phẩm của dân tộc Thái, ông đã cùng tôi biên soạn *"Bộ tài liệu dạy tiếng và chữ Thái cổ Mường Lò"* và dịch tác phẩm thơ: *"Cầm Hánh đánh giặc cờ vàng"*... Trước Tết, khi nhà văn Trần Nhuận đưa nhà văn Nguyễn Tiến Lộc từ Canada về, lên Yên Bái và vào thăm Mường Lò, ông nhờ nhà văn Trần Nhuận gọi cho tôi dặn đi dặn lại: "Tết về chơi, nhớ lắm đấy!". Rồi cô gái trẻ Cẩm Thị Nghiệp, sinh viên Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật Yên Bái, từng là học sinh xuất sắc lớp chữ Thái cổ do nghệ nhân Lò Văn Biển mở cũng gọi: "Bác ơi, Tết về chơi bác nhé, năm nay vui lắm". Trong tôi cồn lên một nỗi nhớ thật khó gọi tên, con tim cứ nhảy lên như nhịp trống hội xòe. Những kỷ niệm về những mùa xuân Tây Bắc ủa về lằng lằng trong ký ức, thân thuộc, nhưng nhớ đến nao lòng. Và luôn tin rằng Mường Lò, Yên Bái nói riêng và Tây Bắc nói chung, với những người con ưu tú như nghệ nhân Lò Văn Biển, Thạc sĩ Lò Mai Cương, Phó Giám đốc Cà Văn Chung cùng cô sinh viên Cẩm Thị

Nghiệp... mỗi mùa xuân sẽ thay da đổi thịt rất nhiều. Còn với cô sinh viên Thanh Nga của Trường Đại học Văn hóa - khoa Dân tộc học, một lần ngẫu nhiên đọc bài "Nét đẹp bài hát mừng dâu mới của người Thái Mường Lò", đã bị chinh phục bởi vẻ đẹp nguyên sơ của phong tục tập quán và các làn điệu dân ca Thái, cô đã quyết định làm đề tài nghiên cứu khoa học về vấn đề này. Thanh Nga cho biết, có một số sinh viên cũng làm đề tài về văn hóa Thái và cô quyết tâm mùa xuân này nhất định sẽ lên Tây Bắc, để hiểu thêm về văn hóa Thái và được mùa xuân Tây Bắc chấp cánh. Thế mới biết sức hút của văn hóa Thái Tây Bắc lớn lao biết chừng nào.

Tôi miên man trong suy tư. Nếu không có mấy chục năm trời gần bó cùng những mùa xuân Tây Bắc, để rồi cái hơi cái hồn Tây Bắc thấm trong tôi từ lúc nào, thì tôi đâu có được vốn sống phong phú để thể hiện trong những bài viết. Những tên đất, con người lịch sử và huyền thoại của Tây Bắc, cùng bao thiên truyện tôi được nghe các nghệ nhân kể bên bếp lửa, bao hội "xòe" cùng những điệu "khắp" Thái, những lễ hội dân gian của các dân tộc cùng hương rượu cần ngọt lịm, là mạch nguồn sáng tạo trong tôi. Nếu thiếu đi hơi ấm của mùa xuân Tây Bắc, chắc cuộc đời tôi sẽ nghèo đi nhiều lắm. "Khi ta ở chỉ là nơi đất ở. Khi ta đi đất bỗng hóa tâm hồn" là đây chẳng, để rồi giờ đây giữa Thủ Đô đang hồi hả nhịp sống mới hướng tới lễ kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long – Hà Nội, tôi chợt nhận ra Tây Bắc với một vẻ đẹp mới, trong sáng vô ngần. ■

Đầu xuân thưởng mai

QUÁCH GIAO

Năm nay nhiều nơi mai nở sớm. Rằm tháng Chạp đã thấy chớm hoa vàng. Sáng ba mươi, con trai thứ tôi đưa về nhà một cành mai lớn, nở đầy hoa. Gian phòng thờ phụ thân tôi tràn ngập sắc vàng. Ngoài phòng khách, chậu mai năm ngoái cũng lác đác trở bông. Chiều ba mươi, tôi đem những cánh mai vàng rụng lấp đầy gốc mai trong chậu. Búp và tàn chan hòa lẫn lộn.

Ngay sau khi cúng giao thừa xong, tôi xuất hành mừng năm mới. Sau thời khắc giao thừa, thành phố Nha Trang đã có cái tung bừng của sáng ngày mồng một Tết. Trời Nha Trang bình yên mây trắng. Biển Nha Trang trong xanh hiền hòa. Đường Trần Phú người xe rộn rịp trong sắc xuân về. Sóng biển vỗ nhẹ dịu xoa bờ cát trắng. Gió xuân ngọt ngào, tâm hồn người thanh thản.

Trưa mồng một, một mình lặng ngồi ngắm cội mai già. Cành mai khẳng khiu, lá mai phớt nõn đậm đà sắc lá xanh non. Tàn mai có ba tầng. Hai tầng trên nụ đầy, lác đác vài đóa nở vàng. Cánh mai nở trên tám cánh. Lưa thưa mà duyên dáng. Dưới gốc cánh hoa mai vàng tràn ngập. Những tưởng rằng mai đã rụng cành.

Gió hiu hiu, nắng vàng lọt qua song cửa làm ấm những xác cánh mai. Đang thiu thiu bỗng nhiên mắt chớp. Những cánh mai rụng đang nằm yên lặng dưới cội mai bỗng nhiên xao động. Nhẹ nhàng như một đợt sóng ban mai xoa nhẹ bờ cát. Đầu phải gió xuân treu ghẹo những cánh hoa tàn. Những cánh hoa được nâng cao rồi nằm lặng xuống nhẹ nhàng. Bỗng chốc lại lắng yên. Màu vàng thắm vẫn phẳng lặng như tờ. Một lát sau màu vàng lại xao động. Lần này không đồng loạt mà lại lỏ nhỏ như sóng vỗ lên gành đá. Rồi lại lắng yên. Những tưởng rằng mình vừa chớp mắt. Nhưng không, những gợn vàng xao nhẹ vẫn nhịp nhàng tái hiện. Lòng trực ngộ phải chăng đây là nhịp thở của đất trước mùa xuân sang. Ôi mẹ đất, tình xuân đã rộn ràng cùng thiên nhiên, hơi thở của mẹ rung rinh những cánh mai vàng đang nằm ôm nhau nghe mùa xuân

nhẹ bước. Những cánh hoa rời cành không đi vào hư không mà trở về cùng đất mẹ để lắng nghe hơi thở mẹ phả ấm đón xuân về. Những cánh hoa mai vàng như đàn con trở về hội tụ trên đất mẹ rung rinh đùa giỡn dưới cội mai vàng. Trong thiên nhiên, giữa trời đất uyên nguyên, vũ trụ thao thức giao hòa.

Người xưa lượm hoa rụng đem chôn hoa dưới gốc hoa chỉ vì thương cho kiếp hoa sớm tàn tạ như một kiếp người.

Sáng hôm nay cánh mai rụng lại trở về nằm dưới gốc mai để nghe nhịp đập của mẹ đất. Lòng vẫn bồi hồi vừa nhìn được nhịp đập của mẹ đất. Bên cái tĩnh lặng của buổi sáng đầu xuân, tai như nghe được tiếng ngân của giọt nắng rụng bên thềm, của hương thơm cành mai vừa hé nhụy, của bầu trời xanh thẳm bao la mênh mông nhưng ấm đượm xuân tình.

Giữa tiếng sóng dịu dàng của trùng dương trong buổi sáng đầu xuân và sự rung động nhẹ nhàng dưới những cánh hoa mai của mẹ đất có một sự giao thoa ấm ả. Mùa xuân này tôi được đón nhận những âm ba của mẹ đất, nhìn thấy được sự rung chuyển dịu dàng trong hương sắc mùa xuân mới. Hương thơm và sắc vàng của hoa mai, khiến lòng ngây ngất. Còn sự rung động như xao xuyến của sắc vàng của âm ba đang chuyển động khiến lòng tôi bàng hoàng. Sự hòa hợp giữa đất trời trong gian phòng bé nhỏ cũng đủ cho cuộc đời tôi hạnh phúc biết là dường nào!

Tuổi đời gần đến tám mươi mà chưa một thoáng thời gian nào lòng nhận được sự vi ba của đất trời. Cảm nhận được qua sách vở, qua lời *kính Địa Tạng*, qua sự suy ngẫm của tư duy nhưng chưa bao giờ trực giác được tình mẹ đất.

Buổi sáng mồng hai những cánh hoa mai lại được đổ vun vào chậu mai trong phòng khách. Buổi trưa đang ngồi tiếp chuyện bạn bè chợt trông thấy lớp cánh mai rung động. Không muốn gây ngạc nhiên cho bạn bè trong những giờ vui xuân, tôi lặng lẽ chuyện trò cùng bè bạn mà không nói đến sự rung động của



những cánh hoa tàn...

Những cánh hoa mai nằm dày trên mặt đất thỉnh thoảng khẽ chao động như những cánh bèo trên mặt ao thu của thi hào Yên Đỗ. Mặt đất xuân ở đây cũng mênh mông quanh vắng như mặt ao mùa thu trong thơ văn: *Cá đâu đớp động dưới chân bèo.*

Một khung cảnh động mà không có tiếng động, chỉ có thị giác mới cảm nhận được mà thôi. Một cánh hoa được nâng lên rồi nhẹ nhàng nằm xuống. Mới chợt nhìn những tưởng là cánh hoa vừa mới khẽ cựa mình.

Sang sáng mỏng ba, lớp cánh hoa mai lại phủ dày thêm trên mặt chậu mai trước phòng khách. Sự rung động dường như thưa đi. Đến trưa mỏng ba thì tôi phát hiện ra hiện tượng khiến nệm cánh hoa mai trên nền đất chậu mai rung chuyển:

Thì ra trong chậu mai có rất nhiều con trùn sinh sống. Lớp cánh hoa mai đủ dày để che kín mặt đất ủ hương thơm của mai vàng. Lũ trùn thò đầu ra khỏi mặt

đất để thưởng thức hoa xuân làm cho cánh hoa rung động. Trong cái tĩnh lặng của đất có ai ngờ rằng có một loài sinh vật mà chúng ta không hề tưởng đến đang sống động thưởng thức hoa xuân. Trong những cánh hoa mai rơi rụng còn thấm đẫm hương xuân mà khứu giác chúng ta không thể phát hiện thì sinh vật dưới đất kia đã nhạy bén nhận ra và cùng nhau nhô đầu lên thưởng thức. Chúng lặng lẽ, âm thầm đón nhận hương xuân. Không chen nhau, không giành nhau, chúng yên lặng tận hưởng hương mai đang cùng với hương mùa xuân tràn lan trên mặt đất, thấm sâu vào lòng đất. Mẹ đất cũng đang đón mùa xuân với hương hoa mai thấm tận dưới lớp vỏ đất đượm nồng tình nghĩa.

Hương xuân, hương mai không chỉ dành riêng cho con người mà còn chung cho mọi sinh vật. Những con trùn làm xao động lớp cánh hoa mai nằm trên mặt đất của chậu mai kia đã biểu lộ cảm tình của muôn loài với mùa xuân đang đến trên thế gian này. ■

Lời cảm ơn cuộc sống

Hàng ngày em vẫn thức dậy từ sớm nhưng chưa bao giờ ra khỏi nhà trước 6 giờ 30. Tuần trước, ba em có công việc phải đi Xuân Lộc sớm, cho em đi theo. Từ 5 giờ sáng, hai bố con đã gọi taxi để ra bến xe miền Đông. Xe đi qua mấy ngôi chợ, hàng loạt những ngã ba ngã tư rồi mới đến bến xe. Từ trong xe nhìn ra, em nhận thấy ngay từ sáng sớm, đã có không biết bao nhiêu người tất bật chuẩn bị cho một ngày sinh hoạt của thành phố. Ở những ngôi chợ, có rất nhiều người đem hàng đến để chuẩn bị bán cho ngày hôm ấy. Tại các góc đường, em thấy có những người chờ hàng chồng báo đổ xuống để rồi có những người ngồi xếp vào thành từng tờ cho đủ trang của một số báo trước khi giao đến các sạp. Em nói với ba điều nhận xét của mình. Ba em bảo, “Đầu phải chỉ có sáng sớm người ta mới tất bật. Ở các chợ đầu mối, hàng hóa được chuyển về suốt đêm. Những chuyến xe tải chở hàng đường dài chạy liên tục không nghỉ, tài xế phải thay phiên nhau lái xe. Những phòng bệnh cấp cứu luôn luôn có người trực suốt 24 giờ một ngày. Tóm lại, cuộc sống diễn ra không chỉ trong thời gian có ánh mặt trời”. Thì ra, trong lúc em còn nằm yên trong chăn êm, nệm ấm, đã có vô số con người bận rộn lo toan cho cuộc sinh hoạt của những người khác. Buổi tối hôm ấy, khi về đến nhà, em nói với ba là em muốn ghi lại cảm nhận của mình rồi gửi đến báo VHPG mà ba có đăng ký dài hạn để cảm ơn cuộc sống. Được ba khuyến khích và hứa sửa giúp, em viết những lời này nhờ báo VHPG chuyển lời cảm ơn của em đến tất cả những người vẫn âm thầm lo lắng cho cuộc sống của thành phố.

Nguyễn Kỳ Nam, học sinh lớp 6 Trường PTCS Hiệp Thành

Tôi có duyên lành được xuất gia từ thuở nhỏ, được lớn lên và tầm mình trong dòng pháp vi diệu của đáng Từ Tôn. Tôi thực sự rất hạnh phúc vì điều đó, nhưng đôi lúc tôi vẫn cảm thấy có gì vướng víu trong việc thực hiện Bát kinh pháp, một điều mà mãi về sau này tôi mới hiểu mình sai. Lúc đầu tôi thường chỉ chấp tay cúi đầu cung kính trước những vị tôn túc, những người mà tôi cho là đáng kính nể, còn lại thì tôi thường... lảng tránh.

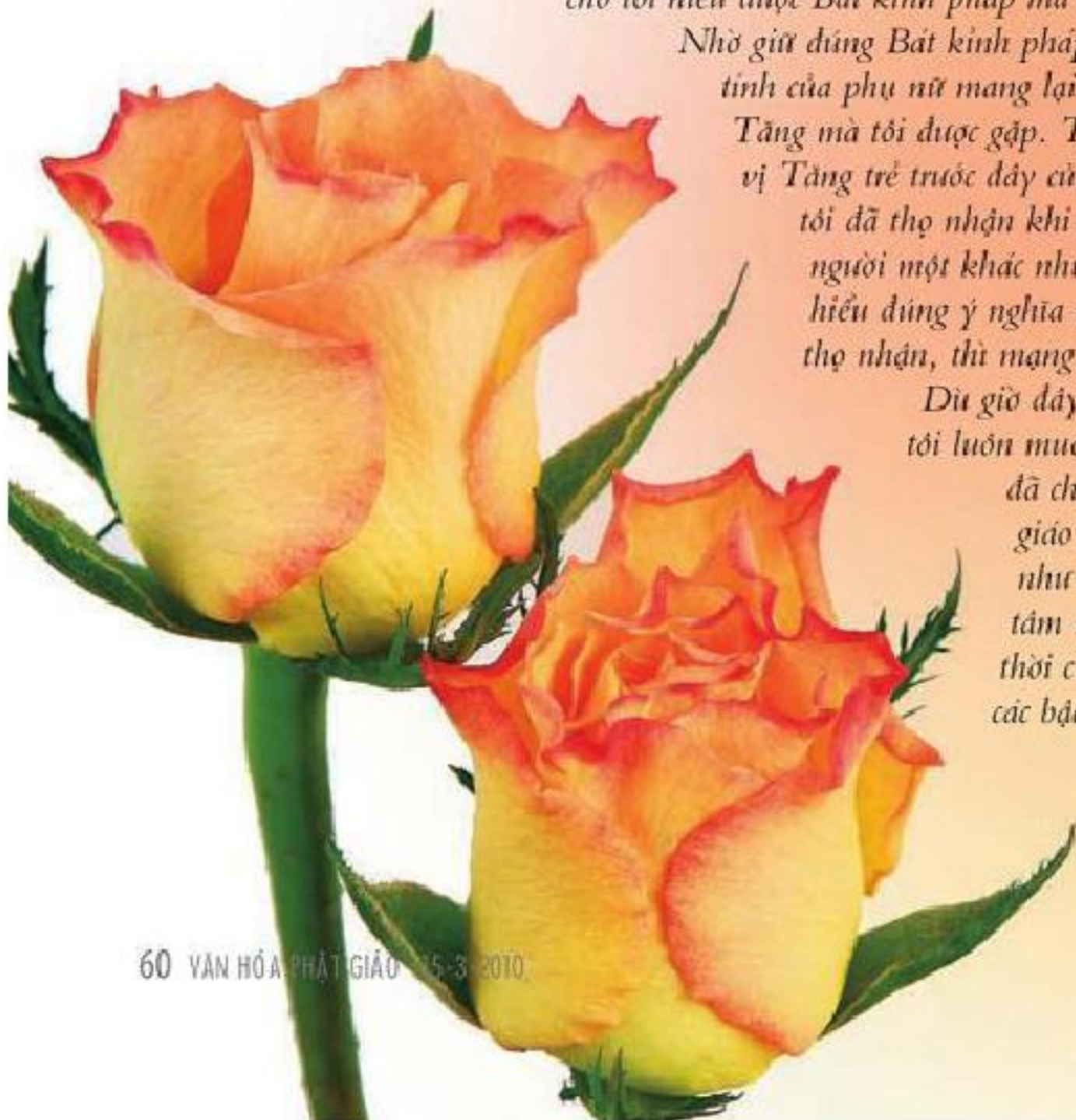
Tôi mang thái độ đó bước vào giảng đường đại học. Tại đây, tôi gặp hai thầy. Chính hai thầy đã đến bắt chuyện, làm quen với tôi. Qua một thời gian học chung, tôi dần dần nhận ra những phẩm chất đáng quý ở hai người bạn học này. Một người thì hòa nhã, thẳng thắn và chân thành, một người thì nghiêm nghị, ít nói nhưng lại rất nhiệt tình khi bạn bè cần đến. Đặc biệt là cả hai đều rất giản dị, khiêm nhường và phong thái của hai thầy cho thấy đây là những người thực tu, thực học. Không chỉ riêng tôi mà các bạn trong lớp cùng quý thầy cô trong và ngoài khoa đều có cảm nhận như thế. Khi đã trở nên quen biết nhau nhiều hơn, có đôi lúc tôi quên đi vị trí của hai thầy, trong việc hỏi han bài vở hoặc nhờ giảng lại những điều chưa rõ, tôi thể hiện một thái độ gần như là thân mật, thì từng người một đều có một thái độ khéo léo để nhắc nhở tôi về uy nghi của một người xuất gia. Thái độ của hai thầy lần lần làm cho tôi hiểu được Bát kinh pháp mà Phật chế là chỉ vì lợi ích của giới nữ trong cuộc sống tu hành.

Nhờ giữ đúng Bát kinh pháp, một Tỷ-kheo-ni có thể tránh được những hạn chế do giới tính của phụ nữ mang lại. Thêm vào đó, tôi bắt đầu khởi tâm cung kính tất cả các vị Tăng mà tôi được gặp. Tôi cũng nhận ra rằng thái độ bất cung hay lảng tránh những vị Tăng trẻ trước đây của tôi hoàn toàn đi ngược lại với tinh thần Bát kinh pháp mà tôi đã thọ nhận khi xuất gia. Tôi hiểu rằng, dù hoàn cảnh, nghiệp duyên mỗi người một khác nhưng khi xuất gia học đạo, mọi người đều phải thành tâm tìm hiểu đúng ý nghĩa những điều Phật dạy, tự nguyện gìn giữ những gì mình đã thọ nhận, thì mạng mạch Phật pháp mới được trường tồn.

Dù giờ đây không còn học chung với hai vị thiện tri thức ấy nữa, nhưng tôi luôn muốn gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến hai thầy, những người đã cho tôi một cái nhìn mới trong văn hóa ứng xử, trong tiếp nhận giáo lý, cho tôi có cái nhìn lạc quan, tin tưởng về hiện tại cũng như tương lai Phật pháp. Kính chúc hai thầy luôn giữ vững được tâm nguyện “tác Như Lai sứ, hành Như lai sự” của mình. Đồng thời cũng mong rằng sẽ có nhiều người hơn có duyên lành được gặp các bậc thiện hữu tri thức như tôi.

Hạnh Đức

16 Nguyễn Khoái, P.2, Q.4, TP.HCM



Mì Quảng

HOÀNG ANH - PHÚ XUÂN

Mì Quảng là món ăn đặc trưng của xứ Quảng Nam - Đà Nẵng. Sợi mì Quảng thường được cắt to và chế biến từ bột gạo. Có nhiều loại mì màu sắc khác nhau như màu trắng, màu vàng, màu nâu hồng. Nhưng ngon nhất là loại sợi mì màu nâu hồng tự nhiên chế biến từ gạo ruộng.

Nguyên liệu:

- Sợi mì Quảng: 1kg
- Nấm hương khô: 100gr
- Nấm mèo: 10gr
- Nấm rơm tươi: 200gr
- Chả chay: 300gr
- Tàu hũ ky lá: 10gr
- Đậu phụng rang: 100gr
- Đậu hũ: 2 bìa
- Bánh tráng nướng: 3 cái
- Boarô: 1 cây
- Bắp chuối bào: 100gr
- Rau húng lủi: 10gr
- Giá: 30gr
- Chanh: 3 quả
- Ớt trái: 3 quả

- Rau củ quả các loại (củ cải, cà rốt, su su, củi bắp...): mỗi thứ một ít
- Hạt điều: 1 muỗng cà phê
- Gia vị: muối, tiêu, đường, nước tương, dầu ăn

Cách làm:

- Rau củ các loại: cắt nhỏ hầm lấy nước dùng
- Đậu hũ: chiên vàng, xắt lát mỏng
- Tàu hũ lá: chiên vàng, bẻ nhỏ
- Nấm hương, nấm mèo: ngâm nở, rửa sạch cắt vừa ăn
- Nấm rơm tươi: Ngâm nước muối, gọt chân rửa sạch, chẻ đôi

Dầu điều: bắc chảo nóng với vài muỗng dầu. Khi dầu sôi cho hạt điều vào nhanh tay bắc khỏi bếp rồi xào cho đến khi dầu có màu đỏ cam.

Ướp đậu hũ, tàu hũ ky và nấm các loại với gia vị, boarô xắt nhỏ, dầu điều. Bắc nồi nóng, cho vào 1 muỗng súp dầu phi thơm với boarô xắt nhỏ. Cho các thứ đã ướp vào xào cho chín thơm. Kế, đổ nước dùng vào nấu lửa nhỏ, nêm nếm lại cho có vị thơm ngon đậm đà.

Cách dùng: Dùng tô lớn xếp các loại bắp chuối sợi, rau húng lủi, giá một bên. Một bên xếp sợi mì Quảng. Chan nước dùng lên mặt, bỏ thêm vài lát chả chay, đậu phụng, bánh tráng bẻ nhỏ lên mặt.

Món mì Quảng có thể dùng kèm với chanh, ớt trái hoặc tương ớt. Nước dùng chỉ chan vừa đủ ngấm vào sợi mì là được.

Ảnh: Võ Lộc



CƠM GẠO LỨT - BROWN RICE
CHÂN NGUYÊN[®]
 Natural Food - Natural Life

Phục vụ các món ăn được chế biến hoàn toàn từ gạo lứt, mè, rau đậu hạt thiên nhiên theo phương pháp OHS&WA.

96H Võ Thị Sáu - P. Tân Định - Q.1 - TP.HCM ĐT: (08) 38251659
 82 Nguyễn Du - Q.1 ĐT: (08) 22422372



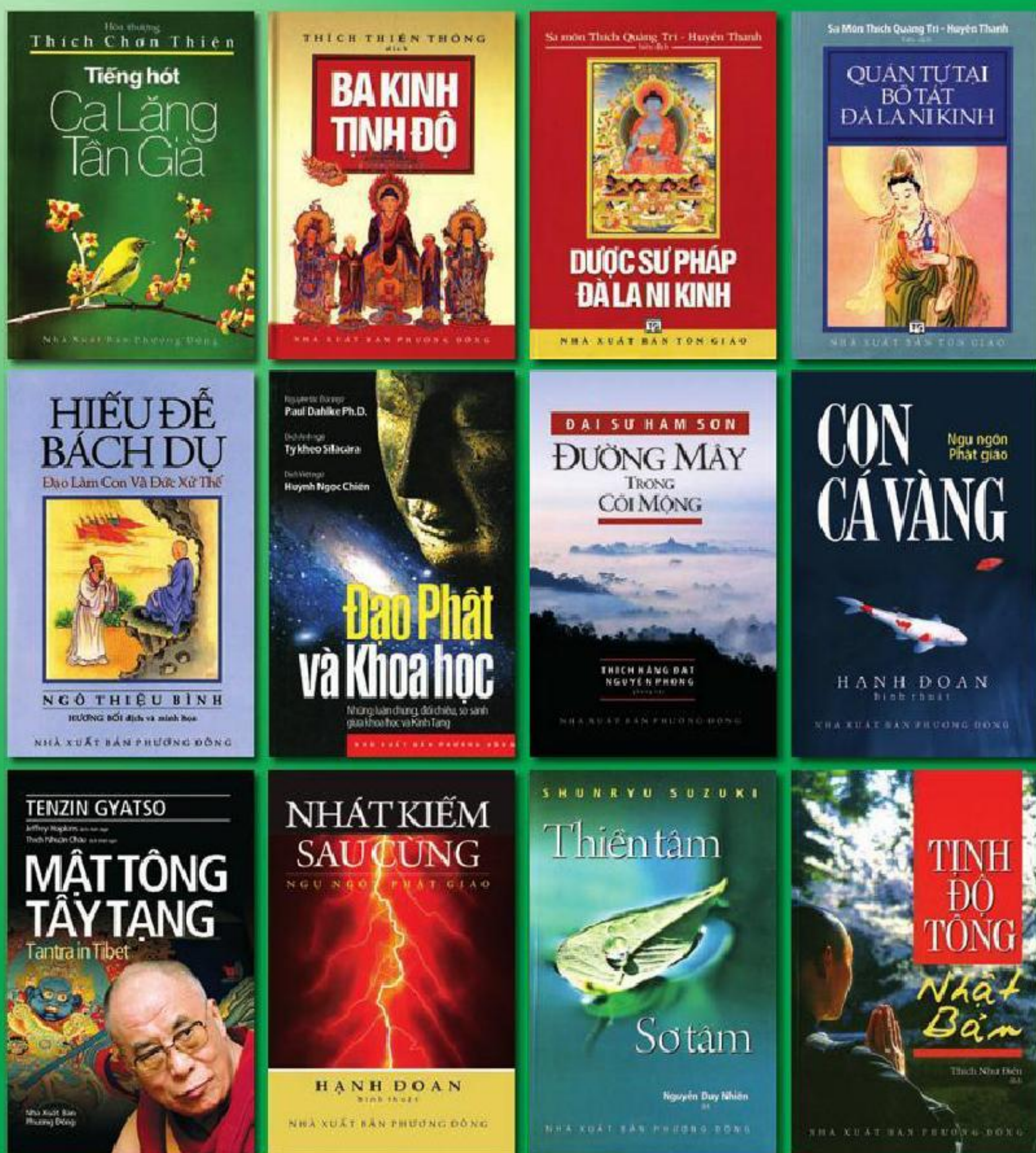


NHÀ SÁCH VĂN THÀNH

235/53 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3, TP. HCM
ĐT: 8482 028 - 8438 949. Fax: 8438 949. DD: 0909.093.106 - 0908.585.560
Email: thanhnguyen1@hcm.vnn.vn

CHI NHÁNH QUẬN 9

Nhà số 14, Đường số 8, P. Phước Bình, Quận 9, TP.HCM. ĐT: 728 0174 - DD: 0909.093.106



Nhà sách chúng tôi có dịch vụ chuyên tư vấn về xuất bản, in ấn và thực hiện chế bản các thể loại kinh sách văn hóa phẩm Phật giáo bằng chữ Hán, Pàli và Sanskrit.



THIẾT KẾ PHẬT GIÁO LIÊN HOA **LOTUS DESIGN**

www.lotusdesign.vn

Tel: 38 48 38 00

Chuyên thực hiện thiết kế & in :

Quảng cáo, Danh thiếp, Tờ rơi, Lịch, Banner, Bảng rôn, Bảng hiệu, Brochure, Quà tặng, Website, Catalogue, In kỹ thuật số khổ lớn, Trang trí mỹ thuật...

294

Nam Kỳ Khởi Nghĩa
P 8, Quận 3, Tp.HCM
Tel: (08) 38 48 38 00

Mobile: 0903 066 881
0939 868 389
Email: lotusdesign38@yahoo.com



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP.HỒ CHÍ MINH

TỔ IN ẤN & PHÁT HÀNH KINH SÁCH

Chuyên thực hiện :

- In ấn, phát hành các loại kinh sách Phật giáo.
- Nhận thực hiện các thủ tục xin phép xuất bản kinh, sách, băng đĩa, văn hóa phẩm Phật giáo.
- Nhận ký gửi các loại kinh sách, văn học triết học, văn hóa phẩm Phật giáo.

Nhận chuyển giao kinh sách đến tận nơi Chư Tăng Ni, Quý Phật tử trong & ngoài nước.

294

Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8
Quận 3 Tp. Hồ Chí Minh

Tel: (08) 38 46 97 21 - 38 48 32 18

38 48 32 28

Email: toinanthpg@yahoo.com

Ấm Tử Sa *Phù Quý Thổ*



Mua bán đẹp như cũ như xưa!

Phòng trưng bày: 491 D3 Nơ Trang Long, P.13, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: 84.08.3553 4605 - 84.08.6658 7775 - DĐ: 0903.848.147

viet-art

HỌA PHẨM: LOUVRE, LEFRANC, LIQUITEX, CONTÉ À PARIS
GIẤY HỘI HOA: CANSON, MONTVAL, MI-TEINTES, FIGUERAS

Địa chỉ: 9/2A Hoàng Hoa Thám, P.6, Q. BT, TP.HCM
ĐT: 84-8-3551 1942 - Fax: 84-8-351 08212
Email: vietartsupply@gmail.com



- 237 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, Tp.HCM - Tel: 3899 2923 Fax: 3899 2925
- 237/6 Đỗ Ngọc Thạnh, P.6, Q.11, Tp.HCM - Tel: 3955 9137 Fax: 3955 2323

NHÀ HÀNG CHAY VEGETARIAN RESTAURANT



Nơi Bạn thưởng thức nhiều món chay phong phú & hấp dẫn.



FAHASA

CÔNG TY CP PHÁT HÀNH SÁCH TP.HCM

XÍ NGHIỆP IN FAHASA

Diện tích khuôn viên: 10.000m², diện tích nhà xưởng: 3.500m²

Phân xưởng in

- Với nhiều máy in hiện đại do Đức & Nhật: Heidelberg Komori, Akyama, Lithrone, Mitsubishi.

Phân xưởng thành phẩm

- Đáp ứng nhanh với nhiều máy: cắt gấp, khâu chỉ, đóng kim, máy vô bìa sách, máy bế hộp, máy ép thủy lực nhũ, mạ.

Chuyên sản xuất:

- Sách các loại.
- Sách bìa cứng cao cấp.
- Lịch, Catalogue và các ấn phẩm khác.
- Bao bì, Brochure quảng cáo.
- Tập kẻ hàng, sổ note.



UY TÍN - CHẤT LƯỢNG - GIÁ CHẤP NHẬN

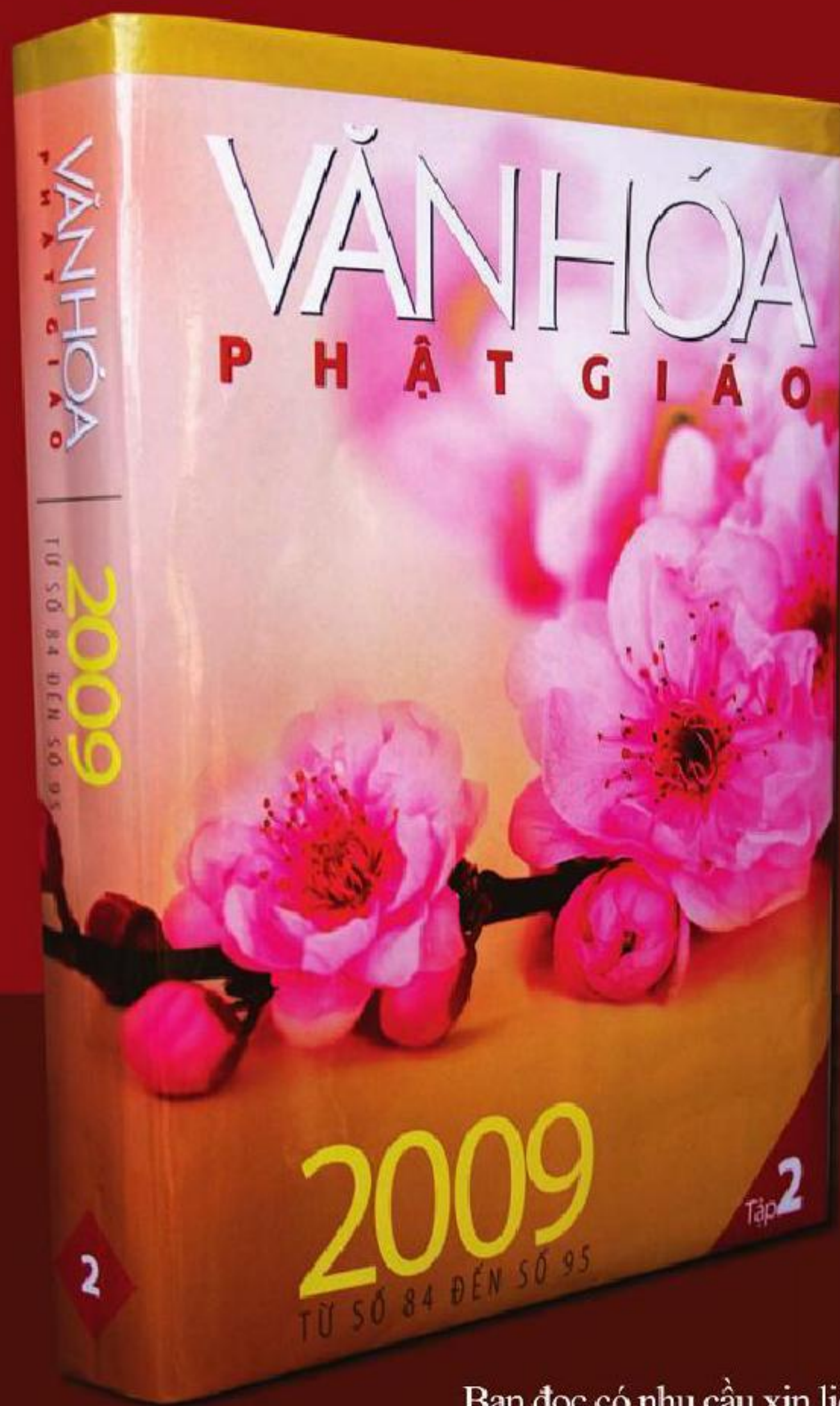
Các ấn phẩm đẹp, chất lượng cao
đã thực hiện trong năm qua

Địa chỉ: 774 Trường Chinh, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 38153 971 - (08) 38153 001 - Fax: (08) 38153 297

Email: fahasa_xin@vnn.vn
Website: www.fahasasg.com.vn

Văn Hóa Phật Giáo đóng bộ **Tập 2** năm 2009
(từ số 84 đến 95)

phát hành từ ngày 25/3/2010



Bạn đọc có nhu cầu xin liên hệ tại
Tòa soạn: 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, TP. HCM
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576

Đón đọc

VĂN HÓA

P HẬT GIÁO

Số 102

Phát hành ngày 1 - 4 - 2010

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng sách Chân Tịnh
79 Khu B tập thể Trường Đại học
Kiến trúc, Km 10, đường Nguyễn Trãi,
quận Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng sách Chân Tịnh
A38 TT8 Khu đô thị Văn Quán,
Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0938 071 188

THỪA THIÊN HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phố Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chùa Long Khánh
Tỉnh Hội Phật giáo Bình Định, TP. Quy
Nhơn - Bình Định
LH: Anh Trần Ngọc Đạt
ĐT: 0979 178 869

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, Chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

ĐAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội
Châu, TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Nhà sách Duy Tân
31 đường 3 tháng 2, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3821 188

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cổ Văn, Chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành - Bà
Rịa Vũng tàu
LH: Sư cô Liên Đức
ĐT: 0643 941 099

Sóc TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngõ Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, Chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Máy Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 - 070. 834 654
(Chú Tư Nở)

TP HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 12.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG